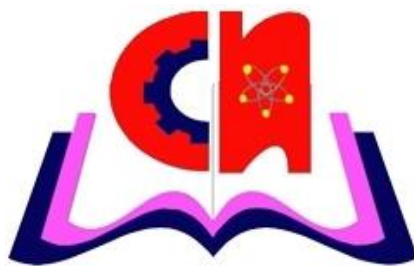


BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên nghề: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

Mã nghề: 6810404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

Hung Yên, năm 2023

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
MH01	Giáo dục chính trị	10
MH02	Pháp luật	25
MH03	Giáo dục thể chất	42
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	51
MH05	Tin học	72
MH06	Anh văn	86
MĐ 07	Tổng quan nghề chăm sóc sắc đẹp	105
MĐ 08	Mỹ thuật	110
MH 09	Giải phẫu người và sinh lý	117
MH 10	Sức khỏe và thẩm mỹ	126
MH 11	Mỹ phẩm và dược phẩm trong chăm sóc thẩm mỹ da	135
MH 12	Vệ sinh-an toàn dịch tễ	141
MH 13	Kỹ năng mềm	151
MĐ 14	Chăm sóc da cơ bản	159
MH 15	Chăm sóc da nâng cao	168
MĐ 16	Make up cơ bản	181
MĐ 17	Make up nâng cao	191
MĐ 18	Kỹ thuật vẽ móng cơ bản	201
MH 19	Kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật	211
MĐ 20	Massage body	219
MĐ 21	Gội đầu dưỡng sinh	225
MĐ 22	Tóc và mi	233
MĐ 23	Quản lý cơ sở kinh doanh	241
MH 24	Thực tập chuyên ngành	248
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	252

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-CĐCNHY ngày 27/11/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên)*

Tên ngành, nghề: Chăm sóc sắc đẹp

Mã ngành, nghề: 6810404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Nhận thức được cơ bản về tư tưởng, Đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước
- Thực hiện được phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Đạt được những kiến thức cơ bản tin học, ngoại ngữ theo quy định của thông tư được Bộ Lao động – Thương binh và xã hội xây dựng và ban hành
- Có tri thức cơ bản và khả năng thực hành về Chăm sóc sắc đẹp.
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da, móng
- Thực hiện thành thạo quy trình
- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- Thực hiện thành thạo quy trình Massage bấm huyệt;
- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị - dụng cụ, hội thảo hoặc sự kiện... ;
- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại các bộ phận dịch vụ của cơ sở làm đẹp;

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân. Sống và làm

việc theo Hiến pháp và Pháp luật.

- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp; có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc.
- Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.2. Chuyên môn

1.2.2.3. Kiến thức

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;
- Trình bày được tác động của nghề Chăm sóc sắc đẹp đối với kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các dịch vụ trong lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;
- Trình bày được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Kỹ thuật chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm thẩm mỹ, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt, quản lý cơ sở làm đẹp và các dịch vụ khác;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
- Giám sát và đánh giá được kết quả công việc tại các bộ phận của cơ sở làm đẹp;
- Xác định được các công việc cơ bản trong quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý tiếp thị và kinh doanh, quản lý chất lượng dịch vụ... trong kinh doanh cơ sở làm đẹp;
- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;
- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.3.4. Kỹ năng

- Thực hiện thành thạo quy trình phục vụ khách hàng;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da: chăm sóc da mặt, da toàn thân, chuyên sâu về da;

- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc móng, thiết kế tạo hình móng;
- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- Thực hiện thành thạo quy trình Massage bấm huyệt;
- Thực hiện thành thạo quy trình nối mi;
- Sử dụng an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Xây dựng kế hoạch nhân sự; phân công công việc; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị - dụng cụ, hội thảo hoặc sự kiện... ;
- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại các bộ phận dịch vụ của cơ sở làm đẹp;
- Đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn kèm cặp kỹ năng nghề cho đồng nghiệp, nhân viên;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

1.2.3. Sức khoẻ.

- Có hiểu biết và phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Thường xuyên rèn luyện cơ thể để có sức khoẻ đảm bảo công tác lâu dài và sẵn sàng chiến đấu giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;
- Chăm sóc da mặt;
- Chăm sóc da toàn thân;
- Chăm sóc chuyên sâu về da;
- Chăm sóc móng; Thiết kế, tạo hình móng nghệ thuật;
- Trang điểm; Trang điểm hóa trang;
- Nối mi;

- Massage bấm huyệt;
- Thiết lập, vận hành cơ sở làm đẹp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 74 Tín chỉ (1.800 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 19 tín chỉ (435 giờ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 55 tín chỉ (1.365 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 552 giờ; Thực hành, thực tập: 1.172 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Anh văn	5	120	42	72	6
II	Môn học, mô đun chuyên môn	55	1.365	395	917	53
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	255	150	91	14
MĐ 07	Tổng quan nghề chăm sóc sắc đẹp	2	30	20	8	2
MĐ 08	Mỹ thuật	2	30	20	8	2
MH 09	Giải phẫu người và sinh lý	2	45	30	12	3
MH 10	Sức khỏe và thẩm mỹ	3	45	30	12	3

MH 11	Mỹ phẩm và dược phẩm trong chăm sóc thẩm mỹ da	3	45	30	13	2
MH 12	Vệ sinh-an toàn dịch tễ	2	30	20	8	2
MH 13	Kỹ năng mềm	3	60	20	38	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	40	1.110	245	826	39
MĐ 14	Chăm sóc da cơ bản	4	105	30	70	5
MH 15	Chăm sóc da nâng cao	4	105	30	70	5
MĐ 16	Make up cơ bản	3	60	25	30	5
MĐ 17	Make up nâng cao	4	90	25	60	5
MĐ 18	Kỹ thuật vẽ móng cơ bản	3	45	20	23	2
MH 19	Kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật	3	90	15	72	3
MĐ 20	Massage body	4	90	30	57	3
MĐ 21	Gội đầu dưỡng sinh	3	75	15	55	5
MĐ 22	Tóc và mi	3	60	15	43	2
MĐ 23	Quản lý cơ sở kinh doanh	2	45	20	23	2
MH 24	Thực tập chuyên ngành	4	120	5	115	
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	5	225	5	220	
	Tổng	74	1.800	552	1172	76

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung thực hiện theo các Thông tư do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, cụ thể:

- Môn Giáo dục chính trị theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 6/12/2018;
- Môn Pháp luật theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018;
- Môn Giáo dục thể chất theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018;
- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018;
- Môn Tin học theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018;
- Môn Tiếng Anh theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường có thể bố trí cho sinh viên tập luyện thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh, di tích lịch sử, làng nghề phù hợp với nghề được đào tạo.
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, cụ thể:

STT	Nội dung	Thời gian
1	- Thể dục, thể thao - Văn hóa, văn nghệ - Sinh hoạt tập thể - Vui chơi, giải trí và các hoạt động phong trào	Ngoài giờ học chính khóa
2	- Hoạt động thư viện : sinh viên có thể đến thư viện đọc sách, tra cứu thông tin và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
3	Tham quan, dã ngoại	Mỗi năm 1 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, môn:đun:

- Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, môn:đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, môn:đun trong chương trình đào tạo;
- Tổ chức thi kết thúc môn học, môn:đun theo khoản 2, Điều 12, Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Điều 11, Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Quyết định số 327/QĐ-CĐCNHY ngày 22/6/2022 ban hành Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn: đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học được xét công nhận tốt nghiệp phải đảm bảo các điều kiện theo Điều 34 Thông tư 04/2022/ TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Điều 34, Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Quyết định số 327/QĐ-CĐCNHY ngày 22/6/2022 ban hành Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp và các quy định về mẫu bằng cao đẳng tại Thông tư số 10/2027/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/03/2017 được sửa đổi bổ sung bởi thông tư số 24/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng bộ lao động – Thương Binh và xã hội. Hiệu trưởng xét công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định.

4.5 Các chú ý khác:

Phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại trường .

- Thực hành nghề được đào tạo ngay tại Trường, trong quá trình đào tạo kết hợp với doanh nghiệp nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

- Nội dung thực hành nghề đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của mô đun thực hành nghề. Sau khi hướng dẫn chung có thể phân nhóm thực hành, hoặc làm bài tập độc lập theo yêu cầu của từng mô-đun;

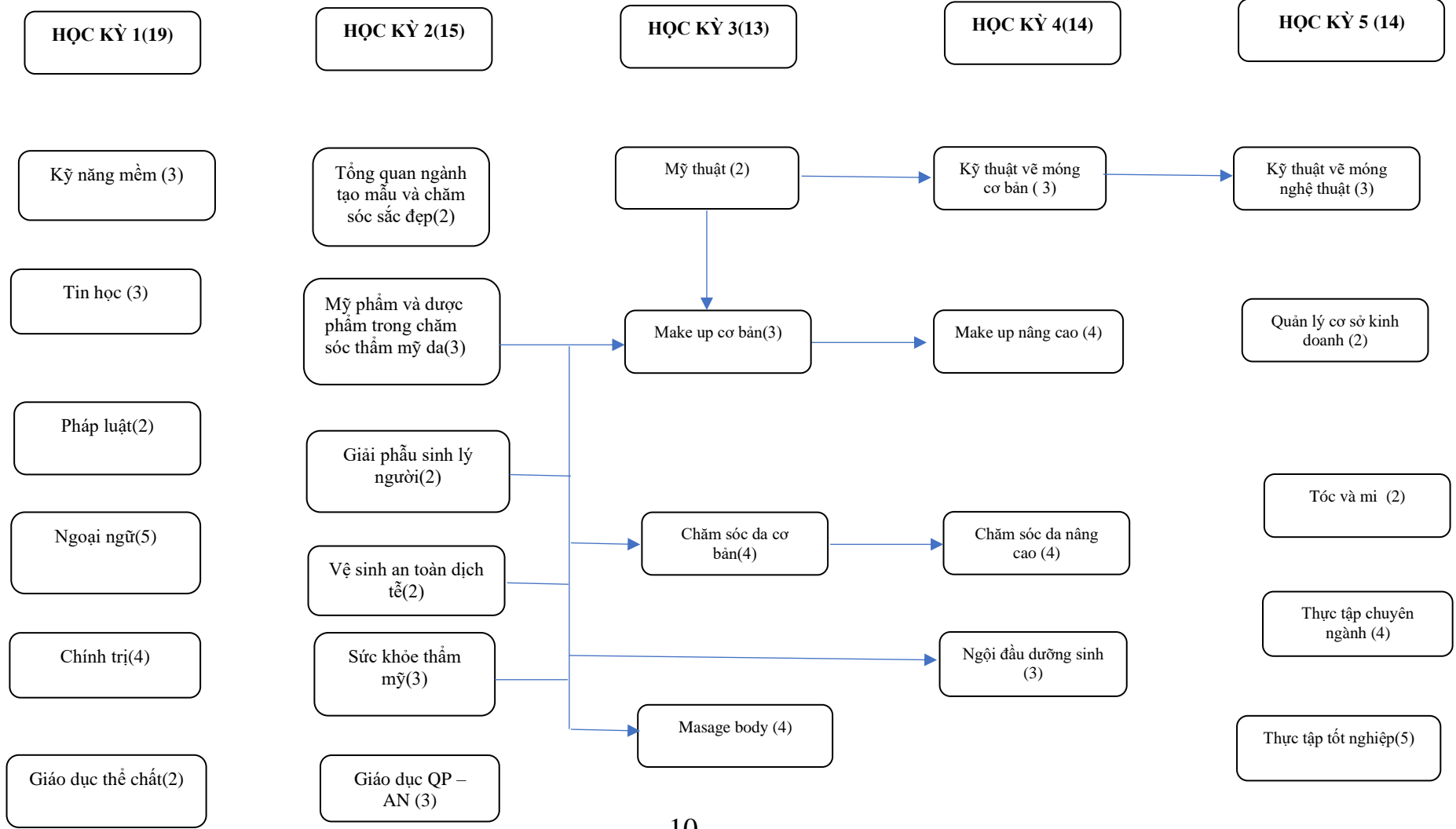
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Ngọc

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ- ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Chăm sóc sắc đẹp

Mã ngành, nghề: 6810404



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (*Lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ*)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra

1	Bài mở đầu	2	2	0	
	I. Vị trí, tính chất môn học	0.5	0.5		
	II. Mục tiêu môn học	0.5	0.5		
	III. Nội dung chính	0.5	0.5		
	IV. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học	0.5	0.5		
	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	13	9	4	
2	I. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin	1	1		
	II. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	11	7	4	
	III. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin	1	1		
	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
3	I. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	2,5	1,5	1	
	II. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	6,5	4,5	2	
	III. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam	2	1	1	
	IV. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	2	2		
	Kiểm tra	2			2
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	I. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam	2	1	1	
	II. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	3	2	1	
	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
6	I. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	3	2	1	

	II. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2	1	1	
	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
7	I. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay	4	2	2	
	II. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay	6	3	3	
	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
8	I. Bối cảnh quốc tế và Việt Nam	1	1		
	II. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh	3	1	2	
	III. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	2	1	1	
	Kiểm tra	2			2
9	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
10	I. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4	2	2	
	II. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	1	2	
	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
11	I. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	2	1	1	
	II. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	4	2	2	

	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
12	I. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt	1,5	0,5	1	
	II. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	1,5	0,5	1	
	Kiểm tra	1			1
13	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

Thời gian: 02 giờ (LT: 02)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

- Về kỹ năng: Vận dụng nội dung đã học để xác định được biện pháp học tập môn giáo dục chính trị có hiệu quả.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm Tích cực học tập, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2. Nội dung

- | | |
|---|----------------|
| I. Vị trí, tính chất môn học | <i>0,5 giờ</i> |
| II. Mục tiêu môn học | <i>0,5 giờ</i> |
| III. Nội dung chính | <i>0,5 giờ</i> |
| IV. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học | <i>0,5 giờ</i> |

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Thời gian: 13 giờ (LT: 9 giờ; TL: 4 giờ)

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội.

- Kỹ năng: Phân tích được khái niệm, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Đánh giá vai trò của Chủ nghĩa Mác – Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện cho sinh viên có thể giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong việc nhận thức thế giới.

2. Nội dung

I. Khái niệm chủ nghĩa Mác – Lênin	1 giờ
1. Khái niệm và nguồn gốc hình thành	0,5 giờ
2. Các giai đoạn phát triển	0,5 giờ
II. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	11 giờ
1. Triết học Mác – Lênin	
a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng	1 giờ
* Thảo luận về chủ nghĩa duy vật biện chứng	1 giờ
b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử	1 giờ
* Thảo luận về chủ nghĩa duy vật lịch sử	1 giờ
2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
a. Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư	1 giờ
b. Về chủ nghĩa tư bản độc quyền	1 giờ
* Thảo luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin	1 giờ
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	
a. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	1 giờ
b. Cách mạng xã hội chủ nghĩa	1 giờ
c. Sự phát triển của hình thái kinh tế xã hội CSCN	1 giờ
* Thảo luận về chủ nghĩa xã hội khoa học	1 giờ
III. Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của chủ nghĩa Mác-Lênin	1 giờ
1. Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin	0,5 giờ
2. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản	0,5 giờ

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời gian: 13 giờ (LT: 9 giờ; TL: 4 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; Trình bày được giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Về kỹ năng: Phân tích được nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích được giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

I. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh **2,5 giờ**

1. Khái niệm *0,5 giờ*

2. Nguồn gốc *0,5 giờ*

3. Quá trình hình thành *0,5 giờ*

** Thảo luận về quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 1 giờ*

II. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh **6,5 giờ**

1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại *1 giờ*

2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân *0,5 giờ*

** Thảo luận về Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân 1 giờ*

3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân *0,5 giờ*

4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân *1 giờ*

5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư *1 giờ*

** Thảo luận về Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 1 giờ*

6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau *0,5 giờ*

III. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam **2 giờ**

Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam *1 giờ*

** Thảo luận về vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam 1 giờ*

IV. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay **2 giờ**

1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh *1 giờ*

2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh *1 giờ*

Kiểm tra 2 giờ

Bài 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Về kỹ năng: Phân tích được quá trình ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. Đánh giá được những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Luôn tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

I. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam **3 giờ**

1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam *1 giờ*

2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng *1 giờ*

* *Thảo luận về vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng* *1 giờ*

II. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng **2 giờ**

1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc *0,5 giờ*

2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới *0,5 giờ*

* *Thảo luận về những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng* *1 giờ*

Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Về kỹ năng: Phân tích được các đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

I. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam **3 giờ**

1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh *1 giờ*

2. Do nhân dân làm chủ
 3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp
 4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
 5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện 1 giờ
 6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
 7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
 8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- * Thảo luận về các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* 1 giờ
- II. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam** **2 giờ**
1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường 1 giờ
 2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
 3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
 4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
 5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
 6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
 7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
 8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

** Thảo luận về phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* 1 giờ

Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Thời gian: 10 giờ (LT: 5 giờ; TL: 5 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.
- Về kỹ năng: Phân tích được các quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

I. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay. **4 giờ**

1. Chủ trương phát triển kinh tế, xã hội **1 giờ**

a. Quan điểm phát triển kinh tế xã hội

b. Những định hướng lớn phát triển kinh tế xã hội

* *Thảo luận về chủ trương phát triển kinh tế, xã hội* **1 giờ**

2. Chủ trương phát triển văn hóa, con người **1 giờ**

a. Quan điểm phát triển văn hoá, con người

b. Định hướng lớn phát triển văn hoá, con người

* *Thảo luận về chủ trương phát triển văn hóa, con người* **1 giờ**

II. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay **6 giờ**

1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

a. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước **1 giờ**

b. Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

c. Quản lý, phát triển xã hội, thực hiện công bằng xã hội **1 giờ**

* *Thảo luận về giải pháp phát triển kinh tế, xã hội* **1 giờ**

2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

a. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện **0,5 giờ**

b. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

c. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

* *Thảo luận về môi trường văn hoá* **1 giờ**

d. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

e. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

g. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại **0,5 giờ**

* *Thảo luận nội dung hội nhập quốc tế về văn hóa* **1 giờ**

Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Thời gian: 6 giờ (LT: 3 giờ; TL: 3 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay.

- Về kỹ năng: Phân tích được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

I. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế	1 giờ
1. Tình hình quốc tế	0,5 giờ
2. Tình hình Việt Nam	0,5 giờ
II. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh	3 giờ
1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh	0,5 giờ
* Thảo luận quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh	1 giờ
2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh	0,5 giờ
* Thảo luận về những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh	1 giờ
III. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	2 giờ
1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại	0,5 giờ
2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	0,5 giờ
* Thảo luận về quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	1 giờ
Kiểm tra	2 giờ

Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TL: 4 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Về kỹ năng: Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác trong lịch sử.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

I. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam **4 giờ**

1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam *1 giờ*

** Thảo luận về bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Việt Nam 1 giờ

2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam *1 giờ*

** Thảo luận về đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Việt Nam 1 giờ

II. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam **3 giờ**

1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam *0,5 giờ*

** Thảo luận về Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1 giờ*

2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam *0,5 giờ*

** Thảo luận về nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1 giờ*

Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thời gian: 6 giờ (LT: 3 giờ; TL: 3 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về kĩ năng: Phân tích, đánh giá được tầm quan trọng và biết phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: rèn luyện cho SV thấy được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

I. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc **2 giờ**

1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc *0,5 giờ*

2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc *0,5 giờ*

** Thảo luận về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.* 1 giờ

II. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 4 giờ

1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 1 giờ

2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 1 giờ

** Thảo luận về quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* 1 giờ

** Thảo luận về Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* 1 giờ

Bài 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

Thời gian: 3 giờ (LT: 1 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức: Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về kỹ năng: Phân tích được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

I. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt 1,5 giờ

1. Người công dân tốt 0,5 giờ

2. Người lao động tốt

** Thảo luận về người công dân tốt, người lao động tốt* 1 giờ

II. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt 1,5 giờ

1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam 0,5 giờ

2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

** Thảo luận về nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.* 1 giờ

Kiểm tra 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá:

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ:
 - + Kiểm tra thường xuyên do giảng viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.
 - + Kiểm tra định kỳ bằng hình thức kiểm tra viết.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng chương trình: Chương trình môn học Giáo dục chính trị sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng. Tổng thời gian thực hiện môn học là 75 giờ, giảng viên giảng các tiết lý thuyết kết hợp với các tiết thảo luận đan xen.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy học tập:

- Đối với giảng viên:
 - + Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, soạn bài đầy đủ trước khi lên lớp, soạn bài giảng trên ứng dụng Powerpoint chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
 - + Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, phát vấn, giảng giải, phân tích, đàm thoại, thảo luận nhóm, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn một cách có hiệu quả.
 - + Sử dụng máy tính, máy chiếu và có những video, clip và ví dụ minh họa cho sinh viên dễ hiểu.
- Đối với người học:
 - + Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao.
 - + Có mặt đầy đủ trên lớp, đúng giờ.
 - + Biết chia sẻ thông tin, tham gia nhiệt tình các hoạt động thảo luận nhóm.
 - + Nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của giảng viên.
 - + Chủ động, tích cực khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tự học ở nhà.
 - + Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, miễn thi tốt nghiệp đối với môn học Chính trị thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT , ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

21. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Các tài liệu liên quan khác.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Pháp Luật

Mã môn học: MH02

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học chung bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Môn học

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật trong đời sống và trong công việc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng

- Về kiến thức

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Trình bày được khái niệm Luật Dân sự, quy định Luật Dân sự về quyền sở hữu tài sản và Hợp đồng dân sự.

+ Trình bày được khái niệm Luật Lao động và một số nội dung cơ bản của Luật Lao động.

+ Trình bày được khái niệm Luật Hành chính và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

+ Trình bày được khái niệm Luật Hình sự, khái niệm và dấu hiệu pháp lý của tội phạm, quy định pháp luật hình sự về hình phạt.

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng chống tham nhũng.

+ Trình bày một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Về kỹ năng

+ Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

+ Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh Pháp luật dân sự, Luật lao động, Luật phòng, chống tham nhũng; Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và vận dụng kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

- + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
- + Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật;
- + Tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.
- + Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm;
- + Có nhu cầu phát triển bản thân, có tinh thần cầu tiến.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
	1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
	1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
	1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.				
	1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
	2. Hệ thống pháp luật Việt Nam				
	2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật				
	2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam				
	2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.				
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
	1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.				
	1.1. Khái niệm Hiến pháp.				
	1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.				

	2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.				
	2.1. Chế độ chính trị.				
	2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.				
	2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.				
3	Bài 3. Pháp luật Dân sự	5	3	2	
	1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự				
	1.1. Khái niệm				
	1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh				
	2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự				
	3. Một số nội dung của Bộ luật Dân sự				
	3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản				
	3.2. Hợp đồng dân sự				
4	Bài 4: Pháp luật Lao động	7	5	2	
	1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động				
	1.1. Khái niệm Luật Lao động				
	1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật Lao động				
	1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động.				
	2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động				
	2.1. Luật Lao động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể quan hệ Luật Lao động.				
	2.2. Luật Lao động tôn trọng sự thỏa thuận hợp pháp của các bên chủ thể quan hệ pháp luật Lao động; khuyến khích những thỏa thuận có lợi hơn cho người				

	lao động				
	2.3. Nguyên tắc trả lương theo lao động				
	2.4. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động				
	3. Một số nội dung của Bộ luật lao động				
	3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động				
	3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động				
	3.3. Hợp đồng lao động				
	3.4. Tiền lương				
	3.5. Bảo hiểm xã hội				
	3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi				
	3.7. Kỷ luật lao động				
	3.8. Tranh chấp lao động				
	3.9. Công đoàn				
5	<i>Kiểm tra</i>				01
6	Bài 5. Pháp luật Hành Chính	4	3	1	
	1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính				
	1.1. Khái niệm Luật Hành chính				
	1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính.				
	2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính				
	2.1. Vi phạm hành chính				
	2.2. Xử lý vi phạm hành chính				
7	Bài 6. Pháp luật Hình sự	5	3	2	
	1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự				
	1.1. Khái niệm				
	1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh				
	2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự				
	2.1. Tội phạm				
	2.1.1. Khái niệm tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm				

	2.1.2. Những dấu hiệu cơ bản của tội phạm				
	2.1.3. Phân loại tội phạm				
	2.2. Hình phạt				
	2.2.1. Hình phạt chính				
	2.2.2. Hình phạt bổ sung				
8	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
	1. Khái niệm tham nhũng				
	2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng				
	3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng				
	4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng				
	5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng				
9	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
	1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng				
	2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.				
	2.1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng				
	2.2. Trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng				
10	Kiểm tra	1			1
11	Cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

Thời gian: 02 giờ (TL: 01 giờ, BT, TL: 01 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:

+ Trình bày được bản chất, chức năng của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Trình bày được hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

+ Trình bày được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Trình bày được khái niệm pháp luật, các thành tố của hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ Trình bày được những quy định cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ Thấy được sự khác nhau về chất giữa nhà nước CHXH với các nhà nước khác.

+ Phân biệt rõ chức năng nhiệm vụ của từng loại cơ quan trong Bộ máy nhà nước.

+ Phân biệt được từng loại văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

+ Tích cực nghiên cứu tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật.

+ Tự chủ trong các hành vi của mình để đảm bảo phù hợp với pháp luật và cộng đồng.

2. Nội dung bài:

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 0,5 giờ

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam 0,5 giờ

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Thảo luận 1 giờ

Bài 2: Hiến pháp

Thời gian: 02 giờ (LT : 01 giờ, BT, TL: 01 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng kiến thức đã học giải quyết bài tập tình huống

+ Áp dụng quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của mình và người khác trong thực tiễn cuộc sống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tích cực nghiên cứu tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật.

+ Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật hiện hành.

+ Có khả năng xử lý tình huống trong thực tiễn cuộc sống.

2. Nội dung bài:

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam 0,25 giờ

2.1.1. Khái niệm Hiến pháp

2.1.2. Vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 0,75 giờ

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Thảo luận 1 giờ

Bài 3: Pháp luật dân sự

Thời gian: 05 giờ (LT: 03 giờ, BT, TL : 02 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự.

+ Trình bày được nội dung các nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự.

+ Trình bày được khái niệm, nội dung quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản.

+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm hợp đồng dân sự và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập tình huống.

+ Áp dụng kiến thức có được bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết công việc với tư duy lôgic và sáng tạo.

+ Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông;

+ Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu.

2.Nội dung bài:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự 0,25 giờ

2.1.1.Khái niệm

2.1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự 0,75 giờ

2.2.1 Nguyên tắc bình đẳng.

2.2.2. Nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận.

2.2.3. Nguyên tắc thiện chí, trung thực.

2.2.4. Nguyên tắc tôn trọng lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

2.2.5.Nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự.

2.2.6. Nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp.

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự 2 giờ

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng dân sự

Thảo luận

2 giờ

Bài 4: Pháp luật lao động

Thời gian: 07 giờ (LT: 5 giờ, BT,TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.

+ Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của Luật Lao động.

+ Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động.

+ Trình bày quy định pháp luật về Hợp đồng lao động,.

+ Trình bày được quy định pháp luật về tiền lương.

+ Trình bày được quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội

- + Trình bày được quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- + Trình bày được quy định pháp luật về kỷ luật lao động .
- + Trình bày được quy định pháp luật lao động về khái niệm và phương thức giải quyết tranh chấp tranh chấp lao động.
- + Trình bày được khái niệm công đoàn, vai trò của công đoàn với người lao động trong các đơn vị.
- + Kiểm tra khả năng nhận biết kiến thức và ý thức học tập của sinh viên.
- Về kỹ năng:
- + Xác định được các quan hệ do Luật Lao động điều chỉnh.
- + Soạn thảo được hợp đồng lao động.
- + Biết các xác định tiền lương người lao động theo quy định pháp luật lao động.
- + Có khả năng phân biệt các chế độ Bảo hiểm xã hội.
- + Phân biệt được các chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động.
- + Xác định được các trường hợp cần áp dụng hình thức xử lý kỷ luật lao động phù hợp với hành vi vi phạm kỷ luật lao động của người lao động.
- + Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra định kỳ.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Tuân thủ quy định pháp luật khi tham gia quan hệ lao động.
- + Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người lao động.
- + Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu.
- + Làm bài kiểm tra nghiêm túc đúng quy chế.

2. Nội dung bài:

- | | |
|---|-----------------|
| 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động | <i>0,25 giờ</i> |
| 2.1.1. Khái niệm và đối tượng điều chỉnh của Luật Lao động | |
| 2.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động | |
| 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động | <i>0,25 giờ</i> |
| 2.2.1. Luật Lao động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể trong quan hệ Luật Lao động | |
| 2.2.2. Luật Lao động tôn trọng sự thảo thuận hợp pháp của các bên chủ thể quan hệ pháp luật lao động ; khuyến khích những thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động. | |
| 2.2.3. Nguyên tắc trả lương theo lao động | |

2.2.4. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động.	
2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động	
2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động	0,5 giờ
2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động	0,5 giờ
2.3.3. Hợp đồng lao động	0,75 giờ
2.3.4. Tiền lương	0,5 giờ
2.3.5. Bảo hiểm xã hội	0,5 giờ
2.3.6. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi	1 giờ
2.3.7. Kỷ luật lao động	0,25 giờ
2.3.8. Tranh chấp lao động	0,25 giờ
2.3.9. Công đoàn	0,25 giờ
<i>Thảo luận</i>	2 giờ
<i>Kiểm tra</i>	01 giờ

Bài 5: Pháp luật hành chính

Thời gian: 04 giờ (LT: 03 giờ, BT, TL: 01 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính.
 - + Trình bày được khái niệm, các dấu hiệu vi phạm hành chính.
 - + Trình bày được các nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính.
 - + Trình bày được các hình thức xử lý vi phạm hành chính.
- Về kỹ năng:
 - + Xác định được các dấu hiệu của vi phạm hành chính. Phân biệt được vi phạm hành chính với vi phạm pháp luật khác.
 - + Phân biệt được các hình thức xử lý vi phạm hành chính, xử phạt hành chính.
 - + Có khả năng vận dụng kiến thức đã học làm bài tập tình huống.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Tuân thủ quy định pháp luật hành chính khi tham gia vào các mối quan hệ xã hội.
 - + Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết công việc với tư duy lôgic và sáng tạo.
 - + Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông;
 - + Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu.

2.Nội dung bài:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính *0,25 giờ*

2.1.1. Khái niệm Luật Hành chính

2.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính.

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính *2,75 giờ*

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.1.1 Khái niệm vi phạm hành chính

2.2.1.2. Dấu hiệu pháp lý của Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Thảo luận *1 giờ*

Bài 6: Pháp luật hình sự

Thời gian: 05 giờ (LT: 03 giờ, BT,TL: 02 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự.

+ Trình bày được khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội phạm.

+ Trình bày được khái niệm hình phạt, mục đích hình phạt và các loại hình phạt theo quy định Bộ luật Hình sự.

-Về kỹ năng:

+ Xác định được các quan hệ do Luật Hình sự điều chỉnh.

+ Xác định được các dấu hiệu của tội phạm.

+ Phân biệt được tội phạm với vi phạm pháp luật khác.

+ Phân biệt được các loại hình phạt trong hệ thống hình phạt.

+ Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập tình huống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ quy định pháp luật hình sự, biết lựa chọn những hành vi xử sự phù hợp pháp luật.

+ Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo.

+ Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông;

+ Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu.

2.Nội dung bài:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự	0,25 giờ
2.1.1. Khái niệm , đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự	
2.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự	
2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự	2,75 giờ
2.2.1.Tội phạm	
2.2.1.1. Khái niệm tội phạm	
2.2.1.2. Dấu hiệu pháp lý của tội phạm	
2.2.2. Hình phạt	
2.2.2.1. Khái niệm hình phạt	
2.2.2.2. Các loại hình phạt	
<i>Thảo luận</i>	2 giờ

Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 02 giờ (LT: 01 giờ, BT,TL: 01 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm tham nhũng.
 - + Trình bày được nguyên nhân, hậu quả do hành vi tham nhũng gây ra.
 - + Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng, sự cần thiết của công tác phòng chống tham nhũng.
 - + Thấy rõ được trách nhiệm của công dân với công tác phòng chống tham nhũng.
 - + Tuyên truyền, phổ biến Luật phòng chống tham nhũng tới mọi tầng lớp nhân dân.
- Về kỹ năng:
 - + Phân biệt các hành vi tham nhũng.
 - + Xác định được hành vi tham nhũng nào sẽ bị coi là tội phạm
 - + Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập tình huống
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Tuân thủ quy định pháp luật khi tham gia vào các quan hệ xã hội.
 - + Có khả năng làm việc độc lập, hợp tác khi làm việc.
 - + Chủ động trong công việc, tích cực học hỏi, phát triển bản thân.

2. Nội dung bài:

1 giờ

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
 - 2.1.1. Khái niệm tham nhũng
 - 2.1.2. Các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

- 2.2.1. Nguyên nhân của tham nhũng
 - 2.2.2. Hậu quả của tham nhũng
 - 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
 - 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
 - 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng
- Thảo luận* 1 giờ

Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ)

1. Mục tiêu

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng.
 - + Nắm được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Về kỹ năng:
 - + Vận dụng kiến thức đã học bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.
 - + Xác định được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ quyền lợi ích chính đáng người tiêu dùng.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.
 - + Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông;
 - + Nâng cao trách nhiệm bản thân và gia đình trong việc bảo vệ quyền lợi ích chính đáng người tiêu dùng.

2. Nội dung bài:

1 giờ

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
 - 2.1.1. Quyền của người tiêu dùng
 - 2.1.2. Nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
 - 2.2.1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng
 - 2.2.2. Trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
 - 2.2.2.1. Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.2.2.2. Nội dung tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của tổ chức xã hội.

Kiểm tra định kỳ

1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học lý thuyết đáp ứng được cho việc dạy và học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, micro,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Đề cương, giáo án, slide bài giảng môn học pháp luật, phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho sinh viên, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: phòng học và các cùng các thiết bị thiết yếu khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Sơ đồ hóa Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Soạn thảo được Hợp đồng dân sự.

+ Phân tích được dấu hiệu pháp lý của tội phạm, phân biệt Tội phạm với vi phạm pháp luật khác.

+ Trình bày được quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động.

+ Trình bày được trách nhiệm của tổ chức cá nhân trong bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Kỹ năng:

+ Thấy rõ bản chất nhà nước Việt Nam thông qua tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước.

+ Biết vận dụng các quy định pháp luật giải quyết các bài tập tình huống.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện khả năng tư duy trước các tình huống pháp luật trên thực tế.

+ Chủ động, nghiêm túc học tập, tích lũy kiến thức, ghi nhớ về cách giải quyết các tình huống pháp luật;

+ Trung thực, cẩn thận, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra vấn đáp, kiểm tra viết, kiểm tra một số nội dung bài tập tình huống trong mỗi buổi lên lớp, chấm điểm bài tập hoặc thảo luận.

- Kiểm tra định kỳ: Tự luận, trắc nghiệm

- Thi kết thúc môn: Vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng. Tổng thời gian thực hiện môn học là 30 giờ, giảng viên giảng các tiết lý thuyết kết hợp với các bài thực hành đan xen.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải nghiên cứu kỹ nội dung chương trình, soạn bài đầy đủ trước khi lên lớp, soạn bài giảng trên ứng dụng Power Point, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- + Giảng dạy theo đúng chương trình môn học. Thuyết trình, phát vấn sinh viên, sử dụng phương pháp đàm thoại, thảo luận để sinh viên ghi nhớ kỹ hơn.

- + Sử dụng máy tính, máy chiếu và có những Video, clip, ví dụ minh họa cho sinh viên dễ hiểu.

- + Tăng cường khai thác các nguồn học liệu tham khảo trên mạng Internet.

- + Hình thức giảng dạy chính của môn học: lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm và làm các bài tập thực hành.

- Đối với người học:

- + Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập được giao.

- + Có mặt đầy đủ trên lớp, đúng giờ.

- + Vận dụng kiến thức môn học trong bài tập giải quyết tình huống.

- + Biết chia sẻ thông tin, tham gia nhiệt tình các hoạt động thảo luận nhóm.

- + Nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của giảng viên.

- + Sinh viên phải thực hiện các bài tập một cách nghiêm túc, không được sao chép (dưới mọi hình thức).

- + Chủ động, tích cực khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tự học ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Bản chất nhà nước và pháp luật Nhà nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013

- Quyền sở hữu tài sản, Hợp đồng dân sự

- Quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động, hợp đồng lao động, thời gian làm việc và thời giờ nghỉ ngơi của người lao động.

- Dấu hiệu vi phạm hành chính và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

- Dấu hiệu tội phạm và các loại hình phạt

- Các hành vi tham nhũng, tác hại của tham nhũng.
- Quyền lợi của người tiêu dùng

4. Tài liệu tham khảo:

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013;
2. Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật, 2015;
3. Bộ luật Dân sự 2015.
4. Bộ Luật Lao động 2012.
5. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
6. Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
7. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.
8. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.
9. Luật xử lý vi phạm hành chính, 2012.
10. Bộ Lao động thương binh và Xã hội, Giáo trình Pháp luật, Hệ Cao đẳng Giáo dục nghề nghiệp, 2019
11. Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp, Tài liệu dạy học môn Pháp luật trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, 2020
12. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
13. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
12. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình pháp luật đại cương, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
16. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 về việc Ban hành chương trình, giáo trình môn học pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
17. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình Pháp luật (Dùng cho trình độ Trung cấp chuyên nghiệp).
18. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2013), Giáo trình Pháp luật đại cương.
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình pháp luật đại cương (GS.TS. Mai Hồng Quý chủ biên), Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

20. Viện chính sách công và pháp luật (2014), Bình luận khoa học Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, NXB Lao động xã hội.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Nhà xuất bản Tư pháp.

22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam, Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam;

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2010), Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2011), Giáo trình luật lao động, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

25. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, NXB Công an nhân dân.

26. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình Luật Hiến pháp, NXB Công an nhân dân.

27. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật. NXB Tư pháp.

28. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam. NXB Công an nhân dân.

29. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình Luật Lao động Việt Nam. NXB Công an nhân dân.

30. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần chung). NXB Công an nhân dân./.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH03

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

- Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

- Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
	1. Vị trí, tính chất môn học				
	2. Mục tiêu của môn học				
	3. Nội dung chính				
	4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập				

II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
	1. Giới thiệu về thể dục cơ bản		0,5		
	2. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn và thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản		0,5		
	3. Các động tác kỹ thuật tay không liên hoàn			5	
	4. Các động tác kỹ thuật Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản			7	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
	1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, và nhảy cao		1		
	2. Chạy cự ly ngắn			5	
	2.1. Các động tác kỹ thuật				
	2.2. Một số quy định trong Luật điền kinh về chạy cự ly ngắn				
	3. Chạy cự ly trung bình			4	
	3.1. Các động tác kỹ thuật				
	3.2. Một số quy định trong Luật điền kinh về chạy cự ly trung bình				
	4. Nhảy cao			4	
	4.1. Các động tác kỹ thuật				
	4.2. Một số quy định trong Luật điền kinh về nhảy cao				
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn cầu lông	30	2	26	2
	1. Lý thuyết nhập môn (Tác dụng của môn cầu lông và một số quy định của Luật cầu lông)		2		
	2. Các động tác kỹ thuật				
	2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt			2	

	2.2. Các bước di chuyển, bước đơn, kép, đệm			2	
	2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay			3	
	2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay			3	
	2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ			3	
	2.6. Kỹ thuật phát cầu			3	
	2.7. Kỹ thuật đập cầu			3	
	2.8. Chiến thuật thi đấu			4	
	Ôn tập các kỹ thuật			3	
	Kiểm tra				2
2	Chuyên đề 2: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
	1. Lý thuyết nhập môn (Tác dụng của môn bóng chuyền và một số quy định của Luật bóng chuyền)		2		
	2. Các động tác kỹ thuật				
	2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển			2	
	2.2. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản			3	
	2.3. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản			3	
	2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt			3	
	2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt			3	
	2.6. Kỹ thuật chắn bóng			3	
	2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà			3	
	Ôn tập các kỹ thuật			6	
	Kiểm tra				2
	Cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

Thời gian: 1 giờ (LT: 01 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

0,25 giờ

2.2. Mục tiêu của môn học	0,25 giờ
2.3. Nội dung chính	0,25 giờ
2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập	0,25 giờ

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

Thời gian: 13 giờ (LT: 01 giờ, TH:12 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản	0,5 giờ
2.2. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn và Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản	0,5 giờ
2.3. Các động tác kỹ thuật thể dục tay không liên hoàn	5 giờ
2.3.2. Các động tác kỹ thuật thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản	7 giờ

Bài 2: ĐIỀN KINH

Thời gian: 14 giờ (LT: 01 giờ, TH:13 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy cao	1 giờ
2.2. Chạy cự ly ngắn	5 giờ
2.2.2. Các động tác kỹ thuật	
2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn	
2.3. Chạy cự ly trung bình	4 giờ
2.3.1. Các động tác kỹ thuật	
2.3.2. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình	
2.4. Nhảy cao	4 giờ
2.4.1. Các động tác kỹ thuật	
2.4.2. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao	

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN CẦU LÔNG

Thời gian: 28 giờ (LT: 02 giờ, TH:26 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông	1 giờ
2.2. Các động tác kỹ thuật	
2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt	2 giờ
2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm	2 giờ
2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay	3 giờ
2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay	3 giờ
2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ	3 giờ
2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)	3 giờ
2.2.7. Kỹ thuật đập cầu	3 giờ
2.2.8. Chiến thuật thi đấu	4 giờ
2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông	1 giờ
Ôn tập các kỹ thuật	3 giờ

Chuyên đề 2: MÔN BÓNG CHUYỀN

Thời gian: 28 giờ (LT: 02 giờ, TH:26 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền	1 giờ
2.2. Các động tác kỹ thuật	
2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển	2 giờ
2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)	3 giờ
2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)	3 giờ
2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt	3 giờ
2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt	3 giờ

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng	3 giờ
2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lầy đà	3 giờ
2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền	1 giờ
Ôn tập các kỹ thuật	6 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đập xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung;

- Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

- Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, và theo Quyết định số 333/QĐ- CĐCNHY ngày 24/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy modun hoặc tín chỉ.

+ Kiểm tra định kỳ bằng hình thức kiểm tra thực hành

+ Thi kết thúc môn học bằng hình thức: Thi thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

+ Xây dựng chương trình, nội dung môn học.

+ Xác định mục tiêu cụ thể cần đạt được sau mỗi bài học.

+ Xây dựng giáo án .

+ Hướng dẫn sinh viên, sinh viên hoàn thành tốt khối lượng bài học.

- Đối với người học:

+Thực hiện tốt các nhiệm vụ mà giảng viên, giảng viên giao cho.

+ Ôn luyện bài cũ ở nhà và ở trên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Chú ý quan sát và tích cực luyện tập

+ Sửa các lỗi sai khi giảng viên, giảng viên đã sửa

4. Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ, *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.*

2. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, *Giáo trình Cầu lông*, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, *Giáo trình Bơi thể thao*, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, *Giáo trình Thể dục*, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, *Điền kinh (sách giáo khoa)*, năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, *Giáo trình Bóng đá*, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, *Giáo trình Bơi thể thao*, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình điền kinh*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình bóng rổ*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình bóng đá*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2)*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình bóng bàn*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Điền kinh*, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Bóng chuyền*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, *Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2)* Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, *Giáo trình điền kinh*, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, *Giáo trình bóng bàn*, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

5. Ghi chú và giải thích

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

- Tính chất:

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

- Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
	1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học		1		
	2. Các nội dung chính				
	3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết, tác phong quân nhân cho người học		1		

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
	4. Điều kiện thực hiện môn học				
	5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập				
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
	1. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội		0,5		
	2. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam		0,5		
	3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ		1		
	4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay		1		
	5. Thảo luận			1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
	1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ		2		
	2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên		1		
	3. Thảo luận			1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
	1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia		1		

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
	2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia		1		
	3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia		0,5		
	4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia		0,5		
	5. Thảo luận			1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
	1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc		1		
	2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo		1		
	3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam		1		
	4. Thảo luận			1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
	1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm		2		
	2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội		1		
	3. Thảo luận			1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
	2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng		1		
	2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng		1		
	2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng		1		
	2.4. Thảo luận			2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
	1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc		1		
	2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc		1		
	3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân		1		
	4. Thảo luận			2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
	1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân		1		
	2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới		1		
	3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân		1		
	4. Thảo luận			2	

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
	1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam		1		
	2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay		1		
	3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay		1		
	4. Thảo luận			2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
	1. Đội hình tiểu đội		1		
	2. Đội hình trung đội				
	3. Đối hướng đội hình				
	4. Thực hành			3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
	1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh		2		
	2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh		3		
	3. Thực hành			14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
	1. Cầm máu tạm thời		0,25		
	2. Cố định tạm thời xương gãy		0,25		
	3. Hô hấp nhân tạo		0,25		
	4. Kỹ thuật chuyển thương		0,25		
	5. Thực hành			5	
16	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học *1 giờ*
- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học *1 giờ*
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ, TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội *0,5 giờ*

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam *0,5 giờ*

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ *1 giờ*

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay *1 giờ*

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận *1 giờ*

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ, TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

- 2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ *2 giờ*
 - 2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ
 - 2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
 - 2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay
- 2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên *1 giờ*
 - 2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên
 - 2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay
- 2.3. Thảo luận *1 giờ*

Bài 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ, TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

- 2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia *1 giờ*
 - 2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
 - 2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia
- 2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia *1 giờ*

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia 0,5 giờ

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia 0,5 giờ

2.5. Thảo luận 1 giờ

Bài 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ, TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc 1 giờ

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo 1 giờ

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam 1 giờ

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận 1 giờ

Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ, TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 2 giờ
 - 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
 - 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
 - 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội 1 giờ
 - 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
 - 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
 - 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận 1 giờ

Bài 7: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ, TH: 2 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

- 2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng 1 giờ
 - 2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam
 - 2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng 1 giờ
 - 2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
 - 2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

- 2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng *1 giờ*
- 2.4. Thảo luận *2 giờ*

Bài 8: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ, TH: 2 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc *1 giờ*
- 2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc *1 giờ*
- 2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực
- 2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh
- 2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt
- 2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh
- 2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân 1 giờ

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận 2 giờ

Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ, TH: 2 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 1 giờ

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới 1 giờ

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 1 giờ

2.4. Thảo luận 2 giờ

Bài 10: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ, TH: 2 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam 1 giờ
- 2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp
- 2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp
- 2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay 1 giờ
- 2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
- 2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ
- 2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu
- 2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc
- 2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại
- 2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay 1 giờ
- 2.4. Thảo luận 2 giờ

Bài 11: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

Thời gian: 4 giờ (LT: 1 giờ, TH: 3 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

- 2.1. Đội hình tiểu đội 1 giờ
- 2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang
- 2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang
- 2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
- 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
- 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
- 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

- 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
- 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
- 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
- 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành 3 giờ
 - 2.4.1. Đội hình tiểu đội 1 giờ
 - 2.4.2. Đội hình trung đội 1 giờ
 - 2.4.3. Đổi hướng đội hình 1 giờ

Bài 12: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

Thời gian: 19 giờ (LT: 5 giờ, TH: 14 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh 2 giờ
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
 - 2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm
 - 2.1.4. Súng diệt tăng B41
 - 2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn Φ -1
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh 3 giờ
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn Φ -1
- 2.3. Thực hành 14 giờ
 - 2.3.1. Tháo và lắp súng trường CKC 1 giờ
 - 2.3.2. Kỹ thuật bắn súng trường CKC 2 giờ

2.3.3. Tháo và lắp súng tiểu liên AK	1 giờ
2.3.4. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	2 giờ
2.3.5. Tháo và lắp súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm	1 giờ
2.3.6. Kỹ thuật bắn súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm	2 giờ
2.3.7. Tháo và lắp súng diệt tăng B41	1 giờ
2.3.8. Kỹ thuật bắn súng diệt tăng B41	2 giờ
2.3.9. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn Ø-1	2 giờ

Bài 13: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

Thời gian: 6 giờ (LT: 1 giờ, TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời	1 giờ
2.1.1. Mục đích	
2.1.2. Nguyên tắc chăm máu tạm thời	
2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu	
2.1.4. Các biện pháp chăm máu tạm thời	
2.2. Cố định tạm thời xương gãy	
2.2.1. Mục đích	
2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy	
2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy	
2.3. Hô hấp nhân tạo	
2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở	
2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu	
2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở	
2.4. Kỹ thuật chuyển thương	
2.4.1. Mang vác bằng tay	
2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng	
2.5. Thực hành	
2.5.1. Các biện pháp chăm máu tạm thời	1 giờ
2.5.2. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy	2 giờ
2.5.3. Hô hấp nhân tạo	1 giờ
2.5.4. Kỹ thuật chuyển thương	1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học, Địa điểm sân bãi học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị máy móc

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyên thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giạt cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LDT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cánh cứu thương;

- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè; Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi; Mũ cứng; Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da; Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng; Mũ mềm;
- + Giày vải; Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh; mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.
- + Thắt lưng;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Tài liệu: Giáo trình GDQP-AN trình độ trung cấp, giá án, bài giảng, đĩa hình huấn luyện, máy tính, máy chiếu, phấn bảng, que chỉ, tranh vẽ, các mô hình vũ khí trang thiết bị
- Tranh in: Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, tranh cấu tạo các động tác sử dụng lựu đạn, các động tác vận động trong chiến đấu.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

- Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng;

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

- Đội ngũ đơn vị (tiểu đội, trung đội);

- **Kỹ năng:**

- Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, súng trường CKC;

kỹ thuật cấp cứu chuyển thương .

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tham gia quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân.

2. Phương pháp: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, và theo Quyết định số 333/QĐ- CĐCNHY ngày 24/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy modun hoặc tín chỉ.

+ Kiểm tra định kỳ, thường xuyên: Tự luận, thực hành

+ Thi kết thúc môn học bằng hình thức: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học được sử dụng trong giảng dạy cho trình độ Cao đẳng nghề, đối tượng là sinh viên tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Với sinh viên là bộ đội xuất ngũ có thể miễn học các bài thực hành.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên

- Khi giảng dạy nên sử dụng các hình ảnh trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả một cách tỉ mỉ, chính xác các kiến thức môn học;

- Sử dụng các thiết bị của môn học;

- Khi hướng dẫn thực hành cần sử dụng các mô hình thật, giảng viên phải bám sát hỗ trợ người học kỹ năng, uốn nắn các thao tác cơ bản.

Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, làm mẫu trực tiếp qua theo ba bước: làm nhanh, làm chậm có phân tích các cử động, làm tổng hợp các cử động trong giảng dạy, học tập môn học

- Đối với người học: Năng nghe, ghi chép, trực quan tập luyện các động tác thực hành theo hướng dẫn giảng viên, tuân thủ kỷ luật giảng viên

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị, *Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.*

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.*

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.*

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Chính phủ, *Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 về động viên quốc phòng.*

9. Chính phủ, *Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về Công tác dân tộc.*

10. Chính phủ, *Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.*

11. Chính phủ, *Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.*

12. Chính phủ, *Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.*

13. Cục quân huấn, *Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, BTTM, năm 1997./.*

14. Cục quân huấn , *Sách dạy bắn súng trung liên RPD*, BTTM, năm 2000.
15. Cục quân huấn , *Sách dạy bắn súng diệt tăng B41* , BTTM, năm 2002./.
16. *Điều lệnh quản lý bộ đội*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
17. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
18. Học viện chính trị, *Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
19. *Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
20. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
21. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
22. Luật an ninh quốc gia, 2004.
23. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
24. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
25. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
26. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
27. Luật biển Việt Nam, 2012.
28. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
29. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- 30. Văn phòng Trung ương Đảng, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Hà Nội, 2016.**
31. Ủy ban thường vụ Quốc hội, *Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 về phòng, chống mại dâm.*

5. Ghi chú và giải thích

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH05

Thời lượng: 75 giờ (*Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 2 giờ*)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian(giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
	1. Kiến thức cơ bản về máy tính	1	1		
	2. Phần mềm	0,5	0,5	1	
	3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0,5	0,5		
	4. Mạng cơ bản	1		1	
	5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông	0,5	0,5		
	6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông	0,5	0,5		
	7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính				
8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin					
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
	1. Làm việc với hệ điều hành	1	1		
	2. Quản lý thư mục và tập tin	0,5		0,5	
	3. Sử dụng Control Panel	0,5		0,5	

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian(giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4. Một số phần mềm tiện ích	1		1	
	5. Sử dụng tiếng Việt	1		1	
	6. Chuyển đổi định dạng tập tin	0,5	0,5		
	7. Đa phương tiện	0,5	0,5		
	8. Sử dụng máy in	1		1	
	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
3	1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản	0,5	0,5		
	2. Sử dụng Microsoft Word	16,5	1,5	15	
4	Kiểm tra	1			1
	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
	1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)	0,5	0,5		
	2. Sử dụng Microsoft Excel	0,5	0,5		
	3. Thao tác với ô	2	1	1	
4	4. Làm việc với trang tính (Worksheet)	2		2	
	5. Định dạng ô, dãy ô	1		1	
	6. Biểu thức và hàm	18	2	16	
	7. Biểu đồ	3		3	
	8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính	2		2	
	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
5	1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình	2	1	1	
	2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint	9	1	8	
	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
	1. Kiến thức cơ bản về Internet	0,5	0,5		
6	2. Khai thác và sử dụng Internet	3,5	0,5	3	
	3. Một số dạng truyền thông số thông dụng	0,5	0,5		
	4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng	0,5	0,5		
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Thời gian: 5 giờ; LT: 03h; TH: 02h;)

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

Thời gian: LT: 01h;

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

Thời gian: TH: 01h

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

Thời gian: LT: 0,5h;

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

Thời gian: LT: 0,5h;

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

- 2.4.4. Phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.2. Bảng thông
 - 2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
- 2.4.5. Download, Upload
- 2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
 - 2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông
- 2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông *Thời gian: LT: 0,5h*
 - 2.6.1. An toàn lao động
 - 2.6.2. Bảo vệ môi trường
- 2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính *Thời gian: LT: 0,5h;*
 - 2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu
 - 2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)
- 2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin
 - 2.8.1. Bản quyền/Sở hữu trí tuệ
 - 2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

(Thời gian: 6 giờ; LT: 02h; TH: 04h;)

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

Thời gian: LT: 01h;

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

- 2.1.3. Desktop
- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start
- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột
- 2.2. Quản lý thư mục và tập tin *Thời gian: TH: 0,5h;*
- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục
- 2.3. Sử dụng Control Panel *Thời gian: TH: 0,5h;*
- 2.3.1. Khởi động Control Panel
- 2.3.2. Region and Language
- 2.3.3. Devices and Printers
- 2.3.4. Programs and Features
- 2.4. Một số phần mềm tiện ích *Thời gian: TH: 01h;*
- 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
- 2.4.2. Phần mềm diệt virus
- 2.5. Sử dụng tiếng Việt *Thời gian: TH: 01h*
- 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin *Thời gian: LT: 0,5h;*
- 2.7. Đa phương tiện *Thời gian: LT: 0,5h;*
- 2.8. Sử dụng máy in *Thời gian: TH: 01h;*
- 2.8.1. Lựa chọn máy in
- 2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

(Thời gian: 17 giờ; LT: 2h; TH: 15h; KT: 01h)

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản *Thời gian: LT: 0,5h;*

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word *Thời gian: LT: 0,5h*

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word *Thời gian: TH: 01h*

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text) *Thời gian: LT: 01h*

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.6. Tham chiếu (Reference) *Thời gian: TH: 01h*

2.2.3.7. Hoàn tất văn bản	
2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)	
2.2.4. In văn bản	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.5. Phân phối văn bản	
2.2.6. Soạn thông báo, thư mời	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu	
*) Kiểm tra	<i>Thời gian: KT: 01h;</i>

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

(Thời gian: 29 giờ; LT: 04h; TH: 25h;)

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)	<i>Thời gian: LT: 0,5h</i>
2.2.1. Khái niệm bảng tính	
2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường	
2.2. Sử dụng Microsoft Excel	<i>Thời gian: LT: 0,5h</i>
2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel	
2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm	
2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel	
2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính	
2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính	
2.2.2.2. Lưu bảng tính	
2.2.2.3. Đóng bảng tính	
2.3. Thao tác với ô	<i>Thời gian: LT: 01h; TH: 01h</i>
2.3.1. Các kiểu dữ liệu	
2.3.2. Cách nhập dữ liệu	
2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu	

- 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
- 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu
- 2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)
 - 2.4.1. Dòng và cột *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.4.1.1. Thêm dòng và cột
 - 2.4.1.2. Xoá dòng và cột
 - 2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
 - 2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột
 - 2.4.2. Trang tính *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính
 - 2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính
 - 2.4.2.3. Mở nhiều trang tính
 - 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính
- 2.5. Định dạng ô, dãy ô *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
 - 2.5.2. Định dạng văn bản
 - 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 2.6. Biểu thức và hàm
 - 2.6.1. Biểu thức số học
 - 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học *Thời gian: LT: 01h*
 - 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.6.2. Hàm
 - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm *Thời gian: LT: 01h;*
 - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, > *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK) *Thời gian: TH: 02h*
 - 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF *Thời gian: TH: 02h*
 - 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR) *Thời gian: TH: 01h*
 - 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW) *Thời gian: TH: 02h*
 - 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE) *Thời gian: TH: 02h*
 - 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP) *Thời gian: TH: 02h*

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)	<i>Thời gian: TH: 02h</i>
2.7. Biểu đồ	
2.7.1. Tạo biểu đồ	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ	<i>Thời gian: TH: 02h</i>
2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính	
2.8.1. Trình bày trang tính để in	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.8.2. Kiểm tra và in	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.8.3. Phân phối trang tính	

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

(Thời gian: 11 giờ; LT: 02h; TH: 09h;)

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình	
2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình	<i>Thời gian: LT: 01h;</i>
2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint	
2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản	
2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint	<i>Thời gian: LT: 01h;</i>
2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.1.3. Các thao tác trên slide	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.1.4. Chèn Picture	
2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.1.7. Chèn Audio, Video	
2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình	
2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.2.4. Lặp lại trình diễn	<i>Thời gian: TH: 01h</i>
2.2.2.5. In bài thuyết trình	

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

(Thời gian: 05 giờ; LT: 02h; TH: 03h;)

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

Thời gian: LT: 0,5h;

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

Thời gian: LT: 0,5h

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

Thời gian: TH: 01h

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

Thời gian: TH: 01h

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

Thời gian: TH: 01h

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

Thời gian: LT: 0,5h

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

Thời gian: LT: 0,5h

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy).

Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

- Về kỹ năng:

- + Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- + Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- + Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;

+ Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;

+ Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;

+ Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

2. Phương pháp đánh giá

Căn cứ Quyết định số 333/ QĐ- CDCNHY ngày 24/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy modul hoặc tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho sinh viên, sinh viên học môn Tin học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên;

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên: Chuẩn bị bài giảng, phòng máy các thiết bị phục vụ cho giờ dạy

- Đối với người học: Tham dự các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập được giao, làm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 120 giờ, (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 72 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 6 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

- **Vị trí:** Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

- **Tính chất:** Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

- Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và

người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

_Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

_Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	

2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		

	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	

	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
13	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
	1. Từ vựng (Vocabulary)		1		
	2. Ngữ pháp (Grammar)		2		
	3. Kỹ năng nghe (Listening)			1	
	4. Kỹ năng nói (Speaking)			2	
	5. Kỹ năng đọc (Reading)			2	
	6. Kỹ năng viết (Writing)			1	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
	Tổng cộng	120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

1 giờ

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>2 giờ</i>
2.2.1. Động từ “to be”;	
2.2.2. Tính từ sở hữu;	
2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;	
2.2.4. Thì hiện tại đơn.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>1 giờ</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;	
2.3.2. Bài tập True/False.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>2 giờ</i>
2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;	
2.4.2. Hỏi và trả lời.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>2 giờ</i>
2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;	
2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;	
2.5.3. Bài tập True/False.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>1 giờ</i>
Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).	

Bài 2. THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)	<i>1 giờ</i>
2.1.1. Các môn thể thao;	
2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>2 giờ</i>
2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;	
2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;	
2.2.3. Cấu trúc How often...?.	

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>1 giờ</i>
2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;	
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;	
2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>2 giờ</i>
2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;	
2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>2 giờ</i>
2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;	
2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;	
2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;	
2.5.4. Bài tập True/False.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>1 giờ</i>
Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).	

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)	<i>1 giờ</i>
2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;	
2.1.2. Các tính từ thông dụng;	
2.1.3. Các đồ vật trong nhà;	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>2 giờ</i>
2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;	
2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>1 giờ</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;	
2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.	

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>2 giờ</i>
2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;	
2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>2 giờ</i>
2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;	
2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>1 giờ</i>
Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).	

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)	<i>1 giờ</i>
Các loại thực phẩm và đồ uống.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>2 giờ</i>
2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;	
2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;	
2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;	
2.2.4. Cấu trúc Would like.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>1 giờ</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;	
2.3.2. Bài tập True/False;	
2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>2 giờ</i>
2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;	
2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với <i>much</i> hoặc <i>many</i> ;	

- 2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.
- 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)** 2 giờ
- 2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;
- 2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;
- 2.5.3. Bài tập True/False.
- 2.6. Kỹ năng viết (Writing)** 1 giờ
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

- 2.1. Từ vựng (Vocabulary)** 1 giờ
- 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
- 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
- 2.1.3. Quần áo và màu sắc.
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)** 2 giờ
- 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.
- 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)** 1 giờ
- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.
- 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)** 2 giờ

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2 giờ

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

1 giờ

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỶ NGHỈ (VACATION)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

1 giờ

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2 giờ

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

1 giờ

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2 giờ

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2 giờ

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

1 giờ

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

1 giờ

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2 giờ

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

1 giờ

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2 giờ

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2 giờ

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

1 giờ

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

1 giờ

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2 giờ

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

1 giờ

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2 giờ

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2 giờ

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

1 giờ

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary) 1 giờ

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar) 2 giờ

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening) 1 giờ

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking) 2 giờ

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading) 2 giờ

- 2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing) 1 giờ

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;

- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

1 giờ

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2 giờ

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

1 giờ

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2 giờ

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2 giờ

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

1 giờ

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)	<i>1 giờ</i>
2.1.1. Các thiết bị công nghệ;	
2.1.2. Công nghệ.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>2 giờ</i>
2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;	
2.2.2. Cấu trúc How long...?;	
2.2.3. Giới từ For và since.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>1 giờ</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;	
2.3.2. Bài tập True/False.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>2 giờ</i>
2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;	
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;	
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>2 giờ</i>
2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;	
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>1 giờ</i>
Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).	

Bài 12. MUA SẮM (SHOPPING)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ, TH: 6 giờ)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)	<i>1 giờ</i>
Các từ vựng liên quan đến mua sắm.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>2 giờ</i>
2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;	
2.2.2. Thì quá khứ đơn;	

2.2.3. Kết hợp thi hiện tại hoàn thành và thi quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

1 giờ

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2 giờ

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2 giờ

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

1 giờ

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giảng viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

- **Về kỹ năng:**

Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, và theo Quyết định số 333/QĐ-ĐCNCNH ngày 24/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy modun hoặc tín chỉ.

+ Kiểm tra định kỳ, thường xuyên: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp

+ Thi kết thúc môn học bằng hình thức: Vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Giảng viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giảng viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.*

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.*

4. Jack C. Richards, *Tactics for Listening (02nd edition)*, Oxford University Press, 2015.

5. Herbert Puchta and Jeff Stranks, *More! 1*, Cambridge University Press, 2008.

6. Miles Craven, *Breakthrough Plus 1*, MacMillan Education, 2013.

7. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.*

8. Tim Falla and Paul A. Davies, *Solutions Elementary (02nd edition)*, Oxford University Press, 2012.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tổng quan nghề chăm sóc sắc đẹp

Mã môn học: MH07

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ

(Lý thuyết: 20 giờ. Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 8 giờ. Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Tổng quan ngành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp được bố trí học sau học các môn chung

- Tính chất: Môn học Sức khỏe và thẩm mỹ là môn học thuộc cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Mô tả được vị trí việc làm của nghề Chăm sóc sắc đẹp;

+ Mô tả được các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

+ Trình bày được một số mô hình trung tâm Spa;

- Kỹ năng:

+ Nhận biết được các vị trí việc làm của nghề Chăm sóc sắc đẹp;

+ Phân tích được các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

+ Xác định được một số mô hình trung tâm Spa;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập;

+ Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Vị trí việc làm của nghề Chăm sóc sắc đẹp	5	3	2	
	1.1. Chuyên viên thẩm mỹ		2	1	

	1.2. Mở là chủ các Salon, Studio, Spa		1	1	
2	Chương 2: Các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon	10	7	2	1
	2.1. Các nhiệm vụ trong ngành làm đẹp		2		
	2.2. Các dịch vụ trong ngành làm đẹp		2	1	
	2.3. Mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon		3	1	1
3	Chương 3: Một số mô hình trung tâm Spa	15	10	4	1
	3.1. Mô hình Spa chuẩn		2		
	3.2. Một số mô hình Spa phổ biến		2		
	3.2.1. Day Spa		1	1	
	3.2.2. Destination Spa		1	1	
	3.2.3. Resort Spa		1	1	
	3.2.4. Hotel Spa		1	1	
	3.2.5. Medical spa		1		
	3.2.6. Mineral Springs Spa		1		1
	Tổng	30	20	8	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Vị trí việc làm của nghề Chăm sóc sắc đẹp

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TH: 2 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày khái quát vị trí nghề chăm sóc sắc đẹp;
- + Nhận biết các vị trí việc làm của nghề chăm sóc sắc đẹp.

- Kỹ năng:

- + Phân tích vị trí việc làm của nghề chăm sóc sắc đẹp;
- + Phân biệt được các vị trí việc làm của nghề chăm sóc sắc đẹp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1.1. Chuyên viên thẩm mỹ 3 giờ

2.1.2. Mở là chủ các Salon, Studio, Spa 2 giờ

Chương 2: Các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon

Thời gian: 10 giờ (LT: 7 giờ; TH: 2 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp;

+ Trình bày các mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp;

+ Nhận biết được các mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.2.1. Các nhiệm vụ trong ngành làm đẹp 2 giờ

2.2.2. Các dịch vụ trong ngành làm đẹp 3 giờ

2.2.3. Mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon 4 giờ

Kiểm tra 1 giờ

Chương 3: Một số mô hình trung tâm Spa

Thời gian: 15 giờ (LT: 10 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được mô hình Spa chuẩn;

+ Trình bày được các mô hình Spa phổ biến.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được mô hình Spa chuẩn;

+ Phân tích được các mô hình Spa phổ biến.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.3.1. Mô hình Spa chuẩn	2 giờ
2.3.2. Một số mô hình Spa phổ biến	2 giờ
2.3.2.1. Day Spa	2 giờ
2.3.2.2. Destination Spa	2 giờ
2.3.2.3. Resort Spa	2 giờ
2.3.2.4. Hotel Spa	2 giờ
2.3.2.5. Medical spa	1 giờ
2.3.2.6. Mineral Springs Spa	1 giờ
Kiểm tra	1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa nhà xưởng: Phòng học đáp ứng được điều kiện về ánh sáng, âm thanh và thông thoáng đáp ứng được cho việc dạy học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phong chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra.

- Dụng cụ:

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá, kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

+ Mô tả được vị trí việc làm của nghề Chăm sóc sắc đẹp;

+ Mô tả được các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

+ Trình bày được các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp;

- Kỹ năng:

+ Nhận biết được các vị trí việc làm của nghề Chăm sóc sắc đẹp;

+ Phân tích được các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

+ Phân tích được quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập;

+ Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Tự luận, vấn đáp

- Kiểm tra định kỳ: Tự luận

- Thi kết thúc môn học: Tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình Môn học Tổng quan ngành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập có hiệu quả;

+ Giảng dạy lý thuyết cần có hình ảnh trực quan để sinh viên quan sát;

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và đồ dùng học tập;

+ Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu theo yêu cầu của giảng viên;

+ Tích cực nghiên cứu, tự học, chuẩn bị và làm bài tập về nhà;

+ Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp;

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học;

+ Có ý thức bảo vệ, giữ gìn tài sản chung.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon

- Các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp.

4. Tài liệu cần tham khảo:

<https://seoulacademy.edu.vn/nganh-cham-soc-sac-dep>

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Mĩ thuật

Mã môn học: MH08

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ

(Lý thuyết: 20 giờ. Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 8 giờ. Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Mĩ thuật được bố trí học trước hoặc sau các môn học/ mô-đun trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Môn học Mĩ thuật là môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được sự biến đổi mĩ thuật từ thời nguyên thủy đến thời kỳ Phục Hưng;

+ Trình bày được sự biến đổi mĩ thuật Châu Âu từ thời kỳ XVII, XVIII, XIX;

+ Trình bày được sự biến đổi mĩ thuật Châu Á;

+ Trình bày khái niệm và tính chất cơ bản của màu sắc;

+ Trình bày được các nguyên tắc phối màu, tương quan về màu sắc;

+ Trình bày được phương pháp vẽ chuyển màu sắc.

+ Trình bày được mục đích và yêu cầu của nghệ thuật trang trí;

+ Trình bày được các nguyên tắc trang trí;

+ Trình bày được các phương pháp trang trí.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được sự biến đổi mĩ thuật từ thời nguyên thủy đến thời kỳ Phục Hưng;

+ Phân tích được sự biến đổi mĩ thuật Châu Âu từ thời kỳ XVII, XVIII, XIX;

+ Phân tích được sự biến đổi mĩ thuật Châu Á;

+ Phân tích được khái niệm và tính chất cơ bản của màu sắc;

+ Phân tích được các nguyên tắc phối màu, tương quan về màu sắc;

+ Phân tích được phương pháp vẽ chuyển màu sắc.

+ Phân tích được mục đích và yêu cầu của nghệ thuật trang trí;

+ Phân tích được các nguyên tắc trang trí;

- + Lựa chọn được phương pháp trang trí phù hợp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, linh hoạt;
- + Tự giác, tích cực học tập và phát huy tính sáng tạo để nâng cao trình độ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Lược sử mỹ thuật thế giới	5	5		
	1.1. Mỹ thuật thời nguyên thủy		1		
	1.2. Mỹ thuật Cổ đại		1		
	1.3. Mỹ thuật Phục Hưng		1		
	1.4. Mỹ thuật Châu Âu thời kỳ XVII, XVIII, XIX		1		
	1.5. Mỹ thuật Châu Á		1		
2	Chương 2: Màu sắc	15	9	5	1
	2.1. Các khái niệm về màu sắc		1		
	2.2. Vòng màu cơ bản		1	1	
	2.3. Những tính chất cơ bản của màu sắc		2		
	2.4. Nguyên tắc phối màu		3	2	
	2.5. Tương quan màu sắc		1	1	
	2.6. Vẽ chuyển màu		1	1	1
3	Chương 3: Trang trí hình cơ bản	10	6	3	1

	3.1. Mục đích và yêu cầu		1		
	3.2. Các nguyên tắc trang trí		3	1	
	3.3. Phương pháp trang trí		2	2	1
	Cộng	30	20	8	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Lược sử Mỹ thuật thế giới

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

- + Trình bày được sự biến đổi mỹ thuật từ thời nguyên thủy đến thời kỳ Phục Hưng;
- + Trình bày được sự biến đổi mỹ thuật Châu Âu từ thời kỳ XVII, XVIII, XIX;
- + Trình bày được sự biến đổi mỹ thuật Châu Á.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được sự biến đổi mỹ thuật từ thời nguyên thủy đến thời kỳ Phục Hưng;
- + Phân tích được sự biến đổi mỹ thuật Châu Âu từ thời kỳ XVII, XVIII, XIX;
- + Phân tích được sự biến đổi mỹ thuật Châu Á.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, linh hoạt;
- + Tự giác, tích cực học tập và phát huy tính sáng tạo để nâng cao trình độ.

2. Nội dung chương:

- | | |
|--|--------------|
| 2.1.1. Mỹ thuật thời nguyên thủy | <i>1 giờ</i> |
| 2.1.2. Mỹ thuật Cổ đại | <i>1 giờ</i> |
| 2.1.3. Mỹ thuật Phục Hưng | <i>1 giờ</i> |
| 2.1.4. Mỹ thuật Châu Âu thời kỳ XVII, XVIII, XIX | <i>1 giờ</i> |
| 2.1.5. Mỹ thuật Châu Á | <i>1 giờ</i> |

Chương 2: Màu sắc

Thời gian: 15 giờ (LT: 9 giờ; TH: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

- + Trình bày khái niệm và tính chất cơ bản của màu sắc;
- + Trình bày được các nguyên tắc phối màu, tương quan về màu sắc;
- + Trình bày được phương pháp vẽ chuyên màu sắc.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được khái niệm và tính chất cơ bản của màu sắc;
- + Phân tích được các nguyên tắc phối màu, tương quan về màu sắc;
- + Phân tích được phương pháp vẽ chuyên màu sắc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, linh hoạt;
- + Tự giác, tích cực học tập và phát huy tính sáng tạo để nâng cao trình độ.

2. Nội dung chương:

2.2.1. Các khái niệm về màu sắc	1 giờ
2.2.2. Vòn màu cơ bản	2 giờ
2.2.3. Những tính chất cơ bản của màu sắc	2 giờ
2.2.4. Nguyên tắc phối màu	5 giờ
2.2.5. Tương quan màu sắc	2 giờ
2.2.6. Vẽ chuyên màu	2 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Chương 3: Trang trí hình cơ bản

Thời gian: 10 giờ (LT: 6 giờ; TH: 3 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

- + Trình bày được mục đích và yêu cầu của nghệ thuật trang trí;
- + Trình bày được các nguyên tắc trang trí;
- + Trình bày được các phương pháp trang trí.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được mục đích và yêu cầu của nghệ thuật trang trí;
- + Phân tích được các nguyên tắc trang trí;
- + Lựa chọn được phương pháp trang trí phù hợp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, linh hoạt;
- + Tự giác, tích cực học tập và phát huy tính sáng tạo để nâng cao trình độ.

2. Nội dung chương:

2.3.1. Mục đích và yêu cầu	<i>1 giờ</i>
2.3.2. Các nguyên tắc trang trí	<i>4 giờ</i>
2.3.3. Phương pháp trang trí	<i>4 giờ</i>
Kiểm tra	<i>1 giờ</i>

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học đáp ứng được điều kiện về ánh sáng, độ ồn và thông thoáng đáp ứng được cho việc dạy học.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu Projector;
- Phòng chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra.
- Dụng cụ: Bảng màu, bảng vẽ, dụng cụ pha màu, màu vẽ, kéo, thước.
- Nguyên vật liệu: Giấy vẽ.

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được sự biến đổi mỹ thuật từ thời nguyên thủy đến thời kỳ Phục Hưng;
- + Trình bày được sự biến đổi mỹ thuật Châu Âu từ thời kỳ XVII, XVIII, XIX;

- + Trình bày được sự biến đổi mỹ thuật Châu Á;
 - + Trình bày khái niệm và tính chất cơ bản của màu sắc;
 - + Trình bày được các nguyên tắc phối màu, tương quan về màu sắc;
 - + Trình bày được phương pháp vẽ chuyên màu sắc.
 - + Trình bày được mục đích và yêu cầu của nghệ thuật trang trí;
 - + Trình bày được các nguyên tắc trang trí;
 - + Trình bày được các phương pháp trang trí.
 - Kỹ năng:
 - + Phân tích được sự biến đổi mỹ thuật từ thời nguyên thủy đến thời kỳ Phục Hưng;
 - + Phân tích được sự biến đổi mỹ thuật Châu Âu từ thời kỳ XVII, XVIII, XIX;
 - + Phân tích được sự biến đổi mỹ thuật Châu Á;
 - + Phân tích được khái niệm và tính chất cơ bản của màu sắc;
 - + Phân tích được các nguyên tắc phối màu, tương quan về màu sắc;
 - + Phân tích được phương pháp vẽ chuyên màu sắc.
 - + Phân tích được mục đích và yêu cầu của nghệ thuật trang trí;
 - + Phân tích được các nguyên tắc trang trí;
 - + Lựa chọn được phương pháp trang trí phù hợp.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, linh hoạt;
2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
 - Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra tự luận.
 - Thi kết thúc môn học: Hình thức kiểm tra tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Mỹ thuật là môn học cơ sở, trong chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, kèm cặp để học sinh dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra các bài tập về nhà, hướng dẫn và sửa các lỗi tại lớp cho học sinh.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập;

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên;

+ Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chương 2: Màu sắc

- Chương 3: Trang trí hình cơ bản

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Mỹ thuật - Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên - Lưu hành nội bộ;

- Giáo trình Trang trí cơ bản - Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên

- Lưu hành nội bộ;

- Bài giảng Mỹ thuật học – Đại học Sư phạm Mỹ thuật.

- Nghệ thuật trang trí - NXB Mỹ thuật;

- Giáo trình Trang trí - Trường cao đẳng nhạc họa Trung Ương - 2000.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giải phẫu người và sinh lý

Mã môn học: MH09

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ;

(Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 12 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Giải phẫu người và sinh lý là môn học cơ sở được bố trí học trước các mô-đun, môn học chuyên môn nghề.

- Tính chất: Môn học Giải phẫu người và sinh lý là môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái quát về giải phẫu - sinh lý người;

+ Trình bày được đặc điểm cơ bản về cơ thể sống;

+ Trình bày được đặc điểm của hệ xương, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ thần kinh.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được đặc điểm cơ bản về cơ thể sống;

+ Phân tích được đặc điểm của hệ xương, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ thần kinh;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập;

+ Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về giải phẫu – sinh lý	2	2		
	1.1. Đại cương giải phẫu				
	1.2. Đại cương sinh lý			1	
	1.3. Đại cương về cơ thể sống 1.4. Đại cương về tế bào			1	
2	Chương 2: Giải phẫu hệ	6	3.5	2.5	

	xương				
	2.1. Đại cương về bộ xương người		0.5	0.5	
	2.2. Hệ xương trục				
	2.2.1. Xương đầu – mặt		0.5	0.5	
	2.2.2. Xương thân		1	0.5	
	2.3. Xương bên (Xương phụ)				
	2.3.1. Xương bên chi trên		0.5	0.5	
	2.3.2. Xương bên chi dưới		1	0.5	
3	Chương 3: Cơ - Mạch máu – Thần kinh	6	3	2	1
	3.1. Vùng đầu mặt cổ		1	0.5	
	3.2. Cơ - Mạch máu – Thần kinh vùng thân mình		1	0.5	
	3.3. Cơ và mạch máu thần kinh chi trên		0.5	0.5	
	3.4. Cơ và mạch máu thần kinh chi dưới		0.5	0.5	1
4	Chương 4: Giải phẫu - Sinh lý hệ tuần hoàn	6	3.5	1.5	1
	4.1. Giải phẫu hệ tuần hoàn		1.5	0.5	
	4.2. Hệ tuần hoàn bạch huyết		0.5		
	4.3. Sinh lý hệ tuần hoàn		1.5	1	1
5	Chương 5: Giải phẫu - Sinh lý hệ hô hấp	5	3	2	
	5.1. Giải phẫu hệ hô hấp		2	1	
	5.2. Sinh lý hệ hô hấp		1	1	
6	Chương 6: Giải phẫu - Sinh lý hệ tiêu hóa	6	4	1	1
	6.1. Giải phẫu hệ tiêu hóa		2	0.5	
	6.2. Sinh lý hệ tiêu hóa		2	0.5	1
7	Chương 7: Giải phẫu - Sinh lý hệ tiết niệu	5	4	1	
	7.1. Giải phẫu hệ tiết niệu		2	0.5	
	7.2. Sinh lý hệ tiết niệu		2	0.5	
8	Chương 8: Giải phẫu - Sinh lý hệ sinh dục	3	2	1	

	8.1. Giải phẫu hệ sinh dục		1	0.5	
	8.2. Sinh lý hệ sinh dục		1	0.5	
9	Chương 9: Giải phẫu - Sinh lý hệ thần kinh	6	5	1	
	9.1. Giải phẫu hệ thần kinh		3	0.5	
	9.2. Sinh lý hệ thần kinh		2	0.5	
Cộng		45	30	12	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về giải phẫu – sinh lý

Thời gian: 2giờ (LT:1 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- + Trình bày được khái quát về giải phẫu - sinh lý người;
- + Trình bày được các đặc điểm của cơ thể sống, sinh lý tế bào;
- + Trình bày được các hoạt động duy trì hằng tính nội môi và sự ảnh hưởng của nội môi.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được khái quát về giải phẫu - sinh lý người;
- + Phân tích được các đặc điểm của cơ thể sống, sinh lý tế bào;
- + Phân tích được các hoạt động duy trì hằng tính nội môi và sự ảnh hưởng của nội môi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương giải phẫu *0.5 giờ*

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các phương thức mô tả giải phẫu

2.1.3. Tư thế và các mặt phẳng giải phẫu

2.1.4. Các từ chỉ mối quan hệ vị trí so sánh

2.2. Đại cương sinh lý *0.5 giờ*

2.2.1. Định nghĩa, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ và vị trí của sinh lý học

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu và học tập sinh lý học

2.3. Đại cương về cơ thể sống *0.5 giờ*

2.3.1. Đặc điểm của sự sống

2.3.2. Đặc điểm sinh sản

- 2.4. Đại cương về tế bào
- 2.4.1. Đại cương về tế bào
- 2.4.2. Dịch nội bào
- 2.4.3. Dịch ngoại bào và hằng tính nội môi

Chương 2: Giải phẫu hệ xương

Thời gian: 6 giờ (LT:3,5 giờ; TH: 2,5 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được đặc điểm, cấu tạo của bộ xương;
 - + Trình bày được đặc điểm hình thể chính của các xương;
 - + Nhận biết được các chi tiết của hệ xương.
- Kỹ năng:
 - + Phân tích được đặc điểm, cấu tạo của bộ xương;
 - + Phân tích được đặc điểm hình thể chính của các xương;
 - + Phân biệt được các chi tiết của hệ xương;
 - + Gọi tên chính xác các chi tiết của hệ xương.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- | | |
|----------------------------------|----------------|
| 2.1. Đại cương về bộ xương người | <i>1 giờ</i> |
| 2.2. Hệ xương trục | |
| 2.2.1. Xương đầu – mặt | <i>1 giờ</i> |
| 2.2.2. Xương thân | <i>1,5 giờ</i> |
| 2.3. Xương bên (Xương phụ) | |
| 2.3.1. Xương bên chi trên | <i>1 giờ</i> |
| 2.3.2. Xương bên chi dưới | <i>1,5 giờ</i> |

Chương 3: Cơ - Mạch máu – Thần kinh

Thời gian: 6 giờ (LT: 3 giờ; TH: 2 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- + Trình bày được khái quát về các nhóm cơ, mạch máu, thần kinh trên cơ thể;
- + Trình bày được các chức năng của các nhóm cơ, mạch máu, thần kinh;
- + Mô tả được mạch máu, thần kinh chi phối cho từng vùng của cơ thể.
- Kỹ năng:
 - + Phân tích được khái quát về các nhóm cơ, mạch máu, thần kinh trên cơ thể;
 - + Phân tích được các chức năng của các nhóm cơ, mạch máu, thần kinh;

- + Phân tích được mạch máu, thần kinh chi phối cho từng vùng của cơ thể;
- + Áp dụng được vào công tác khám bệnh, chăm sóc và điều trị bệnh nhân.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập;

+ Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

2.1. Vùng đầu mặt cổ	<i>1,5 giờ</i>
2.2. Cơ - Mạch máu – Thần kinh vùng thân mình	<i>1,5 giờ</i>
2.3. Cơ và mạch máu thần kinh chi trên	<i>1 giờ</i>
2.4. Cơ và mạch máu thần kinh chi dưới	<i>1 giờ</i>
Kiểm tra	<i>1 giờ</i>

Chương 4: Giải phẫu - Sinh lý hệ tuần hoàn

Thời gian: 6 giờ (LT: 3,5 giờ; TH: 1,5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

+ Mô tả được đặc điểm của hệ tuần hoàn;

+ Trình bày được chức năng của hệ tuần hoàn.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được đặc điểm của hệ tuần hoàn;

+ Phân tích được chức năng của hệ tuần hoàn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập;

+ Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

2.1. Giải phẫu hệ tuần hoàn	<i>2 giờ</i>
2.2. Hệ tuần hoàn bạch huyết	<i>0,5 giờ</i>
2.3. Sinh lý hệ tuần hoàn	<i>2,5 giờ</i>
Kiểm tra	<i>1 giờ</i>

Chương 5: Giải phẫu - Sinh lý hệ hô hấp

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TH: 2 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

+ Mô tả được đặc điểm của hệ hô hấp;

+ Trình bày được chức năng của hệ hô hấp.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được đặc điểm của hệ hô hấp;

+ Phân tích được chức năng của hệ hô hấp;

- + Phân tích được đặc điểm của đường dẫn khí và áp suất bên trong màng phổi.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Giải phẫu hệ hô hấp 3 giờ
- 2.2. Sinh lý hệ hô hấp 2 giờ

Chương 6: Giải phẫu - Sinh lý hệ tiêu hóa

Thời gian: 6 giờ (LT: 4 giờ; TH: 1 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- + Mô tả được đặc điểm của hệ tiêu hóa;
- + Trình bày được vị trí, chức năng của hệ tiêu hóa;
- + Trình bày được chức năng của các phần trong hệ tiêu hóa.
- Kỹ năng:
- + Phân tích được đặc điểm của hệ tiêu hóa;
- + Phân tích được chức năng của hệ tiêu hóa;
- + Phân tích được chức năng của các phần trong hệ tiêu hóa.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Giải phẫu hệ tiêu hóa 2,5 giờ
- 2.2. Sinh lý hệ tiêu hóa 2,5 giờ
- Kiểm tra 1 giờ

Chương 7: Giải phẫu - Sinh lý hệ tiết niệu

Thời gian: 5 giờ (LT: 4 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- + Mô tả được đặc điểm của hệ tiết niệu;
- + Trình bày được vị trí, chức năng của hệ tiết niệu;
- + Trình bày được chức năng của các phần trong hệ tiết niệu.
- Kỹ năng:
- + Phân tích được đặc điểm của hệ tiết niệu;
- + Phân tích được vị trí, chức năng của hệ tiết niệu;
- + Phân tích được chức năng của các phần trong hệ tiết niệu.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Giải phẫu hệ tiết niệu 2,5 giờ
- 2.2. Sinh lý hệ tiết niệu 2,5 giờ

Chương 8: Giải phẫu - Sinh lý hệ sinh dục

Thời gian: 3 giờ (LT: 2 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- + Mô tả được đặc điểm của hệ sinh dục nam và nữ;
- + Trình bày được chức năng nội tiết và ngoại tiết của hệ sinh dục nam và nữ.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được đặc điểm của hệ sinh dục nam và nữ;
- + Phân tích được chức năng nội tiết và ngoại tiết của hệ sinh dục nam và nữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Giải phẫu hệ sinh dục 1,5 giờ
- 2.2. Sinh lý hệ sinh dục 1,5 giờ

Chương 9: Giải phẫu - Sinh lý hệ thần kinh

Thời gian: 6 giờ (LT: 5 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- + Mô tả được đặc điểm của hệ thần kinh trung ương;
- + Trình bày được chức năng của hệ thần kinh trung ương;
- + Trình bày được đặc tính của dây thần kinh.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được đặc điểm của hệ thần kinh trung ương;
- + Phân tích được chức năng của hệ thần kinh trung ương;
- + Phân tích được đặc tính của dây thần kinh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Giải phẫu hệ thần kinh 3,5 giờ
- 2.2. Sinh lý hệ thần kinh 2,5 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học chuyên môn có đầy đủ trang thiết bị, mô hình đảm bảo về ánh sáng, thông thoáng.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, mô hình, tài liệu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;
 - Dụng cụ: Mô hình học tập.
4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát về giải phẫu - sinh lý người;
- + Trình bày được đặc điểm cơ bản về cơ thể sống;
- + Trình bày được đặc điểm của hệ xương, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ thần kinh.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được đặc điểm cơ bản về cơ thể sống;
- + Phân tích được đặc điểm của hệ xương, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ thần kinh;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Thực hành, vấn đáp
- Kiểm tra định kỳ: Thực hành, tự luận
- Thi thóc mô-đun: Tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Giải phẫu người và sinh lý sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng – Nghề Chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

- + Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất

lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho sinh viên.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

+ Phân tích được đặc điểm cơ bản về cơ thể sống;

+ Phân tích được đặc điểm của hệ xương, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ thần kinh.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Giải phẫu – Sinh lý - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội

- Giáo trình Giải phẫu, sinh lý người và động vật – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Giáo trình Giải phẫu – Sinh lý – Nhà xuất bản y học – Bộ y tế

- Giáo trình Giải phẫu – Sinh lý – Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

- Huyệt vị kinh lạc cơ thể người – Ngô Trung Hiếu

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Sức khỏe và thẩm mỹ

Mã môn học: MH10

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ

(Lý thuyết: 30 giờ. Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 12 giờ. Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Sức khỏe và thẩm mỹ được bố trí học trước các mô-đun, môn học chuyên môn nghề.

- Tính chất: Môn học Sức khỏe và thẩm mỹ là môn học thuộc cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

- + Trình bày khái quát đại cương về dinh dưỡng;
- + Trình bày được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm;
- + Trình bày được các cách phân loại thực phẩm
- + Trình bày được nhu cầu năng lượng của con người;
- + Trình bày được giải phẫu và sinh lý của da;
- + Trình bày phương pháp chăm sóc tóc, da.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm;
- + Phân tích được các cách phân loại thực phẩm
- + Phân tích được nhu cầu năng lượng của con người;
- + Phân tích được giải phẫu và sinh lý của da;
- + Phân tích phương pháp chăm sóc tóc, da.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng	2	1	1	
	1.1. Đại cương về dinh dưỡng		0,5	0,5	
	1.2. Vai trò và nhu cầu của		0,5	0,5	

	các chất dinh dưỡng đối với cơ thể				
2	Chương 2: Thực phẩm sức khỏe và làm đẹp	2	1	1	
	2.1. Giá trị dinh dưỡng của thực phẩm và các nhóm thực phẩm chức năng		0,25		
	2.2. Thực phẩm chức năng		0,25	1	
	2.3. Vấn đề an toàn thực phẩm của thức ăn và chức năng		0,25		
	2.4. Kết luận		0,25		
3	Chương 3: Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý cho sức khỏe và làm đẹp	4	2	2	
	3.1. Nhu cầu về năng lượng của cơ thể		0,5		
	3.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý		1	1	
	3.3. Những lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam		0,5	1	
4	Chương 4: Sức khỏe da liễu	4	2	1	1
	4.1. Giải phẫu sinh lý da		1		
	4.2. Quản lý dinh dưỡng theo loại hình da		1	1	1
5	Chương 5: Sức khỏe tóc và da đầu	8	6	2	
	5.1. Chăm sóc tóc		2	0,5	
	5.2. Chăm sóc da đầu		1	0,5	
	5.3. Chăm sóc da đầu có triệu chứng bất thường		1		
	5.4. Phòng ngừa chứng rụng tóc		1	0,5	

	5.5. Điều trị chứng rụng tóc		1	0,5	
6	Chương 6: Béo phì và sức khỏe	8	5	2	1
	6.1. Đánh giá bệnh béo phì		1		
	6.2. Phương pháp chăm sóc, điều trị theo đánh giá béo phì		1		
	6.3. Béo phì và các chứng bệnh		1		
	6.4. Phương pháp kiểm soát béo phì		2	2	1
7	Chương 7: Thói quen sinh hoạt và sức khỏe thẩm mỹ	8	6	2	
	7.1. Hút thuốc, uống rượu, cà phê, thuốc		2		
	7.2. Stress		2	1	
	7.3. Vận động		2	1	
8	Chương 8: Chu kỳ của cuộc đời và sức khỏe thẩm mỹ	9	7	1	1
	8.1. Thời kỳ vị thành niên và sức khỏe thẩm mỹ		2	0,25	
	8.2. Thời kỳ mang thai và sức khỏe thẩm mỹ sau sinh		2	0,25	
	8.3. Sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ trưởng thành		1	0,25	
	8.4. Sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ mãn kinh		1	0,25	
	8.5. Sức khỏe thẩm mỹ người cao tuổi		1		1
	Tổng	45	30	12	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TH: 1 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
 - + Trình bày khái quát đại cương về dinh dưỡng;
 - + Trình bày được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm.
- Kỹ năng:
 - + Phân tích được khái quát đại cương về dinh dưỡng;
 - + Phân tích được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

- 2.1.1. Đại cương về dinh dưỡng *1 giờ*
- 2.1.2. Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể *1 giờ*

Chương 2: Thực phẩm sức khỏe và làm đẹp

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TH: 1 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được cách phân loại thực phẩm;
 - + Trình bày được khái niệm và vai trò của thức ăn chức năng trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.
- Kỹ năng:
 - + Phân biệt được các loại thực phẩm;
 - + Phân tích được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của một số thực phẩm thường được sử dụng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

- 2.2.1. Giá trị dinh dưỡng của thực phẩm và các nhóm thực phẩm chức năng *0,25 giờ*
- 2.2.2. Thực phẩm chức năng *1,25 giờ*
- 2.2.3. Vấn đề an toàn thực phẩm của thức ăn và chức năng *0,25 giờ*
- 2.2.4. Kết luận *0,25 giờ*

Chương 3: Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý cho sức khỏe và làm đẹp

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TH: 2 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được nhu cầu năng lượng của con người;
- + Trình bày được 10 lời khuyên về dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam.
- Kỹ năng:
- + Phân tích được nguyên tắc xây dựng khẩu phần hợp lý;
- + Phân tích được 10 lời khuyên về dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam;
- + Xây dựng được thực đơn cho một số nhóm đối tượng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

- | | |
|--|---------|
| 2.3.1. Nhu cầu về năng lượng của cơ thể | 0,5 giờ |
| 2.3.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý | 2 giờ |
| 2.3.3. Những lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam | 1,5 giờ |

Chương 4: Sức khỏe da liễu

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TH: 1 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
- + Trình bày được giải phẫu và sinh lý của da;
- + Trình bày được quản lý dinh dưỡng theo loại hình da.
- Kỹ năng:
- + Phân tích được giải phẫu và sinh lý của da;
- + Phân biệt được các loại hình da, quản lý được dinh dưỡng các loại da.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

- | | |
|---|-------|
| 2.4.1. Giải phẫu sinh lý da | 1 giờ |
| 2.4.2. Quản lý dinh dưỡng theo loại hình da | 2 giờ |
| Kiểm tra | 1 giờ |

Chương 5: Sức khỏe tóc và da đầu

Thời gian: 8 giờ (LT: 6 giờ; TH: 2 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
- + Trình bày được các phương pháp chăm sóc tóc;
- + Trình bày được các phương pháp chăm sóc da đầu;
- + Trình bày được các phương pháp chăm sóc da đầu có vấn đề;
- + Trình bày được các phương pháp phòng chống rụng tóc;
- + Trình bày được các phương pháp điều trị rụng tóc.
- Kỹ năng:

- + Phân tích được các phương pháp chăm sóc tóc;
- + Phân tích được các phương pháp chăm sóc da đầu;
- + Phân tích được các phương pháp chăm sóc da đầu có vấn đề;
- + Phân tích được các phương pháp phòng chống rụng tóc;
- + Phân tích được các phương pháp điều trị rụng tóc.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.5.1. Chăm sóc tóc	<i>2,5 giờ</i>
2.5.2. Chăm sóc da đầu	<i>1,5 giờ</i>
2.5.3. Chăm sóc da đầu có triệu chứng bất thường	<i>1 giờ</i>
2.5.4. Phòng ngừa rụng tóc	<i>1,5 giờ</i>
2.5.5. Điều trị rụng tóc	<i>1,5 giờ</i>

Chương 6: Béo phì và sức khỏe

Thời gian: 8 giờ (LT: 5 giờ; TH: 2 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được các phương pháp đánh giá bệnh béo phì;
 - + Trình bày phương pháp chăm sóc, điều trị theo sự đánh giá béo phì;
 - + Trình bày được các nguyên nhân béo phì;
 - + Trình bày được sự béo phì và các chứng bệnh;
 - + Trình bày được các phương pháp kiểm soát bệnh béo phì.
- Kỹ năng:
 - + Phân tích được các phương pháp đánh giá bệnh béo phì;
 - + Phân tích phương pháp chăm sóc, điều trị theo sự đánh giá béo phì;
 - + Phân tích được các nguyên nhân béo phì;
 - + Phân tích được sự béo phì và các chứng bệnh;
 - + Phân tích được các phương pháp kiểm soát bệnh béo phì
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.6.1. Đánh giá bệnh béo phì	<i>1 giờ</i>
2.6.2. Phương pháp chăm sóc, điều trị theo đánh giá béo phì	<i>1 giờ</i>
2.6.3. Béo phì và các chứng bệnh	<i>1 giờ</i>
2.6.4. Phương pháp kiểm soát béo phì	<i>4 giờ</i>
Kiểm tra	<i>1 giờ</i>

Chương 7: Thói quen sinh hoạt và sức khỏe thẩm mỹ

Thời gian: 8 giờ (LT: 6 giờ; TH: 2 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các tác hại của hút thuốc, uống rượu, cà phê và thuốc;
- + Trình bày được các Stress làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được các tác hại của hút thuốc, uống rượu, cà phê và thuốc.
- + Phân tích được các Stress làm ảnh hưởng đến sức khỏe;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.7.1. Hút thuốc, uống rượu, cà phê, thuốc	2 giờ
2.7.2. Stress	3 giờ
2.7.3. Vận động	3 giờ

Chương 8: Chu kỳ của cuộc đời và sức khỏe thẩm mỹ

Thời gian: 9 giờ (LT: 7 giờ; TH: 1 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được thời kỳ vị thành niên và sức khỏe thẩm mỹ;
- + Trình bày được thời kỳ mang thai và sức khỏe thẩm mỹ sau sinh;
- + Trình bày được sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ trưởng thành;
- + Trình bày được sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ mãn kinh;
- + Trình bày được sức khỏe thẩm mỹ người cao tuổi.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được thời kỳ vị thành niên và sức khỏe thẩm mỹ;
- + Phân tích được thời kỳ mang thai và sức khỏe thẩm mỹ sau sinh;
- + Phân tích được sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ trưởng thành;
- + Phân tích được sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ mãn kinh;
- + Phân tích được sức khỏe thẩm mỹ người cao tuổi.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.8.1. Thời kỳ vị thành niên và sức khỏe thẩm mỹ	2,25 giờ
2.8.2. Thời kỳ mang thai và sức khỏe thẩm mỹ sau sinh	2,25 giờ
2.8.3. Sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ trưởng thành	1,25 giờ
2.8.4. Sức khỏe thẩm mỹ thời kỳ mãn kinh	1,25 giờ
2.8.5. Sức khỏe thẩm mỹ người cao tuổi	1 giờ
Kiểm tra	1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa nhà xưởng: Phòng học đáp ứng được điều kiện về ánh sáng, âm thanh và thông thoáng đáp ứng được cho việc dạy học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phong chiếu.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra.
 - Dụng cụ:
4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá, kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:
 - Kiến thức:
 - + Trình bày khái quát đại cương về dinh dưỡng;
 - + Trình bày được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm;
 - + Trình bày được các cách phân loại thực phẩm
 - + Trình bày được nhu cầu năng lượng của con người;
 - + Trình bày được giải phẫu và sinh lý của da;
 - + Trình bày phương pháp chăm sóc tóc, da.
 - Kỹ năng:
 - + Phân tích được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của thực phẩm;
 - + Phân tích được các cách phân loại thực phẩm
 - + Phân tích được nhu cầu năng lượng của con người;
 - + Phân tích được giải phẫu và sinh lý của da;
 - + Phân tích phương pháp chăm sóc tóc, da.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập;
 - + Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề.
2. Phương pháp:
 - Kiểm tra thường xuyên: Tự luận, vấn đáp
 - Kiểm tra định kỳ: Tự luận
 - Thi kết thúc môn học: Tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình Môn học Sức khỏe và thẩm mỹ sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:
 - + Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm

bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập có hiệu quả;

+ Giảng dạy lý thuyết cần có hình ảnh trực quan để sinh viên quan sát;

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và đồ dùng học tập;

+ Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu theo yêu cầu của giảng viên;

+ Tích cực nghiên cứu, tự học, chuẩn bị và làm bài tập về nhà;

+ Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp;

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học;

+ Có ý thức bảo vệ, giữ gìn tài sản chung.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đại cương về dinh dưỡng

- Sức khỏe tóc và da đầu

- Béo phì và sức khỏe

- Thói quen sinh hoạt và sức khỏe thẩm mỹ

4. Tài liệu cần tham khảo:

Giáo trình Sức khỏe và thẩm mỹ - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội - Lưu hành nội bộ.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Mỹ phẩm và dược phẩm trong chăm sóc thẩm mỹ da

Mã môn học: MH11

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ

(Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 12 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí học trước hoặc sau mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo

- Tính chất: Môn học thuộc các môn cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, mỹ phẩm, dược mỹ phẩm trong chăm sóc da

+ Trình bày được các tên, công thức cấu tạo, tính chất, hoạt chất tác động lên da của các hóa chất thường trong mỹ phẩm, dược mỹ phẩm chăm sóc da.

+ Trình bày được những tác dụng phụ của mỹ phẩm, dược mỹ phẩm lên da

- Kỹ năng:

+ Phân biệt được các loại da: Da khô, da dầu và da hỗn hợp

+ Phân loại được các loại mỹ phẩm, dược mỹ phẩm và mục đích sử dụng trong chăm sóc da

+ Phân tích được tác dụng của từng loại mỹ phẩm lên da, lựa chọn mỹ phẩm phù hợp cho từng loại da.

+ Nhận biết được tác dụng phụ của mỹ phẩm dược phẩm lên da, đưa ra biện pháp sơ cứu kịp thời.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi lựa chọn mỹ phẩm phù hợp cho từng loại da trong chăm sóc da.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các chương trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Kiến thức cơ bản về da	5	3,5	0,5	1
	Bài 1. Cấu trúc da		1	0	
	Bài 2. Chức năng sinh lí da		1,5	0,5	
	Bài 3. Phân loại da		1		1
2	Chương 2: Các sản phẩm	37	24,5	10,5	2

	chăm sóc da thông dụng				
	Bài 1: Mỹ phẩm-Dược mỹ phẩm		2	0,5	
	Bài 2: Một số thành phần trong chăm sóc da trị liệu		4	1,5	
	Bài 3: Dược mỹ phẩm làm sáng da		3	1	
	Bài 4: Chống nắng		1	0,5	
	Bài 5: Stress oxy hóa trong mụn trứng cá		4	1,5	
	Bài 6: Một số thành phần trong điều trị và chăm sóc tại chỗ mụn trứng cá		2	0,5	
	Bài 7: Dược mỹ phẩm trong điều trị mụn trứng cá		3,5	1	
	Bài 8: Chất dưỡng ẩm trong chăm sóc da thẩm mỹ		2	0,5	
	Bài 9: Hydroxy acids (HAs) trong chăm sóc da thẩm mỹ		1	1	
	Bài 10: Poly hydroxyl acids (PHAs) , arbutin và vitamin E trong chăm sóc nám da và tăng sắc tố sau viêm		1	1,5	
	Bài 11: Poly hydroxyl acid, jojoba oil, vitamin E và alove vera trong chăm sóc bệnh vảy		1	1	2
3	Chương 3. Tác dụng phụ của dược phẩm – mỹ phẩm chăm sóc da	3	2	1	
	Bài 1: Kích ứng và dị ứng da		0,5	0	
	Bài 2: Gây mụn		0,5	0	
	Bài 3: Các tác dụng phụ của việc thoa các sản phẩm chứa chất corticoid		1	1	
	Cộng	45	30	12	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Kiến thức căn bản về da

Thời gian: 5 giờ (LT: 3,5 giờ, TH, TL...:0,5 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Kiến thức:
- + Trình bày được : Cấu trúc da, chức năng sinh lí da, phân loại da
- Kỹ năng:
- + Phân biệt được các loại da: Da khô, da dầu và da hỗn hợp

2. Nội dung

Bài 1. Cấu trúc da	1	Giờ
Bài 2. Chức năng sinh lí da	2	Giờ
Bài 3. Phân loại da	1	Giờ
Kiểm tra	1	Giờ

Chương 2: Các chất thông dụng trong chăm sóc thẩm mỹ da

Thời gian: 37 giờ (LT: 24,5 giờ, TH, TL...:10,5 giờ , KT: 2 giờ)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:
- + Trình bày được được các tên, công thức cấu tạo, tính chất, hoạt chất tác động lên da của các hóa chất thường trong mỹ phẩm, dược mỹ phẩm chăm sóc da.
- Kỹ năng:
- + Phân loại được các loại mỹ phẩm và mục đích sử dụng mỹ phẩm trong chăm sóc da
- + Phân tích được tác dụng của từng loại mỹ phẩm lên da, lựa chọn mỹ phẩm phù hợp cho từng loại da.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong quá trình học tập.

2. Nội dung

Bài 1: Mỹ phẩm-Dược mỹ phẩm	2,5	Giờ
Bài 2: Một số thành phần trong chăm sóc da trị liệu	5,5	Giờ
Bài 3: Dược mỹ phẩm làm sáng da	4	Giờ
Bài 4: Chống nắng	1,5	Giờ
Bài 5: Stress oxy hóa trong mụn trứng cá	5,5	Giờ
Bài 6: Một số thành phần trong điều trị và chăm sóc tại chỗ mụn trứng cá	2,5	Giờ
Bài 7: Dược mỹ phẩm trong điều trị mụn trứng cá	4,5	Giờ
Bài 8: Chất dưỡng ẩm trong chăm sóc da thẩm mỹ	2,5	Giờ

Bài 9: Hydroxy acids (HAs) trong chăm sóc da thẩm mỹ	2	Giờ
Bài 10: Poly hydroxyl acids (PHAs) , arbutin và vitamin E trong chăm sóc nám da và tăng sắc tố sau viêm	2,5	Giờ
Bài 11: Poly hydroxyl acid, jojoba oil, vitamin E và alove vera trong chăm sóc bệnh vảy	2	Giờ
Kiểm tra	2	Giờ

Chương 3. Tác dụng phụ của dược phẩm – mỹ phẩm chăm sóc da

Thời gian: 3 giờ (LT: 2 giờ, TH, TL...: 1giờ , KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu của chương

- Kiến thức:

+ Trình bày được những tác dụng phụ của mỹ phẩm dược phẩm lên da

- Kỹ năng:

+ Nhận biết được tác dụng phụ của mỹ phẩm dược phẩm lên da, đưa ra biện pháp sơ cứu kịp thời.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong quá trình trình bày bản vẽ kỹ thuật

2. Nội dung

Bài 1: Kích ứng và dị ứng da 0,5 Giờ

Bài 2: Gây mụn 0,5 Giờ

Bài 3: Các tác dụng phụ của
việc thoa các sản phẩm chứa
chất corticoid 2 Giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, thông thoáng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính; máy chiếu Projector, phong chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra...

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được giá trị mỹ phẩm, dược phẩm mang lại cho da
- + Trình bày được cấu tạo, một số vấn đề liên quan của da và nhu cầu sử dụng mỹ phẩm của da

- Kỹ năng:

+ Phân tích được tác dụng của từng loại mỹ phẩm lên da, lựa chọn mỹ phẩm phù hợp cho từng loại da

+ Nhận biết được tác dụng phụ của mỹ phẩm dược phẩm lên da, đưa ra biện pháp sơ cứu kịp thời.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có tinh thần ham học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình hoạt động nhóm, rèn luyện tính kỷ luật, có trách nhiệm và tác phong công nghiệp;

+ Chuẩn bị, sắp xếp nơi làm an toàn và vệ sinh công nghiệp.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.

- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra tự luận

- Thi kết thúc môn học: Hình thức kiểm tra tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình Môn học **Mỹ phẩm và dược phẩm trong chăm sóc thẩm mỹ da** sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng ngành Chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra các bài tập về nhà, hướng dẫn và sửa các lỗi tại lớp cho sinh viên.

+ Giảng dạy lý thuyết cần có sản phẩm mẫu để sinh viên quan sát đặc điểm kiểu dáng, kết cấu sản phẩm;

+ Trong quá trình hướng dẫn làm bài tập ứng dụng, giảng viên chia nhóm để sinh viên dễ quan sát;

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

- + Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên
- + Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà
- + Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- + Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học

4. Tài liệu tham khảo:

- Chăm sóc da thẩm mỹ- PGS.TS Huỳnh Văn Bá- NXB Y học 2020
- Nghệ thuật phục hồi và trẻ hóa làn da- ZeniE. Obagi MD- NXB Y học
- Bí quyết chăm sóc da- LanVY, Hồng Phượng- NXB Đà Nẵng
- Dưỡng da toàn thư- TS. Anjali Mahto
- Các hoạt chất thay da hóa học- Phạm Minh Hữu Tiến- NXB Y học
- Các liệu pháp chăm sóc da hoàn hảo- leslie Baumann, MD- NXB Dân trí.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Vệ sinh - an toàn dịch tễ

Mã môn học: MH12

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ

(Lý thuyết: 20 giờ. Thực hành: 8 giờ. Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí học trước các mô-đun, môn học chuyên môn nghề.
- Tính chất: Môn học thuộc môn cơ sở cho sinh viên ngành chăm sóc sắc đẹp

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

- + Trình bày được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;
- + Trình bày được những con đường lây truyền của bệnh;
- + Trình bày được những nét đặc trưng của bệnh truyền nhiễm qua hệ hô hấp, các đặc điểm của bệnh truyền qua đường tiêu hóa;
- + Liệt kê được các vi sinh vật là nguyên nhân của bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục và bệnh truyền nhiễm cho da;
- + Trình bày được các đặc điểm lâm sàng của bệnh ký sinh trùng lây qua da, lây qua động vật và động vật chân đốt.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;
- + Phân tích được những con đường lây truyền của bệnh;
- + Nắm được các phương pháp điều trị vi khuẩn truyền nhiễm qua cơ quan hô hấp, đường tiêu hóa và phương pháp dự phòng;
- + Nắm được các nguyên nhân của bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục và bệnh truyền nhiễm cho da;
- + Phân tích được các đặc điểm lâm sàng của bệnh ký sinh trùng lây qua da, lây qua động vật và động vật chân đốt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Số TT	Tên các chương trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Chương 1: Phòng ngừa và quản lý bệnh truyền nhiễm	3	2	1	
	1.1. Tổng quan		0,5		
	1.2. Dịch tễ học(EPIDEMIOLOGY)		0,5		
	1.3. Quản lý bệnh truyền nhiễm		0,5		
	1.4. Tăng cường miễn dịch cho thân chủ		0,5	1	
	Chương 2: Môi quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật	4	3	1	
	2.1. Tính ký sinh của vi sinh vật		0,5		
	2.2. Tính gây bệnh của vi sinh vật		0,5		
	2.3. Ngăn ngừa ký sinh trùng đối với vi sinh vật gây nhiễm bệnh		1		
	2.4. Quá trình hình thành viêm nhiễm		1	1	
	Chương 3: Bệnh lây nhiễm quan trọng qua hệ hô hấp	4	3	1	
	3.1. Khái quát		0,25		
	3.2. Bệnh cúm(ISNLUENZA)		0,25		
	3.3. Bệnh bạch hầu(diphtheria)		0,25		
	3.4. Bệnh ho gà(WHOOPING COUGH: PERTUSSIS)		0,25		
	3.5. Bệnh lao(tuberculosis)		0,5		
	3.6. Sởi(MEALSES, RUBEOLA)		0,5		
	3.7. Sởi đức hay rubella		0,5		
	3.8. Quai bị		0,5	1	

Chương 4: Bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng ở hệ tiêu hóa	5	3	1	1
4.1. Khái quát		0,25		
4.2. Bệnh viêm gan truyền nhiễm (HEPATITIS A VIRUS, HAV)		0,25		
4.3. Bệnh lý trực khuẩn (SHIGELLOSIS)		0,5		
4.4. Bệnh tả		0,5		
4.5. Bệnh sốt thương hàn (typhoid fever)		0,5		
4.6. Bệnh lỵ (AMEBIC DYSENTERY)		0,5		
4.7. Bệnh bại liệt (POLIOMYELITIS)		0,5	1	
Kiểm tra				1
Chương 5: Bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh truyền nhiễm cho da	4	3	1	
5.1. Khái quát		0,25		
5.2. Bệnh lây truyền qua đường tình dục		0,25		
5.3. Các loại bệnh lây qua đường tình dục khác		0,5		
5.4. Bệnh truyền nhiễm ở mắt		0,25		
5.5. Bệnh về da của khuẩn cầu chàm		0,25		
5.6. Bệnh về da của khuẩn cầu chuỗi		0,25		
5.7. Bệnh hansen, bệnh phong		0,25		
5.8. Virus ecpet (Virus bệnh rộp da không đau – Herpes Simplex Virus)		0,5		
5.9. Viêm gan B		0,5	1	

	Chương 6 Bệnh ngoài da	3	2	1	
	6.1. Khái quát		0,25		
	6.2. Các chủng loại nấm		0,25		
	6.3. Con đường lây nhiễm		0,5		
	6.4. Điều trị		0,5		
	6.5. Phòng tránh		0,5	1	
	Chương 7: Bệnh ký sinh trùng lây qua da	3	2	1	
	7.1. Bệnh giun móc		1		
	7.2. Bệnh giun lươn		0,5		
	7.3. Bệnh sán máng		0,5	1	
	Chương 8: Bệnh lây qua động vật và động vật chân đốt	4	2	1	1
	8.1. Bệnh dại		0,5		
	8.2. Bệnh sốt vàng		0,5		
	8.3. Bệnh dịch hạch		0,5		
	8.4. Sốt phát ban		0,25		
	8.5. Bệnh sốt rét		0,25	1	
	Kiểm tra				1
	Cộng	30	20	8	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Phòng ngừa và quản lý bệnh truyền nhiễm:

Thời gian: 3 giờ (LT: 2 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1.1. Tổng quan.

0,5 giờ

2.1.2. Dịch tễ học (EPIDEMIOLOGY).

0,5 giờ

2.1.3. Quản lý bệnh truyền nhiễm.

0,5 giờ

2.1.4. Tăng cường miễn dịch cho thân chủ. 0,5 giờ

Chương 2: Mối quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật:

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được tính ký sinh, tính gây bệnh của vi sinh vật;

+ Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Kỹ năng:

.+ Phân tích được tính ký sinh, tính gây bệnh của vi sinh vật;

+ Phân tích được quá trình hình thành viêm nhiễm;

+ Ngăn ngừa được ký sinh trùng đối với vi sinh vật gây bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.2.1. Tính ký sinh của vi sinh vật. 0,5 giờ

2.2.2. Tính gây bệnh của vi sinh vật. 0,5 giờ

2.2.3. Ngăn ngừa ký sinh trùng đối với vi sinh vật
gây nhiễm bệnh. 1 giờ

2.2.4. Quá trình hình thành viêm nhiễm. 2 giờ

Chương 3: Bệnh lây nhiễm quan trọng qua hệ hô hấp:

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các biểu hiện của bệnh cúm, bạch hầu, ho gà, lao, sởi, quai bị;

+ Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các biểu hiện của bệnh cúm, bạch hầu, ho gà, lao, sởi, quai bị;

+ Phân tích được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.3.1. Khái quát. 0,25 giờ

2.3.2. Bệnh cúm (INFLUENZA). 0,25 giờ

2.3.3. Bệnh bạch hầu (diphtheria). 0,25 giờ

2.3.4. Bệnh ho gà (WHOOPING COUGH;
PERTUSSIS). 0,25 giờ

2.3.5. Bệnh lao(tuberculosis).	0,5 giờ
2.3.6. Sởi(MEALSSES, RUBEOLA).	0,5 giờ
2.3.7. Sởi đức hay rubella.	0,5 giờ
2.3.8. Quai bị.	1,5 giờ

Chương 4: Bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng ở hệ tiêu hóa

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TH: 1 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát bệnh gan, bệnh lý trực khuẩn, bệnh tả, bệnh thương hàn, bệnh lỵ, bệnh bại liệt, ;
- + Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được khái quát bệnh gan, bệnh lý trực khuẩn, bệnh tả, bệnh thương hàn, bệnh lỵ, bệnh bại liệt, ;
- + Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm và cách phòng tránh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.4.1. Khái quát	0,25 giờ
2.4.2. Bệnh viêm gan truyền nhiễm (HEPATITIS A VIRUS, HAV).	0,25 giờ
2.4.3. Bệnh lý trực khuẩn (SHIGELLOSIS).	0,5 giờ
2.4.4. Bệnh tả.	0,5 giờ
2.4.5. Bệnh sốt thương hàn(typhoid fever).	0,5 giờ
2.4.6. Bệnh lỵ (AMEBIC DYSENTERY).	0,5 giờ
2.4.7. Bệnh bại liệt (POLIOMYELITIS).	1,5 giờ
Kiểm tra.	1 giờ

Chương 5: Bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh truyền nhiễm cho da

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TH: 1 giờ.)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát bệnh lây qua đường tình dục, bệnh truyền nhiễm ở mắt, bệnh khuẩn cầu chùm, bệnh cầu chuỗi, bệnh phong, bệnh viêm gan B ;
- + Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Kỹ năng:

- .+ Phân tích được khái quát bệnh lây qua đường tình dục, bệnh truyền nhiễm ở mắt, bệnh khuẩn cầu chùm, bệnh cầu chuỗi, bệnh phong, bệnh viêm gan B;
- + Trình bày được quá trình lây nhiễm và cách phòng tránh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.5.1. Khái quát.	<i>0,25 giờ</i>
2.5.2. Bệnh lây truyền qua đường tình dục.	<i>0,25 giờ</i>
2.5.3. Các loại bệnh lây qua đường tình dục khác.	<i>0,5 giờ</i>
2.5.4. Bệnh truyền nhiễm ở mắt.	<i>0,25 giờ</i>
2.5.5. Bệnh về da của khuẩn cầu chùm.	<i>0,25 giờ</i>
2.5.6. Bệnh về da của khuẩn cầu chuỗi.	<i>0,25 giờ</i>
2.5.7. Bệnh hansen, bệnh phong.	<i>0,25 giờ</i>
2.5.8. Virut ecpet (Virus bệnh rộp da không đau – Herpes Simplex Vius).	<i>0,5 giờ</i>
2.5.9. Viêm gan B.	<i>1,5 giờ</i>

Chương 6: Bệnh ngoài da.

Thời gian: 3 giờ (LT: 2 giờ; TH: 1 giờ.)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát các chủng loại nấm;
- + Trình bày được các con đường lây nhiễm.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được khái quát các chủng loại nấm;
- + Phân tích được các con đường lây nhiễm và cách phòng tránh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.6.1. Khái quát.	<i>0,25 giờ</i>
2.6.2. Các chủng loại nấm.	<i>0,25 giờ</i>
2.6.3. Con đường lây nhiễm.	<i>0,5 giờ</i>
2.6.4. Điều trị.	<i>0,5 giờ</i>
2.6.5. Phòng tránh.	<i>1,5 giờ</i>

Chương 7: Bệnh ký sinh trùng lây qua da

Thời gian: 3 giờ (LT: 2 giờ; TH: 1 giờ.)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các biểu hiện bệnh giun móc, giun lươn, sán máng;
- + Trình bày được các con đường lây nhiễm.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được các biểu hiện bệnh giun móc, giun lươn, sán máng;
- + Phân tích được các con đường lây nhiễm bệnh giun móc, giun lươn, sán máng và cách phòng tránh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.7.1. Bệnh giun móc. 1 giờ

2.7.2. Bệnh giun lươn. 0,5 giờ

2.7.3. Bệnh sán máng. 1,5 giờ

Chương 8: Bệnh lây qua động vật và động vật chân đốt

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TH: 1 giờ; KT: 1 giờ.)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các biểu hiện bệnh dại, sốt vàng, dịch hạch, phát ban, sốt rét;
- + Trình bày được các nguyên nhân gây dại, sốt vàng, dịch hạch, phát ban, sốt rét.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các biểu hiện bệnh dại, sốt vàng, dịch hạch, phát ban, sốt rét;

+ Phân tích được các nguyên nhân gây dại, sốt vàng, dịch hạch, phát ban, sốt rét và cách phòng tránh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.8.1. Bệnh dại. 0,5 giờ

2.8.2. Bệnh sốt vàng. 0,5 giờ

2.8.3. Bệnh dịch hạch. 0,5 giờ

2.8.4. Sốt phát ban. 0,25 giờ

2.8.5. Bệnh sốt rét. 1,25 giờ

Kiểm tra. 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết: Phòng học đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, âm thanh, thông thoáng và đảm bảo an toàn về phòng chống cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy tính; máy chiếu Projector, phong chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;

- Dụng cụ:

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

+ Trình bày được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;

+ Trình bày được những con đường lây truyền của bệnh;

+ Trình bày được những nét đặc trưng của bệnh truyền nhiễm qua hệ hô hấp, các đặc điểm của bệnh truyền qua đường tiêu hóa;

+ Liệt kê được các vi sinh vật là nguyên nhân của bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục và bệnh truyền nhiễm cho da;

+ Trình bày được các đặc điểm lâm sàng của bệnh ký sinh trùng lây qua da, lây qua động vật và động vật chân đốt.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;

+ Phân tích được những con đường lây truyền của bệnh;

+ Nắm được các phương pháp điều trị vi khuẩn truyền nhiễm qua cơ quan hô hấp, đường tiêu hóa và phương pháp dự phòng;

+ Nắm được các nguyên nhân của bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục và bệnh truyền nhiễm cho da;

+ Phân tích được các đặc điểm lâm sàng của bệnh ký sinh trùng lây qua da, lây qua động vật và động vật chân đốt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập;

- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra tự luận;

- Thi kết thúc môn học: Hình thức kiểm tra tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Vệ sinh an toàn dịch tế sử dụng để giảng dạy trình độ

Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra các bài tập về nhà, hướng dẫn và sửa các lỗi tại lớp cho sinh viên.

+ Giảng dạy lý thuyết cần có các hình ảnh minh họa để sinh viên quan sát đặc điểm các loại ký sinh vật;

+ Trong quá trình hướng dẫn làm bài tập ứng dụng, giảng viên chia nhóm để sinh viên dễ quan sát.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập;

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên;

+ Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà;

+ Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp;

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;

+ Phân tích được những con đường lây truyền của bệnh;

+ Nắm được các phương pháp điều trị vi khuẩn truyền nhiễm qua cơ quan hô hấp, đường tiêu hóa và phương pháp dự phòng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Dịch tễ học – Trường Đại học Y Huế năm 2006

- Giáo trình Dịch tễ học – Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng mềm

Mã môn học: MH13

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ

(Lý thuyết: 20 giờ. Thực hành: 38 giờ. Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí học trước các mô-đun, môn học chuyên môn nghề.

- Tính chất: Môn học thuộc môn cơ sở cho sinh viên ngành chăm sóc sắc đẹp

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các loại kỹ năng, tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống;

+ Trình bày được cách tổ chức làm việc hiệu quả, nâng cao hiệu quả của làm việc nhóm;

+ Trình bày được bản chất và vai trò của tư duy phản biện;

+ Trình bày được phương pháp phát hiện vấn đề và kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác;

+ Trình bày được kỹ năng lọc thông tin, thu thập thông tin, kỹ năng quan sát để thu thập thông tin, kỹ năng xử lý thông tin;

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các loại kỹ năng, tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống;

+ Phân tích được cách tổ chức làm việc hiệu quả, nâng cao hiệu quả của làm việc nhóm;

+ Phân tích được bản chất và vai trò của tư duy phản biện;

+ Phân tích được phương pháp phát hiện vấn đề và kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác;

+ Phân tích được kỹ năng lọc thông tin, thu thập thông tin, kỹ năng quan sát để thu thập thông tin, kỹ năng xử lý thông tin;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Số TT	Tên các chương trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý	Thực hành,	Kiểm

		số	thuyết	thí nghiệm, thảo luận, bài tập	tra
	Chương 1: Khái quát về kỹ năng mềm	5	3	2	
	1.1. Khái niệm về kỹ năng mềm		0.5		
	1.2. Cơ sở khoa học của việc huấn luyện kỹ năng		0,5		
	1.3. Các loại kỹ năng		1	1	
	1.4. Tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống và sự nghiệp		1	1	
	Chương 2: Kỹ năng làm việc nhóm	10	3	7	
	2.1. Nhóm- Vai trò và các đặc điểm		0.5		
	2.2. Tổ chức làm việc hiệu quả		0,5	4	
	2.3. Mẫu thuẫn giữa các thành viên trong nhóm		1	1	
	2.4. Nâng cao hiệu quả làm việc nhóm		1	2	
	Chương 3: Kỹ năng tư duy phản biện	10	3	7	
	3.1. Bản chất và vai trò của tư duy phản biện		1	4	
	3.2. Để có tư duy phản biện		2	3	
	Chương 4: Kỹ năng phát hiện vấn đề và đặt vấn đề một cách chính xác	10	4	5	1
	4.1. Phương pháp phát hiện vấn đề		1	1	
	4.2. Kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác		2	1	
	4.3. Kỹ năng đặt tên cho vấn đề		1	3	1
	Chương 5: Các kỹ năng giải quyết vấn đề	10	4	6	

5.1. Đặt giả thuyết cho vấn đề		0,5	1	
5.2. Các phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề		0,5	1	
5.3. Cách thức chứng minh giả thuyết(Kiểm chứng giả thuyết)		0,5	1	
5.4. Kỹ năng lọc thông tin cốt lõi khi đọc các tài liệu tham khảo		0,5	1	
5.5. Kỹ năng phỏng vấn để thu thập thông tin		0,5	1	
5.6. Kỹ năng quan sát để thu thập thông tin		0,5	0,5	
5.7. Kỹ năng xử lý thông tin		1	0,5	
Chương 6: Kỹ năng thuyết trình	15	3	11	1
6.1. Thuyết trình giới- Mở đường tới thành công		0,5		
6.2. Chuẩn bị thuyết trình		1	3,5	
6.3. Thực hiện thuyết trình		1	4	
6.4. Hậu thuyết trình		0,5	3,5	1
Cộng	60	20	38	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Khái quát về kỹ năng mềm

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TH: 2 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái niệm, cơ sở khoa học của việc huấn luyện kỹ năng mềm;
- + Trình bày được các loại kỹ năng, tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được khái niệm, cơ sở khoa học của việc huấn luyện kỹ năng mềm;
- + Phân tích được các loại kỹ năng, tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:	
2.1.1. Khái niệm về kỹ năng mềm	0,5 giờ
2.1.2. Cơ sở khoa học của việc huấn luyện kỹ năng	0,5 giờ
2.1.3. Các loại kỹ năng	2 giờ
2.1.4. Tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống và sự nghiệp	2 giờ

Chương 2: Kỹ năng làm việc nhóm

Thời gian: 10 giờ (LT: 3 giờ; TH: 7 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được vai trò và đặc điểm của nhóm;
- + Trình bày được cách tổ chức làm việc hiệu quả, nâng cao hiệu quả của làm việc nhóm.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được vai trò và đặc điểm của nhóm;
- + Phân tích được cách tổ chức làm việc hiệu quả, nâng cao hiệu quả của làm việc nhóm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.2.1. Nhóm- Vai trò và các đặc điểm	0,5 giờ
2.2.2. Tổ chức làm việc hiệu quả	4,5 giờ
2.2.3. Mẫu thuẫn giữa các thành viên trong nhóm	2 giờ
2.2.4. Nâng cao hiệu quả làm việc nhóm	3 giờ

Chương 3: Kỹ năng tư duy phản biện

Thời gian: 10 giờ (LT: 3 giờ; TH: 7 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được bản chất và vai trò của tư duy phản biện.

- Kỹ năng:

- +. Phân tích được bản chất và vai trò của tư duy phản biện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.3.1. Bản chất và vai trò của tư duy phản biện	5 giờ
---	-------

2.3.2. Để có tư duy phản biện

5 giờ

Chương 4: Kỹ năng phát hiện vấn đề và đặt vấn đề một cách chính xác

Thời gian: 10 giờ (LT: 4 giờ; TH: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được phương pháp phát hiện vấn đề và kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác;

+ Trình bày được kỹ năng đặt tên cho vấn đề.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được phương pháp phát hiện vấn đề và kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác;

+ Phân tích được kỹ năng đặt tên cho vấn đề.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.4.1. Phương pháp phát hiện vấn đề 2 giờ

2.4.2. Kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác 3 giờ

2.4.3. Kỹ năng đặt tên cho vấn đề 4 giờ

Kiểm tra. 1 giờ

Chương 5: Các kỹ năng giải quyết vấn đề

Thời gian: 10 giờ (LT: 4 giờ; TH: 6 giờ.)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được cách đặt giả thuyết vấn đề và các phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề;

+ Trình bày được cách thức chứng minh giả thuyết;

+ Trình bày được kỹ năng lọc thông tin, thu thập thông tin, kỹ năng quan sát để thu thập thông tin, kỹ năng xử lý thông tin.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được cách đặt giả thuyết vấn đề và các phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề;

+ Phân tích được cách thức chứng minh giả thuyết;

+ Phân tích được kỹ năng lọc thông tin, thu thập thông tin, kỹ năng quan sát để thu thập thông tin, kỹ năng xử lý thông tin.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.5.1. Đặt giả thuyết cho vấn đề 1,5 giờ

2.5.2. Các phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề 1,5 giờ

2.5.3. Cách thức chứng minh giả thuyết(Kiểm chứng giả thuyết)	1,5 giờ
2.5.4. Kỹ năng lọc thông tin cốt lõi khi đọc các tài liệu tham khảo	1,5 giờ
2.5.5. Kỹ năng phỏng vấn để thu thập thông tin	1,5 giờ
2.5.6. Kỹ năng quan sát để thu thập thông tin	1 giờ
2.5.7. Kỹ năng xử lý thông tin	1,5 giờ

Chương 6: Kỹ năng thuyết trình

Thời gian: 15 giờ (LT: 3 giờ; TH: 11 giờ;KT:1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được phương pháp thuyết trình, chuẩn bị thuyết trình, thực hiện thuyết trình

- Kỹ năng:

+ Phân tích được phương pháp thuyết trình, chuẩn bị thuyết trình, thực hiện thuyết trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.6.1. Thuyết trình giỏi- Mở đường tới thành công	0,5 giờ
2.6.2. Chuẩn bị thuyết trình	4,5 giờ
2.6.3. Thực hiện thuyết trình	5 giờ
2.6.4. Hậu thuyết trình	5 giờ
Kiểm tra	1giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết: Phòng học đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, âm thanh, thông thoáng và đảm bảo an toàn về phòng chống cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy tính; máy chiếu Projector, phong chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;

- Dụng cụ:

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các loại kỹ năng, tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống;
- + Trình bày được cách tổ chức làm việc hiệu quả, nâng cao hiệu quả của làm việc nhóm;
- + Trình bày được bản chất và vai trò của tư duy phản biện;
- + Trình bày được phương pháp phát hiện vấn đề và kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác;
- + Trình bày được kỹ năng lọc thông tin, thu thập thông tin, kỹ năng quan sát để thu thập thông tin, kỹ năng xử lý thông tin;

- Kỹ năng:

- + Phân tích được các loại kỹ năng, tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong cuộc sống;
- + Phân tích được cách tổ chức làm việc hiệu quả, nâng cao hiệu quả của làm việc nhóm;
- + Phân tích được bản chất và vai trò của tư duy phản biện;
- + Phân tích được phương pháp phát hiện vấn đề và kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác;
- + Phân tích được kỹ năng lọc thông tin, thu thập thông tin, kỹ năng quan sát để thu thập thông tin, kỹ năng xử lý thông tin;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập;
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra tự luận;
- Thi kết thúc môn học: Hình thức kiểm tra tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Kỹ năng mềm sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

- + Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để

đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra các bài tập về nhà, hướng dẫn và sửa các lỗi tại lớp cho sinh viên.

+ Giảng dạy lý thuyết cần có các hình ảnh minh họa để sinh viên quan sát đặc điểm các loại ký sinh vật;

+ Trong quá trình hướng dẫn làm bài tập ứng dụng, giảng viên chia nhóm để sinh viên dễ quan sát.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập;

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên;

+ Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà;

+ Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp;

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Phương pháp phát hiện vấn đề

- Kỹ năng đặt vấn đề một cách chính xác

- Chuẩn bị thuyết trình

- Thực hiện thuyết trình

4. Tài liệu tham khảo:

- PGS, TSKH Bùi Loan Thùy, PGS, TS Phạm Đình Nghiệm- Giáo trình Kỹ năng mềm năm 2010

- Th.s Phạm Thị Cẩm Lệ, Th.s Hồ Quang Cẩm Nghĩa- Giáo trình Kỹ năng mềm – TP Hồ Chí Minh 2020

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên môđun: Chăm sóc da cơ bản

Mã môđun: MĐ 14

Thời gian thực hiện mô-đun: 105 giờ

(Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 70 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- **Vị trí:** Mô-đun được bố trí học sau các học các mô-đun, môn học sở sở ngành
- **Tính chất:** Mô-đun Chăm sóc da cơ bản là mô-đun thuộc chuyên môn nghề được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được chức năng của da
 - + Trình bày được đặc điểm khái niệm da
 - + Trình bày được cấu trúc da
 - + Trình bày được các bước tư vấn khách hàng;
 - + Trình bày được quy trình lấy thông tin khách hàng;
- Kỹ năng:
 - + Sử dụng thành thạo các dụng cụ và vật tư làm sạch da;
 - + Làm sạch da cơ bản đạt yêu cầu kỹ thuật
 - + Làm sạch sâu đạt yêu cầu kỹ thuật
 - + Lựa chọn vật tư làm sạch phù hợp với từng loại da
 - + Phân tích được mục đích, hiệu quả của việc đắp mặt nạ
 - + Thực hiện đúng quy trình đắp mặt nạ dẻo, thạch cao
 - + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc da cơ bản
 - + Thực hiện đúng quy trình chăm sóc da cơ bản
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.
 - + Rèn luyện tư duy chính xác, cẩn thận, tác phong công nghiệp, có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu.

III. Nội dung mô-đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

	Bài 1: Sơ lược về chăm sóc da thẩm mỹ	5	4	1	
	1.1. Khái niệm về chăm sóc da thẩm mỹ		1		
	1.2. Vai trò và thái độ của chuyên viên chăm sóc da		1		
	1.3. Hình ảnh chuyên nghiệp của chuyên viên Chăm sóc da		2	1	
2	Bài 2: Chức năng và cấu tạo của da	15	3	12	
	2.1. Chức năng của da		1	2	
	2.2. Cấu tạo da		1	3	
	2.3. Phân loại da		1	7	
3	Bài 3: Tư vấn khách hàng	10	6	4	
	3.1. Tư vấn chăm sóc da		2		
	3.2. Điều kiện để tư vấn chăm sóc da		2	2	
	3.3. Lập hồ sơ phân tích da và quản lý khách hàng		2	2	
4	Bài 4: Quy trình làm sạch da	15	4	10	1
	4.1. Chuẩn bị các điều kiện để làm sạch da		1	3	
	4.2. Hiệu quả của việc làm sạch da		1		
	4.3. Quy trình làm sạch da		2	7	
5	Bài 5: Kỹ thuật massage mặt, cổ vai gáy	25	6	17	2
	5.1. Chuẩn bị các điều kiện để massage mặt, cổ vai gáy		2	2	
	5.2. Hiệu quả của việc massage mặt, cổ vai gáy		1		
	5.3. Trường hợp cần lưu ý khi massage mặt, cổ vai gáy		1		
	4.2. Quy trình massage mặt, cổ vai gáy		2	15	
6	Bài 6: Kỹ thuật đắp mặt nạ	5	2	3	

	6.1. Mục đích và hiệu quả của việc đắp mặt nạ		1		
	6.2. Kỹ thuật đắp mặt nạ		1	3	
7	Bài 7: Quy trình chăm sóc da	30	5	23	2
	7.1. Các điều kiện để chăm sóc da cơ bản		1	4	
	7.2. Quy trình thực hiện chăm sóc da cơ bản		2	8	
	7.3. Thực hành chăm sóc da cơ bản		2	11	
	Cộng	105	30	70	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Sơ lược về chăm sóc da thẩm mỹ

(Thời gian: 5 giờ (LT: 4giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái niệm về chăm sóc da thẩm mỹ
- + Trình bày được vai trò của chuyên viên chăm sóc da

- Kỹ năng:

- + Phân tích được vai trò và thái độ chuyên nghiệp của chuyên viên chăm sóc da
- + Phân tích được hình ảnh chuyên nghiệp của chuyên viên chăm sóc da.

- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có thái độ và hình ảnh chuyên nghiệp của chuyên viên chăm sóc da

2. Nội dung:

- | | |
|---|-------|
| 2.1.1. Khái niệm về chăm sóc da thẩm mỹ | 1 giờ |
| 2.1.2. Vai trò và thái độ của chuyên viên chăm sóc da | 1 giờ |
| 2.1.3. Hình ảnh chuyên nghiệp của chuyên viên Chăm sóc da | 3 giờ |

Bài 2: Chức năng và cấu tạo của da

Thời gian: 15 giờ (LT: 3giờ; TH: 12 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được chức năng của da
- + Trình bày được đặc điểm khái niệm da
- + Trình bày được cấu trúc da

- Kỹ năng:

- + Xác định được các chức năng của da;
- + Phân tích được cấu trúc của da;
- + Nhận biết được các loại da
- + Phân tích được các đặc điểm của từng loại da
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, chính xác, tác phong công nghiệp
- + Đảm bảo định mức thời gian và an toàn trong quá trình thực hiện.

2. Nội dung bài

2.2.1. Chức năng của da	3 giờ
2.2.2. Cấu tạo da	4 giờ
2.2.2.1. Lớp biểu bì	1,5 giờ
2.2.2.2. Lớp trung bì	1,5 giờ
2.2.2.3. Lớp hạ bì	1 giờ
2.2.3. Phân loại da	8 giờ
2.2.3.1. Da dầu	2 giờ
2.2.3.2. Da khô	2 giờ
2.2.3.3. Da hỗn hợp	2 giờ
2.2.3.4. Da thường	1 giờ
2.2.3.5. Da nhạy cảm	1 giờ

Bài 3: Tư vấn khách hàng

Thời gian: 10 giờ (LT: 6 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được các bước tư vấn khách hàng;
 - + Trình bày được quy trình lấy thông tin khách hàng;
- Kỹ năng:
 - + Thực hiện được các bước tư vấn khách hàng;
 - + Thực hiện lấy thông tin khách hàng đúng quy trình;
 - + Sử dụng thành thạo các thiết bị phân tích da bước đầu cho khách hàng
 - + Lập hồ sơ khách hàng đầy đủ các thông tin
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm vật tư, an toàn vệ sinh dịch tễ.

2. Nội dung bài

2.3.1. Tư vấn chăm sóc da	2 giờ
2.3.2. Điều kiện để tư vấn chăm sóc da	4 giờ

2.3.3. Lập hồ sơ phân tích da và quản lý khách hàng	4 giờ
2.3.3.1. Phân tích da cho khách	2 giờ
2.3.3.2. Lập hồ sơ quản lý khách hàng	2 giờ

Bài 4: Quy trình làm sạch da

Thời gian: 15 giờ (LT: 4 giờ; TH: 10 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được quy trình làm sạch da cơ bản;
- + Trình bày được quy trình làm sạch sâu;
- + Trình bày các điều làm sạch da.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ và vật tư làm sạch da;
- + Làm sạch da cơ bản đạt yêu cầu kỹ thuật
- + Làm sạch sâu đạt yêu cầu kỹ thuật
- + Lựa chọn vật tư làm sạch phù hợp với từng loại da

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm vật tư;

2. Nội dung bài

2.4.1. Chuẩn bị các điều kiện để làm sạch da	4 giờ
2.4.2. Hiệu quả của việc làm sạch da	1 giờ
2.4.3. Quy trình làm sạch da	9 giờ
2.4.3.1. Làm sạch mặt	3 giờ
2.4.3.2. Làm sạch bờ môi	3 giờ
2.4.3.3. Làm sạch mắt	3 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 5: Kỹ thuật massage mặt, cổ vai gáy

Thời gian: 25 giờ (LT: 6 giờ; TH: 17 giờ; KT: 2 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được hiệu quả của việc massage mặt, cổ vai gáy;
- + Trình bày được quy trình massage mặt, cổ vai gáy.

- Kỹ năng:

- + Thành thạo quy trình massage mặt, cổ vai gáy;
- + Lựa chọn mỹ phẩm phù hợp cho từng loại da

- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ trong quá trình massage mặt, cổ vai gáy
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- Rèn luyện tính cẩn thận, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm vật tư đảm bảo an toàn vệ sinh dịch tễ;

2. Nội dung bài

2.5.1. Chuẩn bị các điều kiện để massage mặt, cổ vai gáy	4 giờ
2.5.2. Hiệu quả của việc massage mặt, cổ vai gáy	1 giờ
2.5.3. Trường hợp cần lưu ý khi massage	1 giờ
2.5.2. Cơ và chức năng để massage mặt	2 giờ
2.5.3. Quy trình massage mặt, cổ vai gáy	17 giờ
2.5.3.1. Kỹ thuật bôi kem	1 giờ
2.5.3.2. Các bước massage mặt, cổ vai gáy	8 giờ
2.5.3.3. Thực hành massage mặt, cổ vai gáy	8 giờ
Kiểm tra	2 giờ

Bài 6: Kỹ thuật đắp mặt nạ

(Thời gian: 5 giờ (LT: 2 giờ; TH: 3 giờ))

1. Mục tiêu của bài:
 - Kiến thức:
 - + Trình bày được mục đích, hiệu quả của việc đắp mặt nạ;
 - + Trình bày được phương pháp đắp mặt nạ dẻo, thạch cao.
 - Kỹ năng:
 - + Phân tích được mục đích, hiệu quả của việc đắp mặt nạ
 - + Thực hiện đúng quy trình đắp mặt nạ dẻo, thạch cao
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu;
 - + Đảm bảo định mức thời gian và an toàn dịch tễ trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung bài

2.6.1. Mục đích và hiệu quả của việc đắp mặt nạ	1 giờ
2.6.2. Kỹ thuật đắp mặt nạ	4 giờ

Bài 7: Quy trình chăm sóc da

Thời gian: 30 giờ (LT: 5 giờ; TH: 23 giờ; KT: 2 giờ)

1. Mục tiêu của bài:
 - Kiến thức:
 - + Trình bày được các điều kiện để chăm sóc da cơ bản;
 - + Trình bày được quy trình chăm sóc da cơ bản.

- Kỹ năng:
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc da cơ bản
- + Thực hiện đúng quy trình chăm sóc da cơ bản
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu;
- + Đảm bảo định mức thời gian và an toàn dịch tễ trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung bài

2.7.1. Các điều kiện để chăm sóc da mặt cơ bản	<i>5 giờ</i>
2.7.2. Quy trình thực hiện chăm sóc da cơ bản	<i>10 giờ</i>
2.7.3. Thực hành chăm sóc da cơ bản	<i>13 giờ</i>
Kiểm tra	<i>2 giờ</i>

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà thực hành: Phòng cơ sở, phòng thực hành chăm sóc da
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính; máy chiếu, phong chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Nguyên liệu: Mặt nạ, tẩy trang, sữa rửa mặt, kem massage, kem chống nắng...
 - Dụng cụ:
 - + Bông gòn, giấy...
 - + Máy xông hơi
 - + Máy hút mụn, máy điện di, máy soi da
4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được chức năng của da
 - + Trình bày được đặc điểm khái niệm da
 - + Trình bày được cấu trúc da
 - + Trình bày được các bước tư vấn khách hàng;
 - + Trình bày được quy trình lấy thông tin khách hàng;
- Kỹ năng:
 - + Sử dụng thành thạo các dụng cụ và vật tư làm sạch da;
 - + Làm sạch da cơ bản đạt yêu cầu kỹ thuật
 - + Làm sạch sâu đạt yêu cầu kỹ thuật

- + Lựa chọn vật tư làm sạch phù hợp với từng loại da
- + Phân tích được mục đích, hiệu quả của việc đắp mặt nạ
- + Thực hiện đúng quy trình đắp mặt nạ dẻo, thạch cao
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc da cơ bản
- + Thực hiện đúng quy trình chăm sóc da cơ bản
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.
- + Rèn luyện tư duy chính xác, cẩn thận, tác phong công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu.

1. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Thực hành, vấn đáp
- Kiểm tra định kỳ: Thực hành, tự luận
- Thi thóc mô-đun: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun chăm sóc da cơ bản sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng ngành Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Đối với giảng viên:

- + Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;
- + Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;
- + Giảng dạy lý thuyết cần có sản phẩm mẫu để sinh viên quan sát đặc điểm kiểu dáng sản phẩm;
- + Trong quá trình hướng dẫn thực hành, giảng viên thao tác mẫu cần chia nhóm để sinh viên quan sát.

- Đối với người học :

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và đồ dùng học tập.
- + Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu theo yêu cầu của giảng viên
- + Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà
- + Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp.
- + Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô-đun;

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ và vật tư làm sạch da;

- + Làm sạch da cơ bản đạt yêu cầu kỹ thuật
- + Làm sạch sâu đạt yêu cầu kỹ thuật
- + Lựa chọn vật tư làm sạch phù hợp với từng loại da
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc da cơ bản
- + Thực hiện đúng quy trình chăm sóc da cơ bản

4. Tài liệu cần tham khảo

- Giáo trình chăm sóc da cơ bản - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội
- <https://medlatec.vn/tin-tuc/8-buoc-cham-soc-da-co-ban--khoi-dau-cho-mot-lan-da-sang-khoe-s107-n26519>

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên môđun: Chăm sóc da nâng cao

Mã môđun: MĐ 15

Thời gian thực hiện mô-đun: 105 giờ

(Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 70 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- **Vị trí:** Mô-đun được bố trí học sau mô-đun chăm sóc da cơ bản

- **Tính chất:** Mô-đun Chăm sóc da nâng cao là mô-đun thuộc chuyên môn nghề được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các bệnh da liễu trong nhân gian và nguyên nhân hình thành, phương pháp điều trị

+ Trình bày được các biểu hiện của da bị nám, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Trình bày được các biểu hiện của da bị mụn, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Trình bày được các biểu hiện của da bị lão hóa, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Trình bày được các biểu hiện của da bị giãn mao mạch, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Trình bày được các biểu hiện của sẹo, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Trình bày được các biểu hiện của da bị kích ứng, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

- Kỹ năng:

+ Xác định được các bệnh da liễu trong nhân gian và nguyên nhân hình thành, phương pháp điều trị

+ Xác định được các biểu hiện của da bị nám, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da nám đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị mụn, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da mụn đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị lão hóa, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da lão hóa đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da giãn mao mạch, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da giãn mao mạch đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị sẹo, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được sẹo đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị kích ứng, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

- + Điều trị được da kích ứng đúng phương pháp đạt yêu cầu
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị da
- + Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị da
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.
- + Rèn luyện tư duy chính xác, cẩn thận, tác phong công nghiệp, có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu.

III. Nội dung mô-đun:

3. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Bài 1: Đại cương về bệnh da và hoa liễu	5	3	2	
	1.1. Tình hình bệnh da liễu trong nhân dân		1		
	1.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý của da		1	2	
	1.3. Phương pháp phương hướng xây dựng ngành nghề		1		
	Bài 2: Bệnh về da	19	4	14	1
	2.1. Bệnh rụng tóc		0,5	2	
	2.2. Vẩy nến		0,5	2	
	2.3. Viêm da cơ địa		0,5	2	
	2.4. Mụn com		0,5	2	
	2.5. Bệnh zona		0,5	2	
	2.6. Lang ben		0,5	2	
	2.7. Tổ đỉa		1	2	
3	Bài 3: Điều trị nám	17	4	13	
	3.1. Biểu hiện của da nám		0,5	1,5	
	3.2. Nguyên nhân hình thành nám		1	3	
	3.3. Nguyên tắc điều trị da nám		1	2	

	3.4. Hoạt chất làm giảm hắc tố		0,5	1,5	
	3.5. Các phương pháp điều trị da nám		1	5	
4	Bài 4: Điều trị da mụn	19	4	14	1
	4.1. Biểu hiện		0,5	1,5	
	4.2. Nguyên nhân hình thành		1	3	
	4.3. Quá trình hình thành mụn		1	3	
	4.4. Hình thức của mụn		0,5	1,5	
	4.5. Giai đoạn phát triển của mụn		0,5	2,5	
	4.6. Mụn đặc thù		0,5	2,5	
5	Bài 5: Điều trị da lão hóa	14	5	7	2
	5.1. Biểu hiện		1	1,5	
	5.2. Nguyên nhân lão hóa		1	1	
	5.3. Nguyên tắc điều trị		1	1	
	5.4. Hoạt chất điều trị da lão hóa trong mỹ phẩm hiện nay		1	1,5	
	5.5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà		1	2	
7	Bài 6: Điều trị da giãn mao mạch	11	4	7	0
	6.1. Biểu hiện		1	0,5	
	6.2. Nguyên nhân hình thành		1	3	
	6.3. Nguyên tắc điều trị		1	2	
	6.4. Hoạt chất điều trị giãn mao mạch trong mỹ phẩm hiện nay		1	1,5	
7	Bài 7: Điều trị sẹo	10	3	7	0
	7.1. Phân loại sẹo		1	2	
	7.2. Nguyên nhân hình thành sẹo		1	2	
	7.3. Phương pháp điều trị sẹo		1	3	
8	Bài 8: Chăm sóc da bị kích ứng	10	3	6	1
	8.1. Biểu hiện da bị kích ứng		1	1,5	
	8.2. Nguyên nhân hình thành da bị kích ứng		1	1,5	

	8.3. Phương pháp điều trị		1	3	
	Cộng	105	30	70	5

4. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về bệnh da và hoa liễu

Thời gian: 5 giờ (LT: 3giờ; TH: 2 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được tình hình bệnh da liễu trong nhân dân
- + Trình bày được nguyên nhân hình thành bệnh lý của da
- + Trình bày được phương hướng xây dựng ngành nghề

- Kỹ năng:

- + Phân tích được tình hình bệnh da liễu trong nhân dân
- + Phân tích được nguyên nhân hình thành bệnh lý của da
- + Phân tích được phương hướng xây dựng ngành nghề
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, chính xác, tác phong công nghiệp
- + Đảm bảo định mức thời gian và an toàn trong quá trình thực hiện.

2. Nội dung bài

2.1.1. Tình hình bệnh da liễu trong nhân dân *1 giờ*

2.1.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý của da *3 giờ*

2.1.3. Phương pháp phương hướng xây dựng ngành nghề *1 giờ*

Bài 2: Bệnh về da

Thời gian: 19 giờ (LT: 4 giờ; TH: 14 giờ;KT: 1)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các biểu hiện bệnh lý về da;
- +Trình bày được các nguyên nhân hình thành bệnh lý về da;
- + Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh lý về da

- Kỹ năng:

- + Xác định được các biểu hiện bệnh lý về da;
- +Xác định được các nguyên nhân hình thành bệnh lý về da;
- + Phân tích được các nguyên tắc điều trị bệnh lý về da
- + **Điều trị được các bệnh lý về da đúng phương pháp đạt yêu cầu**

+ Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị da

+ Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm vật tư, an toàn vệ sinh dịch tễ.

2. Nội dung bài

2.2.1. Bệnh rụng tóc 2,5 giờ

2.2.1.1. Biểu hiện 0,5 giờ

2.2.1.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý 0,5 giờ

2.2.1.3. Nguyên tắc điều trị 1 giờ

2.2.1.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà 0,5 giờ

2.2. 2. Vảy nến 2,5 giờ

2.2.2.1. Biểu hiện 0,5 giờ

2.2.2.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý 0,5 giờ

2.2.2.3. Nguyên tắc điều trị 1 giờ

2.2.2.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà 0,5 giờ

2.2.3. Viêm da cơ địa 2,5 giờ

2.2.3.1. Biểu hiện 0,5 giờ

2.2.3.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý 0,5 giờ

2.2.3.3. Nguyên tắc điều trị 1 giờ

2.2.3.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà 0,5 giờ

2.2.4. Mụn com 2,5 giờ

2.2.4.1. Biểu hiện 0,5 giờ

2.2.4.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý 0,5 giờ

2.2.4.3. Nguyên tắc điều trị 1 giờ

2.2.4.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà 0,5 giờ

2.2.5. Bệnh zona 2,5 giờ

2.2.5.1. Biểu hiện 0,5 giờ

2.2.5.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý 0,5 giờ

2.2.5.3. Nguyên tắc điều trị 1 giờ

2.2.5.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà 0,5 giờ

2.2.6. Lang ben 2,5 giờ

2.2.6.1. Biểu hiện 0,5 giờ

2.2.6.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý 0,5 giờ

2.2.6.3. Nguyên tắc điều trị 1 giờ

2.2.6.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà 0,5 giờ

2.7. Tổ địa 3giờ

2.2.7.1. Biểu hiện	0,5 giờ
2.2.7.2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý	1 giờ
2.2.7.3. Nguyên tắc điều trị	1 giờ
2.2.7.4. Dặn dò khi chăm sóc tại nhà	0,5 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 3: Điều trị nám

Thời gian: 17 giờ (LT: 4 giờ; TH: 13 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các biểu hiện của nám;
- + Trình bày được các nguyên nhân hình thành nám;
- + Trình bày được các nguyên tắc điều trị nám;
- + Trình bày được các hoạt chất làm giảm hắc tố nám;
- + Trình bày được phương pháp điều trị nám
- Kỹ năng:
- + Xác định được các biểu hiện của nám;
- + Xác định được các nguyên nhân hình thành nám;
- + Xác định được các nguyên tắc điều trị nám;
- + Xác định được các hoạt chất làm giảm hắc tố nám;
- + Xác định phương pháp điều trị nám
- + Điều trị được nám đúng phương pháp đạt yêu cầu
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị nám
- + Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị nám
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm vật tư;

2. Nội dung bài

2.3.1. Biểu hiện của da nám	2 giờ
2.3.2. Nguyên nhân hình thành nám	4 giờ
2.3.3. Nguyên tắc điều trị da nám	3 giờ
2.3.4. Hoạt chất làm giảm hắc tố	2 giờ
2.3.5. Các phương pháp điều trị da nám	5 giờ
2.3.5.1. Điều trị bằng mỹ phẩm	2 giờ
2.3.5.2. Điều trị bằng công nghệ cao	3 giờ

Bài 4: Điều trị mụn

(Thời gian: 19 giờ (LT: 4 giờ; TH: 14 giờ; KT: 1)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các biểu hiện của mụn;
- + Trình bày được các nguyên nhân hình thành mụn;
- + Trình bày được quá trình hình thành mụn;
- + Trình bày được các hình thức của mụn;
- + Trình bày được các giai đoạn phát triển của mụn;
- + Trình bày được các đặc điểm của các mụn đặc thù.

- Kỹ năng:

- + Xác định được các biểu hiện của mụn;
- + Xác định được các nguyên nhân hình thành mụn;
- + Xác định được quá trình hình thành mụn;
- + Xác định được các hình thức của mụn;
- + Xác định được các giai đoạn phát triển của mụn;
- + Phân tích được các đặc điểm của các mụn đặc thù.

+ Điều trị được mụn đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị mụn

+ Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị mụn

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính cẩn thận, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm vật tư đảm bảo an toàn vệ sinh dịch tễ;

2. Nội dung bài

2.4.1. Biểu hiện của mụn	2 giờ
2.4.2. Nguyên nhân hình thành mụn	4 giờ
2.4.3. Quá trình hình thành mụn	4 giờ
2.4.4. Hình thức của mụn	2 giờ
2.4.5. Giai đoạn phát triển mụn	3 giờ
2.4.6. Mụn đặc thù	3 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 5: Điều trị da lão hóa

Thời gian: 14 giờ (LT: 5 giờ; TH: 7 giờ; KT: 2 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các biểu hiện lão hóa;
- + Trình bày được các nguyên nhân hình thành lão hóa da;
- + Trình bày được các nguyên tắc điều trị da lão hóa;
- + Trình bày được các hoạt chất điều trị lão hóa da trong mỹ phẩm hiện nay;
- + Trình bày được cách chăm sóc tại nhà đối với da lão hóa.

- Kỹ năng:
- + Xác định được các biểu hiện lão hóa;
- + Xác định được các nguyên nhân hình thành lão hóa da;
- + Xác định được các nguyên tắc điều trị da lão hóa;
- + Xác định được các hoạt chất điều trị da lão hóa trong mỹ phẩm hiện nay
- + Điều trị được da bị lão hóa đúng phương pháp đạt yêu cầu
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị da lão hóa
- + Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị da lão hóa
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu;
- + Đảm bảo định mức thời gian và an toàn dịch tễ trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung bài

2.5.1. Biểu hiện	2,5 giờ
2.5.2. Nguyên nhân lão hóa	2 giờ
2.5.3. Nguyên tắc điều trị	2 giờ
2.5.4. Hoạt chất điều trị da lão hóa trong mỹ phẩm hiện nay	2,5 giờ
2.5.5 Hướng dẫn chăm sóc tại nhà	3 giờ
Kiểm tra	2 giờ

Bài 6: Điều trị da giãn mao mạch

Thời gian: 11 giờ (LT: 4 giờ; TH: 7 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
- + Trình bày được các biểu hiện da giãn mao mạch;
- + Trình bày được các nguyên nhân hình thành da giãn mao mạch;
- + Trình bày được các nguyên tắc điều trị da giãn mao mạch;
- + Trình bày được các hoạt chất điều trị da giãn mao mạch trong mỹ phẩm hiện nay
- Kỹ năng:
- + Xác định được các biểu hiện da giãn mao mạch;
- + Xác định được các nguyên nhân hình thành da giãn mao mạch;
- + Xác định được các nguyên tắc điều trị da giãn mao mạch;
- + Xác định được các hoạt chất điều trị da giãn mao mạch trong mỹ phẩm hiện nay
- + Điều trị được giãn mao mạch đúng phương pháp đạt yêu cầu
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị giãn mao mạch
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu;

+ Đảm bảo định mức thời gian và an toàn dịch tễ trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung bài

2.6.1. Biểu hiện 1,5 giờ

2.6.2. Nguyên nhân hình thành 4 giờ

2.6.3. Nguyên tắc điều trị 3 giờ

2.6.4. Hoạt chất điều trị giãn mao mạch trong mỹ phẩm hiện nay 2,5 giờ

Bài 7: Điều trị sẹo

Thời gian: 10 giờ (LT: 3 giờ; TH: 7 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các nguyên nhân hình thành sẹo;

+ Trình bày được các phương pháp điều trị sẹo;

- Kỹ năng:

+ Phân loại được các loại sẹo

+ Xác định được các nguyên nhân hình thành sẹo;

+ Xác định được các phương pháp điều trị sẹo

+ Điều trị được sẹo đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị sẹo

+ Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị sẹo

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu;

+ Đảm bảo định mức thời gian và an toàn dịch tễ trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung bài

2.7.1. Phân loại sẹo 3 giờ

2.6.2. Nguyên nhân hình thành sẹo 3 giờ

2.6.3. Phương pháp điều trị sẹo 4 giờ

Bài 8: Điều trị sẹo

Thời gian: 10 giờ (LT: 3 giờ; TH: 6 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các biểu hiện da bị kích ứng;

+ Trình bày được các nguyên nhân hình thành da bị kích ứng;

+ Trình bày được các phương pháp điều trị;

- Kỹ năng:
- + Xác định được các biểu hiện da bị kích ứng;
- + Xác định được các nguyên nhân hình thành bị kích ứng;
- + Xác định được các phương pháp điều trị;
- + Điều trị được da kích ứng đúng phương pháp đạt yêu cầu
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị da bị kích ứng
- + Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị da bị kích ứng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tác phong công nghiệp và có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu;
- + Đảm bảo định mức thời gian và an toàn dịch tễ trong quá trình luyện tập.

2. Nội dung bài

2.8.1. Biểu hiện da bị kích ứng	2,5 giờ
2.8.2. Nguyên nhân hình thành da bị kích ứng	2,5 giờ
2.8.3. Phương pháp điều trị	4 giờ
Kiểm tra	1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà thực hành: Phòng cơ sở, phòng thực hành chăm sóc da
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính; máy chiếu, phong chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Nguyên liệu: Mặt nạ, tẩy trang, sữa rửa mặt, kem massage, kem chống nắng, hoạt chất...
 - Dụng cụ:
 - + Bông gòn, giấy...
 - + Máy xông hơi
 - + Máy hút mụn, máy điện di
4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

 - Kiến thức:
 - + Trình bày được các bệnh da liễu trong nhân gian và nguyên nhân hình thành, phương pháp điều trị
 - + Trình bày được các biểu hiện của da bị nám, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

- + Trình bày được các biểu hiện của da bị mụn, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
- + Trình bày được các biểu hiện của da bị lão hóa, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
- + Trình bày được các biểu hiện của da bị giãn mao mạch, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
- + Trình bày được các biểu hiện của sẹo, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
- + Trình bày được các biểu hiện của da bị kích ứng, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
- Kỹ năng:
 - + Xác định được các bệnh da liễu trong nhân gian và nguyên nhân hình thành, phương pháp điều trị
 - + Xác định được các biểu hiện của da bị nám, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
 - + Điều trị được da nám đúng phương pháp đạt yêu cầu
 - + Xác định được các biểu hiện của da bị mụn, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
 - + Điều trị được da mụn đúng phương pháp đạt yêu cầu
 - + Xác định được các biểu hiện của da bị lão hóa, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
 - + Điều trị được da lão hóa đúng phương pháp đạt yêu cầu
 - + Xác định được các biểu hiện của da giãn mao mạch, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
 - + Điều trị được da giãn mao mạch đúng phương pháp đạt yêu cầu
 - + Xác định được các biểu hiện của da bị sẹo, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
 - + Điều trị được sẹo đúng phương pháp đạt yêu cầu
 - + Xác định được các biểu hiện của da bị kích ứng, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị
 - + Điều trị được da kích ứng đúng phương pháp đạt yêu cầu
- + Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị da
- + Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị da
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Rèn luyện tính nghiêm túc, tự giác trong học tập.
 - + Rèn luyện tư duy chính xác, cẩn thận, tác phong công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Thực hành, vấn đáp
- Kiểm tra định kỳ: Thực hành, tự luận
- Thi thóc mô-đun: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun chăm sóc da cơ bản sử dụng để giảng dạy trình độ Cao

đẳng ngành Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Giảng dạy lý thuyết cần có sản phẩm mẫu để sinh viên quan sát đặc điểm kiểu dáng sản phẩm;

+ Trong quá trình hướng dẫn thực hành, giảng viên thao tác mẫu cần chia nhóm để sinh viên quan sát.

- Đối với người học :

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và đồ dùng học tập.

+ Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu theo yêu cầu của giảng viên

+ Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà

+ Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp.

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô-đun;

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

+ Xác định được các bệnh da liễu trong nhân gian và nguyên nhân hình thành, phương pháp điều trị

+ Xác định được các biểu hiện của da bị nám, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da nám đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị mụn, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da mụn đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị lão hóa, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da lão hóa đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da giãn mao mạch, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da giãn mao mạch đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị sẹo, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được sẹo đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Xác định được các biểu hiện của da bị kích ứng, nguyên nhân và nguyên tắc điều trị

+ Điều trị được da kích ứng đúng phương pháp đạt yêu cầu

+ Sử dụng được các thiết bị dùng để chăm sóc, điều trị da

+ Lựa chọn được các hoạt chất phù hợp để điều trị da

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc da cơ bản - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội
- Giáo trình chăm sóc nâng cao - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội
- <https://medlatec.vn/tin-tuc/8-buoc-cham-soc-da-co-ban--khoi-dau-cho-mot-lan-da-sang-khoe-s107-n26519>

CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐUN

Tên mô-đun: Mackup cơ bản

Mã mô-đun: MĐ16

Thời gian thực hiện mô-đun: 60 giờ(lý thuyết: 25 giờ, thực hành 30 giờ, kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học

- Vị trí môn học: mô đun make up cơ bản được bố trí sau môn học mỹ phẩm và được phẩm trong chăm sóc mỹ phẩm da

- Tính chất của môn học: mô đun make up cơ bản là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát và lịch sử phát triển của make up;
- + Trình bày khái quát các hình dạng khuôn mặt;
- + Trình bày được các dụng cụ trang điểm cơ bản;
- + Trình bày được một số mỹ phẩm make up;
- +Trình bày được các bước trang điểm cơ bản;
- +Trình bày được phương pháp trang điểm mắt, lông mày, má, môi, má;
- + Nhận biết được một số khuyết điểm trên khuôn mặt.

- Kỹ năng

- + Phân tích được lịch sử phát triển của trang điểm;
- +Phân tích được các dạng khuôn mặt;
- + Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản;
- + Nhận biết được các loại mỹ phẩm để make up
- + Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má;.
- +Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ;
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát và lịch sử phát triển của makeup	2	2		
	1.1. Khái quát chung về make up		1		
	1.2. Lịch sử phát triển của make up		1		
2	Bài 2: Phân tích khuôn mặt	9	6	2	1
	2.1. Độ cân xứng của khuôn mặt		1		
	2.2. Kích thước của khuôn mặt lý tưởng		1		
	2.3. Phân tích hình dạng khuôn mặt		1	1	
	2.4. Bước nhận diện khuôn mặt		1	1	
3	Bài 3: Dụng cụ trang điểm	3	3		
	3.1. Dụng cụ trang điểm về mày		0,5		
	3.2. Dụng cụ trang điểm về má		0,5		
	3.3. Dụng cụ trang điểm về mắt		0,5		
	3.4. Dụng cụ trang điểm về môi		0,5		
	3.5. Cách bảo quản		1		
4	Bài 4. Mỹ phẩm trong trang điểm cơ bản	3	3	0	0
	4.1. Mỹ phẩm trang điểm về mày		0,5		
	4.2. Mỹ phẩm trang điểm về má		0,5		
	4.3. Mỹ phẩm trang điểm về mắt		0,5		
	4.4. Mỹ phẩm trang điểm về môi		0,5		

	4.5. Cách bảo quản		1		
5	Bài 5: Trang điểm cơ bản	40	18	38	4
	5.1. Các bước trang điểm cơ bản		0,5		
	5.2. Trang điểm khuôn mặt		3,5	7	
	5.3. Trang điểm lông mày		1	5	
	5.4. Trang điểm mắt		1	7	
	5.5. Trang điểm môi		1	5	
	5.6. Trang điểm má		1	4	4
	Cộng	60	25	30	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát và lịch sử phát triển của makeup

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

- Kiến thức

+ Trình bày được khái quát chung về make up;

+ Trình bày lịch sử phát triển của make up.

- Kỹ năng

+ Phân tích được khái quát chung về make up

+ Phân tích được lịch sử phát triển của make up

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.1.1 Khái quát chung về trang điểm

2.1.1.1. Định nghĩa

0,25 giờ

2.1.1.2. Mục đích

0,25 giờ

2.1.1.3. Phân loại	0,5 giờ
2.2.2. Lịch sử phát triển về trang điểm	
2.2.2.1 Make up hàn quốc	0,5 giờ
2.2.2.2. Make up phương tây	0,5 giờ

Bài 2: Phân tích khuôn mặt

12giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- + Trình bày được độ cân xứng của khuôn mặt
- + Trình bày được kích thước của khuôn mặt
- + Trình bày được các hình dạng của khuôn mặt

-Kỹ năng

- + Phân tích được độ cân xứng của khuôn mặt
- + Phân tích được kích thước của khuôn mặt
- + Phân được các hình dạng của khuôn mặt

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.2.1 Độ cân xứng của khuôn mặt	1 giờ
2.2.2. Kích thước của khuôn mặt	
2.2.2.1. Cân đối	0,5 giờ
2.2.2.2. Cân xứng	0,5 giờ
2.2.3.Phân tích dạng khuôn mặt	
2.2.3.1. Nhận diện khuôn mặt	1 giờ
2.2.3.2. Nhận diện theo hình dạng khuôn mặt	1 giờ

2.2.4. Bước nhận diện khuôn mặt

2

Kiểm tra

1 giờ

Bài 3: Dụng cụ make up

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+ Trình bày được các dụng cụ trang điểm

+ Trình bày được cách bảo quản dụng cụ trang điểm

-Kỹ năng

+ Phân tích được tác dụng của dụng cụ trang điểm

+ Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.3.1 .Dụng cụ makeup

2.3.1.1. Dụng cụ make up mày

0,5 giờ

2.3.1.2. Dụng cụ make up mắt

0,5 giờ

2.3.1.3. Dụng cụ make up môi

0,5 giờ

2.3.1.4. Dụng cụ make up má

0,5 giờ

2.3.2. Cách bảo quản

1 giờ

Bài 4: Mỹ phẩm make up

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu bài học

- Kiến thức

+ Trình bày được các mỹ phẩm trong make up mày, má, mắt, môi

+ Trình bày được cách bảo quản mỹ phẩm

-Kỹ năng

+ Phân tích được tác dụng của dụng cụ trang điểm

+ Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.4.1 .Mỹ phẩm makeup

2.4.1.1. Mỹ phẩm make up mày 0,5 giờ

2.4.1.2. Mỹ phẩm make up mắt 0,5 giờ

2.4.1.3. Mỹ phẩm make up môi 0,5 giờ

2.4.1.4. Mỹ phẩm make up má 0,5 giờ

2.4.2. Cách bảo quản 1 giờ

Bài 5 : Make up cơ bản

Thời gian: 55 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+ Trình bày được các bước trang điểm

+ Trình bày được cách trang điểm khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má.

-Kỹ năng

+ Phân tích được từng bước trang điểm

+ Phân tích được trình tự trang điểm

+ Phân tích được cách điểm điểm khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.5.1 .Các bước trang điểm cơ bản	0,5 giờ
2.5.2. Trang điểm khuôn mặt	11,5 giờ
2.5.2.1 . Mục đích	0,25 giờ
2.5.2.2. Dụng cụ và mỹ phẩm	0,25 giờ
2.5.2.3. Phương pháp make up	
2.5.2.3.1. Mặt tròn	2 giờ
2.5.2.3.2. Mặt dài	2 giờ
2.5.2.3.3. Mặt vuông	2 giờ
2.5.2.3.4. Mặt trái tim	2 giờ
2.5.2.3.5. Mặt tam giác	2 giờ
2.5.2.3.5. Mặt quả lê	1 giờ
2.5.3. Trang điểm lông mày	6 giờ
2.5.3.1 . Mục đích	0,25 giờ
2.5.3.2. Dụng cụ và mỹ phẩm	0,25 giờ
2.5.3.3. Phương pháp make up	
2.5.3.3.1 P hương pháp sửa lông mày	3,5giờ
2.5.3.3.2. Phương pháp vẽ lông mày	2 giờ
2.5.4.Trang điểm mắt	8 giờ
2.5.4.1. mục đích	0,25 giờ
2.5.4.2. Dụng cụ và mỹ phẩm	0,25 giờ
2.5.4.3. Phương pháp make up	
2.5.4.3.1. Mắt nhung 1 lớp màu	3 giờ
2.5.4.3.2. Mắt nhung 3 lớp màu	2 giờ

2.5.4.3.2. Mắt nhân đuôi	2,5 giờ
2.5.5. Trang điểm môi	6 giờ
2.5.5.1. mục đích	0,25 giờ
2.5.5.2. Dụng cụ và mỹ phẩm	0,25 giờ
2.5.5.3. Phương pháp	
2.5.5.3.1 Môi dày	2 giờ
2.5.5.3.2. Môi mỏng	1,5 giờ
2.5.5.3.3. Môi nhô ra ngoài	1 giờ
2.5.5.3.4. Môi có đuôi sệ	1 giờ
2.5.6. Trang điểm má	5 giờ
2.5.6.1. mục đích	0,25 giờ
2.5.6 .2. Dụng cụ và mỹ phẩm	0,25 giờ
2.5.6.3. Phương pháp	
2.5.6.3.1 Mặt tròn	1 giờ
2.5.6.3.2. Mặt dài	1 giờ
2.5.6.3.3. Mặt vuông	1 giờ
2.5.6.3.4. Mặt tam giác	1 giờ
2.5.6.3.5 Mặt thoi	0,5 giờ
Kiểm tra	4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, có đầy đủ trang thiết bị, đảm bảo về ánh sáng, độ ồn và thông thoáng đảm bảo an toàn về phòng cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu
- Phong chiếu;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;
- Dụng cụ: Mút trang điểm, bông phấn, cọ trang điểm, kéo cắt tĩa lông mày, dao cạo lông mày, kẹp mi, Bông gòn; dụng cụ bấm mi, gương soi....
- Nguyên liệu: Phấn mắt, phấn phủ, phấn tạo khối, son, mi giả, kích mí...

4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát và lịch sử phát triển của make up;
- + Trình bày khái quát các hình dạng khuôn mặt;
- + Trình bày được các dụng cụ trang điểm cơ bản;
- + Trình bày được một số mỹ phẩm make up;
- +Trình bày được các bước trang điểm cơ bản;
- +Trình bày được phương pháp trang điểm mắt, lông mày, mắt, môi, má;
- + Nhận biết được một số khuyết điểm trên khuôn mặt.

- Kỹ năng

- + Phân tích được lịch sử phát triển của trang điểm;
- +Phân tích được các dạng khuôn mặt;
- + Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản;
- + Nhận biết được các loại mỹ phẩm để make up
- + Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má;.
- +Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành
- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành .

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun Makeup cơ bản sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp .

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho sinh viên

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô-đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng cần chú ý:

+ Sử dụng thành thạo các đồ dụng, dụng cụ trong trang điểm ;

+ Makeup được các bộ phận trên khuôn mặt

+ Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình make up cơ bản- Trường cao đẳng công nghệ cao hà nội

- <https://hoctrangdiem.org/cac-buoc-trang-diem-co-ban-tu-nhien.html>

-<https://dep365.com/my-pham-trang-diem-co-ban-cho-nguoi-moi/>

CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐUN

Tên mô- đun: Make up nâng cao

Mã mô- đun: MĐ17

Thời gian thực hiện mô -đun: 90 giờ(lý thuyết: 25 giờ, Lý Thuyết 60 giờ ,kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học

- Vị trí môn học: mô- đun make up nâng cao là môn đun chuyên môn được bố trí ngay sau khi học xong mô- đun make up cơ bản

- Tính chất của môn học: mô- đun make up nâng cao là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kiến thức:

+ Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Trình bày được yêu cầu kỹ thuật

+ Trình bày được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Hoàn chỉnh kỹ năng phối màu trang điểm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Trình bày được cách sử dụng dụng cụ, các loại mỹ phẩm

- Kỹ năng

+ Thực hành trang điểm được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu một cách chuyên nghiệp

+ Phân tích được yêu cầu kỹ thuật

+ Nhận biết được các dụng cụ trang điểm

+ Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má.

+ Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

+ Nuôi dưỡng sự đam mê sáng tạo trong nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ thuật trang điểm công sở	19	6	13	1
	1.1.Điều kiện khi trang điểm công sở		1		
	1.1.1. Dụng cụ		0,5		
	1.1.2. Mỹ phẩm		0,5		
	1.2. Kỹ thuật trang điểm công sở		4		
	1.2.1.Yêu cầu kỹ thuật		1		
	1.2.2. Các bước thực hiện		3	13	1
2	Bài 2: Kỹ thuật trang điểm dự tiệc	22	5	16	1
	2.1.Điều kiện khi trang điểm dự tiệc		1		
	2.1.1.Dụng cụ		0,5		
	2.1.2.Mỹ phẩm		0,5		
	2.2.Kỹ thuật trang điểm dự tiệc		5		
	2.2.1. Yêu cầu kỹ thuật		1		
	2.2.2. Các bước thực hiện		3	16	1
3	Bài 3: Kỹ thuật trang điểm tự nhiên	19	5	13	1
	3.1. Điều kiện khi trang điểm tự nhiên		1		
	3.1.1. Dụng cụ		0,5		

	3.1.2. Mỹ phẩm		0,5		
	3.2. Kỹ thuật trang điểm tự nhiên		4		
	3.2.1. Yêu cầu kỹ thuật		1		
	3.2.2. Các bước thực hiện		3	13	1
4	Bài 4: Trang điểm cô dâu	28	10	18	2
	4.1. Điều kiện khi trang điểm cô dâu		2		
	4.1.1 Dụng cụ		1		
	4.1.2. Mỹ phẩm		1		
	4.2. Kỹ thuật trang điểm cô dâu		6		
	4.2.1. Yêu cầu kỹ thuật		2		
	4.2.2. Các bước thực hiện		6	18	2
	Cộng	90	25	60	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Kỹ thuật trang điểm công sở

Thời gian: 19 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- +Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm công sở
- + Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm công sở
- + Trình được các kỹ thuật trang điểm công sở
- + Trình bày được các bước trong trang điểm công sở

-Kỹ năng

- + Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm công sở
- + Thực hành thành thạo việc trang điểm công sở đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu
- + Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.1.1. Điều kiện khi trang điểm công sở

2.1.1.1 Dụng cụ 0,5 giờ

2.1.1.2. Mỹ Phẩm 0,5 giờ

2.1.2. Kỹ thuật trang điểm công sở

2.1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật 1 giờ

2.1.2.2. Các bước thực hiện

2.1.2.2.1 Vệ sinh da 1 giờ

2.1.2.2.2. Tạo nền 4 giờ

2.1.2.2.3 Vẽ chân mày 4 giờ

2.1.2.2.4. Vẽ mắt, kẻ mắt nước 4 giờ

2.1.2.2.5. Bấm mi, trải mascara 1 giờ

2.1.2.2.6. Tạo má hồng 2 giờ

Kiểm tra 1 giờ

Bài 2: Kỹ thuật trang điểm dự tiệc Thời gian: 22 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm dự tiệc

+ Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm dự tiệc

+ Trình được các kỹ thuật trang điểm dự tiệc

+ Trình bày được các bước trong trang điểm dự tiệc

-Kỹ năng

+ Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm dự tiệc

- + Thực hành thành thạo việc trang điểm dự tiệc đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu
- + Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.2.1. Điều kiện khi trang điểm dự tiệc

2.2.1.1. Dụng cụ 0,5 giờ

2.2.1.2. Mỹ Phẩm 0,5 giờ

2.2.2. Kỹ thuật trang điểm dự tiệc

2.2.2.1. Yêu cầu kỹ thuật 1 giờ

2.2.2.2. Các bước thực hiện

2.2.2.2.1 Vệ sinh da 1 giờ

2.2.2.2.2. Tạo nền 4 giờ

2.2.2.2.3 Vẽ chân mày 4 giờ

2.2.2.2.4. Vẽ mắt, kẻ mắt nước 4 giờ

2.2.2.2.5. Bấm mi, trái mascara 1 giờ

2.2.2.2.6. Tạo má hồng 2 giờ

2.2.2.2.7. Tô son 2 giờ

2.2.2.2.8. Phủ phấn phản quang 1 giờ

Kiểm tra 1 giờ

Bài 3: Kỹ thuật trang điểm tự nhiên

Thời gian: 19 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- +Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm tự nhiên
- + Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm tự nhiên
- + Trình được các kỹ thuật trang điểm tự nhiên
- + Trình bày được các bước trong trang điểm tự nhiên

Kỹ năng

- + Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm tự nhiên
- + Thực hành thành thạo việc trang điểm tự nhiên đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu
- + Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.3.1. Điều kiện khi trang điểm dự tiệc

2.3.1.1. Dụng cụ 0,5 giờ

2.3.1.2. Mỹ Phẩm 0,5 giờ

2.3.2. Kỹ thuật trang điểm dự tiệc

2.3.2.1. Yêu cầu kỹ thuật 1 giờ

2.3.2.2. Các bước thực hiện

2.3.2.2.1. vệ sinh da 1 giờ

2.3.2.2.2. Tạo nền 3 giờ

2.3.2.2.3. Vẽ chân mày 3 giờ

2.3.2.2.4. Vẽ mắt 3 giờ

2.3.2.2.5. bả mi, dán mi giả, trái mascara 2giờ

2.3.2.2.6. Tạo má hồng 2 giờ

2.3.2.2.7. Tô son môi	2 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 4: Kỹ thuật trang điểm cô dâu Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- +Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm cô dâu
- + Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm dâu
- + Trình được các kỹ thuật trang điểm cô dâu
- + Trình bày được các bước trong trang điểm cô dâu

Kỹ năng

- + Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm cô dâu
- + Thực hành thành thạo việc trang điểm cô dâu đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu
- + Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.4.1. Điều kiện khi trang điểm dự tiệc

2.4.1.1. Dụng cụ 1 giờ

2.4.1.2. Mỹ Phẩm 1 giờ

2.4.2. Kỹ thuật trang điểm dự tiệc

2.4.2.1. Yêu cầu kỹ thuật 2 giờ

2.4.2.2. Các bước thực hiện

2.4.4.1. vệ sinh da	2 giờ
2.4.4.2. Tạo nền	4 giờ
2.4.4.3. Vẽ chân mày	4 giờ
2.4.4.4. Vẽ mắt	4 giờ
2.4.4.5. bấm mi, dán mi giả, trải mascara	2 giờ
2.4.4.6. Tạo má hồng	4 giờ
2.4.4.7. Tô son môi	3 giờ
2.4.4.8. Phủ phấn	3 giờ
Kiểm tra	2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, kế có đầy đủ trang thiết bị, đảm bảo về ánh sáng, độ ồn và thông thoáng đảm bảo an toàn về phòng cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu
- Phong chiếu;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Dụng cụ: Mút trang điểm, bông phấn, cọ trang điểm, kéo cắt tỉa lông mày, dao cạo lông mày, kẹp mi, lông mi giả, Bông gòn; dụng cụ bấm mi, gương soi,
- Nguyên liệu: Phấn mắt, phấn phủ, phấn tạo khối, son, mi giả., kích mí....

4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.
 - + Trình bày được yêu cầu kỹ thuật

- + Trình bày được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.
- + Hoàn chỉnh kỹ năng phối màu trang điểm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.
- + Trình bày được cách sử dụng dụng cụ, các loại mỹ phẩm
- Kỹ năng
- + Thực hành trang điểm được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu một cách chuyên nghiệp
- + Phân tích được yêu cầu kỹ thuật
- + Nhận biết được các dụng cụ trang điểm
- + Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má.
- + Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập
- + Nuôi dưỡng sự đam mê sáng tạo trong nghề nghiệp

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành
- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun Make up nâng cao sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho học sinh.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng cần chú ý:

+ Sử dụng thành thạo các đồ dụng, dụng cụ trong trang điểm ;

+ Thực hiện các bài tập được giao

+ Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình make up cơ bản- Trường cao đẳng công nghệ cao hà nội

- Giáo trình kỹ thuật trang điểm nâng cao- Trường cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn

- **Tài liệu bộ môn trang điểm –Nhà Văn Hóa PhụNữ TPHCM**

- <https://hoctrangdiem.org/cac-buoc-trang-diem-co-ban-tu-nhien.html>

-<https://dep365.com/my-pham-trang-diem-co-ban-cho-nguoi-moi/>

- Tài liệu bộ môn trang điểm –Nhà Văn Hóa PhụNữ TPHCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐUN

Tên mô-đun : Kỹ thuật vẽ móng cơ bản

Mã mô-đun : MĐ18

Thời gian thực hiện mô-đun: 45 giờ(lý thuyết: 20 giờ, thực hành 23 giờ, Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học

- Vị trí môn học: Mô -đun Kỹ thuật móng được bố trí học sau môn mỹ thuật

- Tính chất của môn học: Mô -đun Kỹ thuật móng cơ bản là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔ- ĐUN

- Kiến thức:

+ Trình bày được dụng cụ, trang thiết bị vẽ móng cơ bản

+ Trình bày được thành phần cấu trúc của móng

+Trình bày được các bệnh bề móng

+Trình bày được trình tự làm móng

+Trình bày được cách tạo hình dáng móng

+Trình bày được quy trình sơn móng

- Kỹ năng

- Nhận biết và sử dụng thành thạo được dụng cụ, trang thiết bị vẽ móng

+ Phân tích được Phương pháp chăm sóc móng tay trước và sau khi làm móng.

+ Thực hiện được thành thạo kỹ năng chỉnh sửa, tạo hình dáng cho móng

+ Thực hiện được quy trình sơn móng

+Biết cách thiết kế mẫu móng

+ Nhận biết được hình dạng móng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Đảm bảo an toàn vệ sinh thẩm mỹ

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Giới thiệu dụng cụ, trang thiết bị làm móng	4	4	0	0
	1.1. Giới thiệu chung		0.5		
	1.2. Sử dụng trang thiết bị, dụng cụ làm móng		3		
	1.3. Cách vệ sinh và bảo quản thiết bị dụng cụ làm móng		0.5		
2	Bài 2: Thành phần, cấu trúc của móng	2	2	0	0
	2.1. Thành phần		1		
	2.2. Cấu trúc		1		
3	Bài 3: Các bệnh về móng	2	2	0	0
	3.1. Chăm sóc da tay da chân trước khi làm móng		1		
	3.2. Các bệnh về móng		1		
4	Bài 4. Trình tự làm móng	9	2	6	1
	4.1 Trình tự làm móng tay		1	3	
	4.2. Trình tự làm móng chân		1	3	1
5	Bài 5. Tạo hình móng	12	4	8	0
	5.1. Hình móng bầu		1	2	
	5.1. Hình móng vuông		1	2	
	5.3. Hình móng tròn		1	2	
	5.4. Hình móng nhọn		1	2	
6	Bài 6. Kỹ thuật sơn móng	16	6	9	1
	6.1. Kỹ thuật sơn đầy móng		2	3	

	6.2. Kỹ thuật sơn loang móng(kỹ thuật sơn màu omber		2	3	
	6.3. Kỹ thuật phen đầu móng		2	3	1
	Tổng	45	20	23	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: giới thiệu dụng cụ trang thiết bị làm móng

Thời gian:4 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+ Giới thiệu, tìm hiểu về móng

+ Trình bày được các dụng cụ, trang thiết bị đồ nghề vẽ móng

+ Trình bày cách sử dụng các dụng cụ trang thiết bị về móng cơ bản

+Trình bày được cách vệ sinh và bảo quản trang thiết bị dụng cụ làm móng

-Kỹ năng

+ Sử dụng thành thạo trang thiết bị đồ dùng, dụng cụ vẽ móng

+ Nhận dạng được trang thiết bị , dụng cụ về làm móng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

+ Học tập nâng cao trình độ, sáng tạo trong học tập

2. Nội dung bài học

2.1.1.Giới thiệu chung

0,5 giờ

2.1.2.S ử dụng trang thiết bị, dụng cụ làm móng

2.1.2.1.Đồ trang thiết bị

1 giờ

2.1.2.2. Vật dụng

0,5 giờ

2.1.2.3. Vật liệu

0,5 giờ

2.1.2.4.Mỹ phẩm làm móng

1 giờ

2.1.3 Cách vệ sinh và bảo quản thiết bị dụng cụ làm móng

0,5 giờ

Bài 2: Thành phần cấu trúc của móng

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+ Trình bày được thành phần của móng

+ Trình bày được cấu trúc của móng

-Kỹ năng

+ Phân tích được thành phần của móng

+ Phân tích được cấu trúc của móng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

+ Học tập nâng cao trình độ, sáng tạo trong học tập

2 Nội dung bài học

2.2.1.Thành phần

2.2.1.1.Thân móng

0,5 giờ

2.2.1.2.Góc móng

0,25 giờ

2.2.1.3.Đầu móng

0,25 giờ

2.2.2.Cấu trúc

1 giờ

Bài 3: Các bệnh về móng

Thời gian:2 giờ

Mục tiêu bài học

Kiến thức

- + Trình bày được cách chăm sóc móng trước và sau hi làm móng
- + Trình bày được các bệnh về móng

Kỹ năng

- + Phân tích được quy trình chăm sóc móng
- + Phân tích được các bệnh về móng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập
- + Học tập nâng cao trình độ, sáng tạo trong học tập

2 Nội dung bài học

2.3.1.Chăm sóc móng 1 giờ

2.3.2. Các bệnh về móng

2.3.2.1. Các bệnh móng có thể làm được móng 0,5giờ

2.3.2.2. Các bệnh móng không làm được móng 0,5giờ

Bài 4: Trình tự làm móng

Thời gian:9giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- + Trình bày được trình tự làm móng tay, chân

-Kỹ năng

- + Thực hiện thành thạo kỹ năng chỉnh sửa, cắt da chết, cắt khóe của móng tay, chân
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. nội dung bài học

2.4.1. Trình tự làm móng tay

2.4.1.1. Phương pháp

1 giờ

2.4.1.2. trình tự thực hiện

3 giờ

2.4.2. Trình tự làm móng chân

2.4.2.1. Phương pháp

1 giờ

2.4.2.2. trình tự thực hiện

3 giờ

Bài 5 : Tạo hình móng

Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu bài học

- Kiến thức

+ Trình bày được quá trình chỉnh sửa, tạo hình cho các loại móng bầu, vuông, tròn, nhọn

- Kỹ năng

+ Thực hiện được tạo hình cho các loại móng bầu, vuông, tròn, nhọn

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.5.1. Hình móng bầu

3 giờ

2.5.1.1. Đặc điểm hình dáng

0,25 giờ

2.5.1.2. Cách làm

2,5 giờ

2.5.2. Hình móng vuông

3 giờ

2.5.2.1. Đặc điểm hình dáng

0,25 giờ

2.5.2.2. Cách làm

2,5 giờ

2.5.3. Hình móng tròn

3 giờ

2.5.3.1. Đặc điểm hình dáng	0,25 giờ
2.5.3.2. Cách làm	2,5 giờ
2.5.4. Hình móng nhọn	3 giờ
2.5.4.1. Đặc điểm hình dáng	0,25 giờ
2.5.4.2. Cách làm	2,5 giờ

Bài 6: Kỹ thuật sơn móng Thời gian: 16 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+ Trình bày được các bước thực hiện kỹ thuật sơn móng

-Kỹ năng

+ Thực hiện thành thạo kỹ thuật sơn móng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.6.1. Kỹ thuật sơn đầy móng

2.6.1.1. Chuẩn bị 0,25 giờ

2.6.1.2. Các bước thực hiện 4,75 giờ

2.6.2. Kỹ thuật sơn loang móng(kỹ thuật sơn màu ombre

2.6.1.1. Chuẩn bị 0,25 giờ

2.6.1.2. Các bước thực hiện 4,75 giờ

2.6.3. Kỹ thuật phen đầu móng

2.6.1.1. Chuẩn bị 0,25 giờ

2.6.1.2. Các bước thực hiện 4,75 giờ

Kiểm tra 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, kể có đầy đủ trang thiết bị, đảm bảo về ánh sáng, độ ồn và thông thoáng đảm bảo an toàn về phòng cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu
- Phong chiếu;
- Máy mài
- Máy hơi đèn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;
- Dụng cụ: dũa, phào, móng giả, kìm cắt móng, cọ nét, cọ bản, kìm nhặt da, kéo nhặt da, bát ngâm tay, sơn gell, đá, các đồ dùng trang trí
- Nguyên vật liệu: gell, kem làm mềm da tay, giấy lau gell.

4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được dụng cụ, trang thiết bị vẽ móng cơ bản
 - + Trình bày được thành phần cấu trúc của móng
 - + Trình bày được các bệnh bề móng
 - + Trình bày được trình tự làm móng
 - + Trình bày được cách tạo hình dáng móng
 - + Trình bày được quy trình sơn móng
- Kỹ năng
 - + Nhận biết và sử dụng thành thạo được dụng cụ, trang thiết bị vẽ móng
 - + Phân tích được Phương pháp chăm sóc móng tay trước và sau khi làm móng.
 - + Thực hiện được thành thạo kỹ năng chỉnh sửa, tạo hình dáng cho móng
 - + Thực hiện được quy trình sơn móng
 - + Biết cách thiết kế mẫu móng
 - + Nhận biết được hình dạng móng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc tự giác trong học
 - + Đảm bảo an toàn vệ sinh thẩm mỹ
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành
- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành .

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun kỹ thuật vẽ móng cơ bản sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho sinh viên.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô-đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng cần chú ý:

+ Sử dụng thành thạo các đồ dụng, dụng cụ trong làm móng ;

+ Biết được trình tự làm móng cơ bản

+Tạo được các hình dạng móng

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình kỹ thuật vẽ móng cơ bản- Trường cao đẳng công nghệ cao hà nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐUN

Tên mô - đun: Kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật

Mã mô - đun: MĐ19

Thời gian thực hiện mô - đun: 90 giờ (lý thuyết: 25, Lý Thuyết 60, kiểm tra 5)

I. Vị trí tính chất của môn học

- Vị trí môn học: Mô - đun Kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật được bố trí ngay sau mô- đun kỹ thuật móng cơ bản

- Tính chất của môn học: Mô - đun Kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kiến thức:

+Trình bày được đặc điểm vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột

+Trình bày được yêu cầu kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột

+Trình bày được cách thực hiện kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột

+ Trình bày được dụng cụ, trang thiết bị khi làm móng gell và đắp bột

+Trình bày quy trình đắp móng gell và móng bột

- Kỹ năng

+Phân tích được đặc điểm vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột

+Phân tích được yêu cầu kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột

+Phân tích được cách thực hiện kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột

+ Nhận biết và sử dụng thành thạo được dụng cụ, trang thiết bị vẽ móng nghệ thuật

+Biết cách thiết kế mẫu móng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Đảm bảo an toàn vệ sinh thẩm mỹ

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ thuật vẽ họa tiết bằng cọ	24	5	18	1
	1.1. Đặc điểm		0,5		
	1.2. Các loại cọ		1	3	
	1.2. Yêu cầu kỹ thuật		0,5		
	1.3. Thiết kế mẫu		3	15	1
	Bài 2. Kỹ thuật vẽ hoạt hình	18	5	12	1
	2.1. Đặc điểm		0,5		
	2.2. Yêu cầu kỹ thuật		0,5		
	2.3. Thiết kế mẫu		4	12	1
2	Bài 3: Kỹ thuật đắp gell	18	5	12	1
	3.1. Đặc điểm		0,5		
	3.2. Yêu cầu kỹ thuật		0,5		
	3.3. Cách thực hiện		4	12	
	Bài 4: Kỹ thuật đắp bột	30	10	18	2
	4.1. Đặc điểm		1		
	4.2. Yêu cầu kỹ thuật		1		
	4.3. Cách thực hiện		8	18	
	Cộng	90	25	60	5

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Kỹ thuật vẽ họa tiết bằng cọ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- + Trình bày được đặc của họa tiết hoa
- +Trình bày được đặc điểm của các loại cọ
- + Trình bày được yêu cầu kỹ thuật khi vẽ họa tiết hoa bằng cọ
- + Trình bày cách thiết kế mẫu họa tiết hoa

-Kỹ năng

- + Thực hiện thao tác sử dụng cọ chuyên nghiệp
- +Thao tác, kỹ thuật vẽ họa tiết lên móng hoàn hảo, nghệ thuật cao

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập
- +Phát huy tối đa tinh thần sáng tạo nghệ thuật

2. nội dung bài học

2.1.1. Đặc điểm 0,5 giờ

2.1.2..Các loại cọ 4 giờ

2.1.3. yêu cầu kỹ thuật 0,5giờ

2.1.4. Thiết kế mẫu 4 giờ

Thực hành vẽ họa tiết hoa lên móng 15 giờ

Kiểm tra 1 giờ

Bài 2:Kỹ thuật vẽ hoạt hình

Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- + Trình bày đặc điểm của nhân vật hoạt hình
- + Trình bày được yêu cầu kỹ thuật khi thực hiện vẽ nhân vật hoạt hình
- + Trình bày được các bước vẽ nhân vật hoạt hình

-Kỹ năng

- + Thực hiện thao tác sử dụng cọ chuyên nghiệp
- +Thao tác, kỹ thuật vẽ hoạt hình nền móng hấp dẫn có hồn, chuyên tải được tính cách của nhân vật
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập
- +Phát huy tối đa tinh thần sáng tạo nghệ thuật

2. Nội dung bài học

2.2.1. Đặc điểm	0,5 giờ
2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật	0,5 giờ
2.2.3. Thiết kế mẫu	4 giờ
2.2.4. Thực hành	12 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 3: Kỹ thuật đắp gell

Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu bài học

Kiến thức

- + Trình bày được khái niệm về đắp gell
- + Trình bày được đặc điểm về đắp gell
- + Nhận biết được một số lỗi khi làm móng gell
- + Trình bày được kỹ thuật đắp gell

Kỹ năng

- + Phân tích được đặc điểm của đắp gell
- + Thực hiện được các bước đắp móng gell
- + Đắp được hoa bột ản trong móng gell
- + Tạo được phom móng gel

+ Thiết kế được mẫu móng sử dụng kỹ thuật gell

+Thao tác kỹ thuật sử dụng gel vẽ thành thạo.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.3.1.Đặc điểm 0,5 giờ

2.3.2. Yêu cầu kỹ thuật 1,5 giờ

2.3.3. Cách thực hiện 4 giờ

Thực hành 12 giờ

Kiểm tra 1 giờ

Bài 4: Kỹ thuật đắp bột

Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu bài học

Kiến thức

+ Trình bày được khái niệm về đắp bột

+ Trình bày được đặc điểm về đắp bột

+ Nhận biết được một số lỗi khi làm móng bột

+ Trình bày được kỹ thuật đắp bột

Kỹ năng

+ Phân tích được đặc điểm của đắp bột

+ Thực hiện được các bước đắp móng bột

+ Đắp được hoa bột ẩn trong móng bột

+ Tạo được phom móng gel

+ Thiết kế được mẫu móng sử dụng kỹ thuật bột

+Thao tác kỹ thuật sử dụng bột vẽ thành thạo.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.4.1. Đặc điểm	<i>1 giờ</i>
2.4.2. Yêu cầu kỹ thuật	<i>1 giờ</i>
2.4.3. Cách thực hiện	<i>8 giờ</i>
Thực hành	<i>17 giờ</i>
Kiểm tra	<i>2 giờ</i>

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, kể có đầy đủ trang thiết bị, đảm bảo về ánh sáng, độ ồn và thông thoáng đảm bảo an toàn về phòng cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Phong chiếu;
- Máy mài
- Máy hơi đèn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;
- Dụng cụ: dũa, phào, móng giả, kìm cắt móng, cọ nét, cọ bản, kìm nhặt da, kéo nhặt da, bát ngâm tay, sơn gell, các đồ dùng trang trí
- Nguyên vật liệu: bột đắp móng, gell đắp móng, kem làm mềm da tay, giấy lau gell.

4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột

- +Trình bày được yêu cầu kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột
- +Trình bày được cách thực hiện kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột
- + Trình bày được dụng cụ, trang thiết bị khi làm móng gell và đắp bột
- +Trình bày quy trình đắp móng gell và móng bột

- Kỹ năng

- +Phân tích được đặc điểm vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột
- +Phân tích được yêu cầu kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột
- +Phân tích được cách thực hiện kỹ thuật vẽ họa tiết hoa bằng cọ, vẽ hoạt hình, đắp gell, đắp bột
- + Nhận biết và sử dụng thành thạo được dụng cụ, trang thiết bị vẽ móng nghệ thuật
- +Biết cách thiết kế mẫu móng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Đảm bảo an toàn vệ sinh thẩm mỹ
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành
- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành .

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun kỹ thuật vẽ nghệ thuật sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:
- + Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho học sinh.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng cần chú ý:

+ Sử dụng thành thạo các đồ dụng, dụng cụ trong làm móng ;

+ Thành thạo kỹ thuật đắp gell và đắp bột

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình kỹ thuật vẽ móng nâng cao- Trường cao đẳng công nghệ cao hà nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên mô-đun: Massage body

Mã mô-đun: MĐ20

Thời gian thực hiện mô-đun: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ. Thực hành: 57 giờ. Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- Vị trí: Mô-đun được bố trí sau khi học xong môn học giải phẫu sinh lý người
- Tính chất: Mô-đun thuộc môn cơ sở cho sinh viên ngành chăm sóc sắc đẹp.

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức:

- + Trình bày được mục đích và hiệu quả của việc chăm sóc da toàn thân;
- + Trình bày được những nội dung cần chú ý trước khi chăm sóc da toàn thân;
- + Trình bày được các kỹ thuật và phương pháp chăm sóc toàn thân và cách ử dụng các thiết bị chăm sóc toàn thân.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được mục đích và hiệu quả của việc chăm sóc da toàn thân;
- + Phân tích được những nội dung cần chú ý trước khi chăm sóc da toàn thân;
- + Phân tích được các kỹ thuật và phương pháp chăm sóc toàn thân và cách sử dụng các thiết bị chăm sóc toàn thân.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

III. NỘI DUNG MÔ-ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Số TT	Tên các chương trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Bài 1: Khái niệm cơ bản về chăm sóc da toàn thân	10	7	2	1
	1.1. Khái niệm, mục đích và hiệu quả của chăm sóc da toàn thân.		4	1	
	1.2. Nội dung cần chú ý trước khi		3	1	1

	chăm sóc da toàn thân				
	Bài 2: Chăm sóc toàn thân	25	8	16	1
	2.1. Các loại hình massage		2	8	
	2.2. Chăm sóc sử dụng thiết bị làm đẹp		2	3	
	2.3. Mát xa kinh lạc		2	3	
	2.4. Thủy liệu pháp		2	2	1
	Bài 3: Thực hành Massage body	55	15	39	1
	3.1. Chuẩn bị massage body		2	2	
	3.2. Massage chân		3	7	
	3.3. Massage lưng		3	7	
	3.4. Massage vai và cổ		3	7	
	3.5. Massage tay và cánh tay		2	8	
	3.6. Massage đầu		2	8	1
	Cộng	90	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái niệm cơ bản về chăm sóc da toàn thân.

Thời gian: 10 giờ (LT: 7 giờ; TH: 2 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được mục đích và hiệu quả của việc chăm sóc da toàn thân;
- + Trình bày được những nội dung cần chú ý trước khi chăm sóc da toàn thân;

- Kỹ năng:

- + Phân tích được mục đích và hiệu quả của việc chăm sóc da toàn thân;
- + Phân tích được những nội dung cần chú ý trước khi chăm sóc da toàn thân;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1.1.. Mục đích và hiệu quả của chăm sóc da toàn thân.

2.1.1.1. Mục đích chăm sóc da toàn thân

2 giờ

2.1.1.2. Hiệu quả mát xa toàn thân.

3 giờ

2.1.2 Nội dung cần chú ý trước khi chăm sóc da toàn thân	
2.1.2.1. Trường hợp có bệnh về da, cơ xương.	0,5 giờ
2.1.2.2. Trường hợp da bị nhiễm khuẩn.	0,5 giờ
2.1.2.3. Trường hợp xuất hiện triệu chứng đau do gãy xương.	0,5 giờ
2.1.2.4. Trường hợp có u xương.	0,5 giờ
2.1.2.5. Trường hợp bị viêm khớp nghiêm trọng.	0,5 giờ
2.1.2.6. Trường hợp cơ và gân bị vỡ.	0,5 giờ
2.1.2.7. Trường hợp trạng thái sức khỏe không tốt.	0,5 giờ
2.1.2.8. Tránh mát xa vùng bụng, ngực khi mang thai thời kỳ đầu và cuối	0,25 giờ
2.1.2.9. Trường hợp mắc các bệnh về da hoặc da vừa chịu kích thích do tẩy lông hoặc tắm nắng.	0,25 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 2: Chăm sóc toàn thân

Thời gian: 25 giờ (LT: 8 giờ; TH: 16 giờ; KT: 1 giờ)

- Kiến thức: Trình bày được các kỹ thuật và phương pháp chăm sóc toàn thân và cách sử dụng các thiết bị chăm sóc toàn thân.
- Kỹ năng: Phân tích được các kỹ thuật và phương pháp chăm sóc toàn thân và cách sử dụng các thiết bị chăm sóc toàn thân.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.2.1. Các loại hình massage	10 giờ
2.2.2. Chăm sóc sử dụng thiết bị làm đẹp	5 giờ
2.2.3. Mát xa kinh lạc	5 giờ
2.2.4. Thủy liệu pháp	4 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 3: Thực hành Massage body

Thời gian: 55 giờ (LT: 15 giờ; TH: 39 giờ; KT: 1 giờ)

- Kiến thức: Trình bày được các kỹ thuật Massage tay, bụng, thân trước, phía sau chân, mặt chân trước, lưng.
 - Kỹ năng: Phân tích được các kỹ thuật Massage tay, bụng, thân trước, phía sau chân, mặt chân trước, lưng.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.
2. Nội dung bài:

2.3.1. Chuẩn bị massage body	4 giờ
2.3.2. Massage chân	10 giờ
2.3.3. Massage lưng	10 giờ
2.3.4. Massage vai và cổ	10 giờ
2.3.5. Massage tay và cánh tay	10 giờ
2.3.6. Massage đầu	10 giờ
Kiểm tra	1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Phòng học lý thuyết: Phòng học đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, âm thanh, thông thoáng và đảm bảo an toàn về phòng chống cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy tính; máy chiếu Projector, phong chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;

- **Dụng cụ:** đá massa,

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện mô-đun yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

+ Trình bày được mục đích và hiệu quả của việc chăm sóc da toàn thân;

+ Trình bày được những nội dung cần chú ý trước khi chăm sóc da toàn thân;

+ Trình bày được các kỹ thuật và phương pháp chăm sóc toàn thân và cách sử dụng các thiết bị chăm sóc toàn thân.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được mục đích và hiệu quả của việc chăm sóc da toàn thân;

+ Phân tích được những nội dung cần chú ý trước khi chăm sóc da toàn thân;

+ Phân tích được các kỹ thuật và phương pháp chăm sóc toàn thân và cách sử dụng các thiết bị chăm sóc toàn thân.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập;
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra tự luận;
- Thi kết thúc mô-đun: Hình thức kiểm tra tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình mô-đun Massage body sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Đối với giảng viên:

- + Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;
- + Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;
- + Kiểm tra các bài tập về nhà, hướng dẫn và sửa các lỗi tại lớp cho sinh viên.
- + Giảng dạy lý thuyết cần có các hình ảnh minh họa để sinh viên quan sát + Trong quá trình hướng dẫn làm bài tập ứng dụng, giảng viên chia nhóm để sinh viên dễ quan sát.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập;
- + Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên;
- + Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà;
- + Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp;
- + Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Trước khi chăm sóc da toàn thân;
- Kỹ thuật bằng tay;
- Chăm sóc sử dụng thiết bị làm đẹp;
- Mát xa kinh lạc;

- Thủy liệu pháp.
- Massage chân, lưng, vai và cổ, tay và cánh tay, đầu.

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Massage body – Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội
nghệ cao Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên môn học: Gọi đầu dưỡng sinh

Mã mô-đun: MĐ21

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ. Thực hành: 55 giờ.

Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- Vị trí: Mô-đun được bố trí học sau các môn cơ sở
- Tính chất: Mô-đun thuộc môn cơ sở cho sinh viên ngành chăm sóc sắc đẹp

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức:

- + Trình bày được những tác dụng của gọi đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời;
- + Trình bày được các bước gọi đầu dưỡng sinh;
- + Trình bày được cách xác định các huyết đạo.
- + Trình bày được phương pháp dưỡng sinh an yên;
- + Phân tích được bản đồ chiến lược, giải pháp chiến lược, khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng;
- + Trình bày được cách nấu nước từ rạ xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ;
- + Trình bày được cách nấu nước gọi đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được những tác dụng của gọi đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời;
- + Phân tích được các bước gọi đầu dưỡng sinh;
- + Phân tích được cách xác định các huyết đạo;
- + Phân tích được phương pháp dưỡng sinh an yên;
- + Phân tích được bản đồ chiến lược, giải pháp chiến lược, khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng;
- + Phân tích được cách nấu nước từ rạ xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ;
- + Phân tích được cách nấu nước gọi đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

III. NỘI DUNG MÔ-ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Số TT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí	Kiểm tra

				nghiệm, thảo luận, bài tập	
	Bài 1: Tổng quan về nghề gội đầu dưỡng sinh	2	2		
	1.1. Gội đầu dưỡng sinh là gì		1		
	1.2. Tác dụng của gội đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời		1		
	Bài 2: Quy trình gội đầu dưỡng sinh	55	4	49	2
	2.1. Các bước gội đầu dưỡng sinh		1	16	
	2.2. Xác định các huyết đạo thường dùng		1	14	
	2.3. Hướng dẫn cụ thể các bước		1	14	
	2.4. Nước lá thảo dược, dầu gội thảo dược		1	5	2
	Bài 3: Một số gói combo tham khảo	2	2		
	3.1. Dưỡng sinh an yên		1		
	3.2. Dưỡng sinh an tâm		0,5		
	3.3. Dưỡng sinh an nhàn		0,5		
	Bài 4: Chiến dịch marketing	4	3		1
	4.1. Tư duy hệ thống		0,5		
	4.2. Lựa chọn chiến lược		0,5		
	4.3. Xác định kết quả chiến lược, kết quả then chốt		0,5		
	4.4. Xây dựng bản đồ chiến lược,		0,5		
	4.5. Giải pháp chiến lược trọng tâm		0,5		
	4.6. Khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng		0,5		1
	Bài 5: Sơ đồ cơ bản cho học viên làm gội đầu dưỡng sinh	3	2		1
	5.1. Cơ bản		0,5		
	5.2. Thêm phần Decor		0,5		

	5.3. Thêm dịch vụ kết hợp với xông đầu		1		1
	Bài 6: Công thức, cách nấu và bảo quản lá thảo dược gội đầu dưỡng sinh	9	3	5	1
	6.1. Cách nấu nước gội đầu từ bồ kết		1	1	
	6.2. Cách nấu nước từ cỏ màn trâu, bồ kết, vỏ bưởi và sả		1	1	
	6.3. Cách nấu nước từ rả xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ		0,5	1	
	6.4. Cách nấu nước gội đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu		0,5	2	1
	Cộng	75	15	55	5

Bài 1: Tổng quan về nghề gội đầu dưỡng sinh

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được gội đầu dưỡng sinh là gì;
- + Trình bày được những tác dụng của gội đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được gội đầu dưỡng sinh là gì;
- + Phân tích được những tác dụng của gội đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1.1. Gội đầu dưỡng sinh là gì *1 giờ*

2.1.2. Tác dụng của gội đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời *1 giờ*

Bài 2: Quy trình gội đầu dưỡng sinh

Thời gian: 55 giờ (LT: 4 giờ; TH: 50 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các bước gội đầu dưỡng sinh;
- + Trình bày được cách xác định các huyết đạo.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được các bước gọi đầu dưỡng sinh;
- + Phân tích được cách xác định các huyết đạo.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.2.1. Các bước gọi đầu dưỡng sinh	18 giờ
2.2.2. Xác định các huyết đạo thường dùng	15 giờ
2.2.3. Hướng dẫn cụ thể các bước	15 giờ
2.2.4. Nước lá thảo dược, dầu gọi thảo dược	6 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 3: Một số gói combo tham khảo

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được phương pháp dưỡng sinh an yên;
- + Trình bày được phương pháp dưỡng sinh an tâm;
- + Trình bày được phương pháp dưỡng sinh an nhàn.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được phương pháp dưỡng sinh an yên;
- + Phân tích được phương pháp dưỡng sinh an tâm;
- + Phân tích được phương pháp dưỡng sinh an nhàn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.3.1. Dưỡng sinh an yên	0,5 giờ
2.3.2. Dưỡng sinh an tâm	0,25 giờ
2.3.3. Dưỡng sinh an nhàn	0,25 giờ

Bài 4: Chiến dịch marketing

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được cách tư duy, lựa chọn chiến lược, xác định kết quả then chốt;
- + Trình bày được bản đồ chiến lược, giải pháp chiến lược, khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được cách tư duy, lựa chọn chiến lược, xác định kết quả then chốt;
- + Phân tích được bản đồ chiến lược, giải pháp chiến lược, khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.4.1. Tư duy hệ thống	0,5 giờ
------------------------	---------

2.4.2. Lựa chọn chiến lược	0,5 giờ
2.4.3. Xác định kết quả chiến lược, kết quả then chốt	0,5 giờ
2.4.4. Xây dựng bản đồ chiến lược,	0,5 giờ
2.4.5. Giải pháp chiến lược trọng tâm	0,5 giờ
2.4.6. Khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng	0,5 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 5: Sơ đồ cơ bản cho học viên làm gọi đầu dưỡng sinh

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được sơ đồ cơ bản, Décor;
- + Trình bày được các dịch vụ kết hợp với xông tinh dầu.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được sơ đồ cơ bản, Décor;
- + Phân tích được các dịch vụ kết hợp với xông tinh dầu.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.5.1. Cơ bản	0,5 giờ
2.5.2. Thêm phần Decor	0,25 giờ
2.5.3. Thêm dịch vụ kết hợp với xông đầu	0,25 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 6: Công thức, cách nấu và bảo quản lá thảo dược gọi đầu dưỡng sinh

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được cách nấu nước gọi đầu từ bồ kết;
- + Trình bày được cách nấu nước từ cỏ màn trâu, bồ kết, vỏ bưởi và sả;
- + Trình bày được cách nấu nước từ rạ xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ;
- + Trình bày được cách nấu nước gọi đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được cách nấu nước gọi đầu từ bồ kết;
- + Phân tích được cách nấu nước từ cỏ màn trâu, bồ kết, vỏ bưởi và sả;
- + Phân tích được cách nấu nước từ rạ xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ;
- + Phân tích được cách nấu nước gọi đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu.

- Kỹ năng:

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.6.1. Cách nấu nước gội đầu từ bồ kết	2 giờ
2.6.2. Cách nấu nước từ cỏ màn trâu, bồ kết, vỏ bưởi và sả	2 giờ
2.6.3. Cách nấu nước từ rả xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ	1,5 giờ
2.6.4. Cách nấu nước gội đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu	2,5 giờ
Kiểm tra	1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Phòng học lý thuyết: Phòng học đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, âm thanh, thông thoáng và đảm bảo an toàn về phòng chống cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy tính; máy chiếu Projector, phong chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;
- Dụng cụ: lược silicon

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện mô-đun yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được những tác dụng của gội đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời;
- + Trình bày được các bước gội đầu dưỡng sinh;
- + Trình bày được cách xác định các huyết đạo.
- + Trình bày được phương pháp dưỡng sinh an yên;
- + Phân tích được bản đồ chiến lược, giải pháp chiến lược, khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng;
- + Trình bày được cách nấu nước từ rả xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ;
- + Trình bày được cách nấu nước gội đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được những tác dụng của gội đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời;
- + Phân tích được các bước gội đầu dưỡng sinh;
- + Phân tích được cách xác định các huyết đạo;
- + Phân tích ày được phương pháp dưỡng sinh an yên:

- + Phân tích được bản đồ chiến lược, giải pháp chiến lược, khung giờ đăng bài và chăm sóc khách hàng;
- + Phân tích được cách nấu nước từ rả xanh, dầu oliu và hoa cúc vạn thọ;
- + Phân tích được cách nấu nước gội đầu từ bồ kết, hương nhu, vỏ bưởi, lá nếp, tía tô, sả, gừng, cỏ màn trâu.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập;
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra tự luận;
- Thi kết thúc mô-đun: Hình thức kiểm tra tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình mô-đun Gội đầu dưỡng sinh sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra các bài tập về nhà, hướng dẫn và sửa các lỗi tại lớp cho sinh viên.

+ Giảng dạy lý thuyết cần có các hình ảnh minh họa để sinh viên quan sát

+ Trong quá trình hướng dẫn làm bài tập ứng dụng, giảng viên chia nhóm để sinh viên dễ quan sát.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập;

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên;

+ Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà;

+ Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp;

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tác dụng của gội đầu dưỡng sinh và những giá trị tuyệt vời;
- Các bước gội đầu dưỡng sinh;
- Xác định các huyết đạo thường dùng;
- Các cách nấu nước gội đầu từ thảo dược.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Gội đầu dưỡng sinh chuyên sâu – Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Tóc và mi

Mã số của mô đun : 22

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: 43giờ) Kiểm tra : 2giờ

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí:

+ Mô đun **Tóc và mi** là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình môn học, mô đun đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp

- Tính chất:

+ Mô đun **Tóc và mi** là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành

II.vMục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được các loại tóc, hiểu về tóc;

+Trình bày được cấu tạo và sự phát triển của tóc;

+Trình bày được một số bệnh lý của tóc và cách khắc phục;

+ Trình bày được một số kỹ thuật tạo kiểu tóc;

+ Trình bày được các nguyên tắc trong việc sấy tóc;

+Trình bày được các loại dụng cụ thiết bị để thực hiện tạo kiểu tóc;

+Trình bày được các dụng cụ nối mi

+ Trình bày được các dáng mi

+ Trình bày được các kiểu nối mi

+ Trình bày được thuật nối mi

+Trình bày được quy trình nối mi, tháo mi

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo quy trình sấy tóc đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Tạo được các kiểu tóc sấy, tóc tết, tóc uốn;

+ Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị làm tóc;

+ Thành thạo thực hiện các kỹ năng sấy các kiểu tóc và các loại tóc;

+ Trình bày được kỹ thuật cầm máy uốn và các điểm cần chú ý khi thực hiện uốn tóc;

+ Thực hiện thành thạo kỹ năng, sấy tóc, uốn tóc, tết tóc theo đúng hình dáng.

+ Phân tích được các kiểu nối mi;

+ Phân tích được kỹ thuật nối mi;

- +Phân tích được quy trình nối mi;
- + Thực hiện nối mi đúng thao tác trình tự;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- +Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề;
- +Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Bài 1: Sự hình thành và phát triển của tóc	2	2	0	
	1.1. Cấu tạo của tóc		0,5		
	1.2. Quá trình phát triển của tóc		0,5		
	1.3. Một số bệnh lý về tóc và cách khắc phục điều trị		1		
	Bài 2: Kỹ thuật tạo kiểu tóc	10	2	7	1
	2.1. Dụng cụ		0,5		
	2.2. Kỹ thuật tạo kiểu tóc		1,5	7	1
	Bài 3: Các kiểu nối mi	8	3	5	
	3.1. Dụng cụ và nguyên liệu		0,5		
	3.2. Phân loại lông mi		0,5		
	3.3. Các dáng thiết kế mi mắt		1		
	3.4. Các kiểu nối mi		1	5	
	Bài 4: Kỹ thuật nối mi	40	8	31	1

	4.1. Kỹ thuật lấy keo và nối mi		2	1	
	4.2. Nối mi bằng nhíp		2	10	
	4.3. Quy trình nối mi		2	10	
	4.4. Quy trình dặm, loại bỏ tháo mi		2	10	1
	Tổng cộng	60	15	43	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Sự hình thành và phát triển của tóc

Thời gian :2 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức

- +Trình bày được sự hình thành và phát triển của tóc
- +Trình bày được một số bệnh lý và cách khắc phục điều trị

- Kỹ năng

- +Phân tích được sự hình thành và phát triển của tóc
- +Phân tích được được một số bệnh lý và cách khắc phục điều trị

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

2. Nội dung bài :

- 2.2.1.Cấu tạo của tóc 0,5giờ
- 2.2.2.Qúa trình phát triển của tóc 0,5 giờ
- 2.2.3. Một số bệnh lý về tóc và cách khắc phục điều trị 1 giờ

Bài 2: Kỹ thuật tạo kiểu tóc

Thời gian: 10 giờ(LT: 2 giờ; TH: 7 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức

- +Trình bày được các loại dụng cụ thiết bị để thực hiện tạo kiểu tóc
- + Nhận biết được một số hình dáng kiểu tóc

- Kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị làm tóc
 - + Thành thạo thực hiện các kỹ năng sấy các kiểu tóc và các loại tóc
 - + Trình bày được kỹ thuật cầm máy uốn và các điểm cần chú ý khi thực hiện uốn tóc
 - + Thực hiện thành thạo kỹ năng, sấy tóc, uốn tóc, tết tóc theo đúng hình dáng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề
 - + Tỉ mỉ, sáng tạo cẩn thận thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

2. Nội dung bài:

2.2.1. Dụng cụ	0,5 giờ
2.2.2 Kỹ thuật tạo kiểu tóc	
2.2.2.1 Kỹ thuật sấy tóc	2,5 giờ
2.2.2.2 Kỹ thuật uốn tóc	2,5 giờ
2.2.2.3 Kỹ thuật tết tóc	3,5 giờ
Kiểm tra	1 giờ

Bài 3: Các kiểu nối mi

Thời gian: 8 giờ (LT: 3 giờ; TH: 5 giờ)

Mục tiêu bài học

- Kiến thức:

- + Trình bày được các dụng cụ nối mi
- + Trình bày được phân loại lông mi.
- + Trình bày được các hình dáng mi mắt
- + Trình bày được các kiểu nối mi

- Kỹ năng:

- + Phân tích được các chất liệu nối mi
- + Phân tích được các kiểu nối mi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.3.1. dụng cụ và nguyên liệu

2.3.1.1. Dụng cụ

0,25 giờ

2.3.1.2. Nguyên liệu	0,25 giờ
2.3.2. Phân loại lông mi	0, 5 giờ
2.3.3. Các hình dáng thiết kế mi mắt	
2.3.3.1. Mắt một mí	0,25 giờ
2.3.3.2. Mắt rộng	0,25 giờ
2.3.3.3. Mắt Sâu	0,25 giờ
2.3.3.4. Mắt sếch	0,25 giờ
2.3.4. Các kiểu nối mi	6 giờ

Bài 4: Kỹ thuật nối mi

Thời gian: 40 giờ (LT: 8 giờ; TH: 31 giờ; KT: 1 giờ)

- Kiến thức:

- + Trình bày được trình tự nối mi
- + Trình bày được các bước nối mi bằng nhíp
- + Trình bày được quy trình nối mi
- + Trình bày được quy trình dặm, tháo bỏ mi

- Kỹ năng:

- + Phân tích được trình tự nối mi
- + Phân tích được các bước nối mi bằng nhíp
- + Phân tích được quy trình nối mi
- + Phân tích được quy trình dặm, tháo bỏ mi

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.4.1. Kỹ thuật lấy keo và nối mi	3 giờ
2.4.2. Nối mi bằng nhíp	
2.4.2.1. Nối mi bằng một nhíp	6 giờ
2.4.2.2. Nối mi bằng hai nhíp	6 giờ
2.4.3. quy trình nối mi	12 giờ
2.4.3.1. Quy trình nối mi trên	6 giờ
2.4.3.2. Quy trình nối mi dưới	6 giờ
2.4.4. Quy dặm mi và loại bỏ tháo mi	12 giờ
2.4.4.1. Quy trình dặm	6 giờ

2.4.4.2. Quy trình loại bỏ tháo mi

6 giờ

Kiểm tra

1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hoá

- Phòng học thực hành, điện sáng đủ 10 tuýp, bàn ghế chuyên nghiệp dành cho lớp tóc, ghế ngồi cắt tóc, giường nằm gội, gương soi 2 phía tường thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy sấy, máy uốn, máy ép, máy dập xù

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Người mẫu, đầu tóc giả manơ canh

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;

- **Dụng cụ:** kẹp vịt, lược, chổi mi, tăm bông, gương soi, quạt mi, đèn chụp, bột vệ sinh mí.....

- Nguyên liệu:

+ Dưỡng tóc

+ Gel vuốt tóc giữ nếp

+ băng kéo, mi mắt gell, sáp.....

4. Các điều kiện khác.

Trung tâm Beauty salon tóc, tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được các loại tóc, hiểu về tóc;

+Trình bày được cấu tạo và sự phát triển của tóc;

+Trình bày được một số bệnh lý của tóc và cách khắc phục;

+ Trình bày được một số kỹ thuật tạo kiểu tóc;

+ Trình bày được các nguyên tắc trong việc sấy tóc;

+Trình bày được các loại dụng cụ thiết bị để thực hiện tạo kiểu tóc;

+Trình bày được các dụng cụ nối mi

+ Trình bày được các dáng mi

+ Trình bày được các kiểu nối mi

+ Trình bày được thuật nối mi

- +Trình bày được quy trình nối mi, tháo mi
- Kỹ năng:
- + Thực hiện thành thạo quy trình sấy tóc đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- + Tạo được các kiểu tóc sấy, tóc tết, tóc uốn;
- + Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị làm tóc;
- + Thành thạo thực hiện các kỹ năng sấy các kiểu tóc và các loại tóc;
- + Trình bày được kỹ thuật cầm máy uốn và các điểm cần chú ý khi thực hiện uốn tóc;
- + Thực hiện thành thạo kỹ năng, sấy tóc, uốn tóc, tết tóc theo đúng hình dáng.
- + Phân tích được các kiểu nối mi;
- + Phân tích được kỹ thuật nối mi;
- +Phân tích được quy trình nối mi;
- + Thực hiện nối mi đúng thao tác trình tự;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- +Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề;
- +Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành
- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Chương trình mô đun Tóc được sử dụng để giảng dạy đào tạo trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:

- Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng phim, máy chiếu hoặc bản vẽ để giới thiệu cách mẫu tóc nhuộm ưa chuộng để làm sinh động bài giảng.
- Nên phân nhóm học viên để có điều kiện trao đổi về kiến thức và kỹ năng trong quá trình học tập.
- Giảng viên kèm cặp, uốn nắn trực tiếp các thao tác tạo kỹ năng tạo kiểu tóc trong khi thực tập.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

-Bài 2,4

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc tóc chuyên sâu- Trung tâm đào tạo nghề thẩm mỹ Ý MY năm 2010.

- Giáo trình cắt uốn tóc Trung tâm dạy nghề Sài gòn xuất bản năm 2008.

- Giáo trình cắt uốn tóc Công ty CP sáng tạo mới và đẹp xuất bản năm 2010.

-https://beecost.vn/giao-trinh-noi-mi-co-ban-den-chuyen-sau-p.1__2105568246__88576929

-<https://thitruongsi.com/giao-trinh-noi-mi-uon-mi-co-ban-and-nang-cao-1669080.html>

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên mô-đun: Quản lý cơ sở kinh doanh

Mã mô-đun: MĐ23

Thời gian thực hiện mô-đun: 45 giờ;

(Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 23 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- Vị trí: Mô-đun Quản lý cơ sở kinh doanh là mô-đun tự chọn được bố trí học sau các mô-đun, môn học chuyên môn nghề.
- Tính chất: Mô-đun Quản lý cơ sở kinh doanh là mô-đun tự chọn trong chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được quy trình quản lý cơ sở kinh doanh;
 - + Trình bày được quy trình quản lý nguồn nhân lực;
 - + Trình bày được quy trình hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của doanh nghiệp;
 - + Trình bày được quy trình xây dựng chiến lược Marketing và quản lý quan hệ khách hàng.
- Kỹ năng:
 - + Phân tích được quy trình quản lý cơ sở kinh doanh;
 - + Phân tích được quy trình quản lý nguồn nhân lực;
 - + Phân tích được quy trình hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của doanh nghiệp;
 - + Phân tích được quy trình xây dựng chiến lược Marketing và quản lý quan hệ khách hàng.
 - + Quản lý được cơ sở kinh doanh hiệu quả đạt mục tiêu;
 - + Tiếp đón và chăm sóc khách hàng chu đáo, nhiệt tình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

1	Bài 1: Quy trình thành lập doanh nghiệp thẩm mỹ	8	4	4	
	1.1. Khái niệm		0.5	1	
	1.2. Lựa chọn vị thế		1	1	
	1.3. Khả năng và ý trí của Nhà thành lập doanh nghiệp thẩm mỹ		1.5	1	
	1.4. Thiết lập và xây dựng kế hoạch tiền vốn của doanh nghiệp		1	1	
2	Bài 2: Quản lý nguồn nhân lực	8	3	5	
	2.1. Tiêu chuẩn tuyển dụng và trình tự làm việc		1	1	
	2.2. Quản lý nhân sự		1	2	
	2.3. Quản trị nghề nghiệp và đánh giá nhân sự		1	2	
3	Bài 3: Chiến lược Marketing	8	4	3	1
	3.1. Định nghĩa		0.5		
	3.2. Quản lý và phân tích Marketing		1.5	1	
	3.3. Kế hoạch, chiến lược Marketing		2	2	1
4	Bài 4: Hoạt động kinh doanh và phân tích quản lý tài chính	8	4	4	
	4.1. Phân tích kinh doanh và kiểm soát tài chính		2	2	
	4.2. Phân tích cấu trúc của báo cáo tài chính		2	2	
5	Bài 5: Quản lý quan hệ khách hàng	13	5	7	1
	5.1. Khái niệm				
	5.2. Đẩy mạnh thành tích và quản lý khách hàng hiệu quả		1	1	
	5.3. Nguyên tắc đón tiếp khách		1	2	

	hàng của doanh nghiệp thẩm mỹ				
	5.4. Dịch vụ nâng cao khách hàng thẩm mỹ		1	2	
	5.5. Giá trị và đặc điểm chất lượng dịch vụ		1	1	
	5.6. Tạo hình ảnh doanh nghiệp		1	1	1
Cộng		45	20	23	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Quy trình thành lập doanh nghiệp thẩm mỹ

Thời gian: 8 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- + Trình bày được quy trình thành lập doanh nghiệp thẩm mỹ;
- + Trình bày được tiêu chí lựa chọn vị trí doanh nghiệp;
- + Trình bày được quy trình thiết lập và xây dựng kế hoạch tiền vốn của doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được quy trình thành lập doanh nghiệp thẩm mỹ;
- + Phân tích được tiêu chí lựa chọn vị trí doanh nghiệp;
- + Phân tích được quy trình thiết lập và xây dựng kế hoạch tiền vốn của doanh nghiệp.
- + Lựa chọn được vị trí của doanh nghiệp thẩm mỹ;
- + Thiết lập và xây dựng được kế hoạch tiền vốn của doanh nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm	<i>1.5 giờ</i>
2.2. Lựa chọn vị thế	<i>2 giờ</i>
2.3. Khả năng và ý trí của Nhà thành lập doanh nghiệp thẩm mỹ	<i>2.5 giờ</i>
2.4. Thiết lập và xây dựng kế hoạch tiền vốn của doanh nghiệp	<i>2 giờ</i>

Bài 2: Quản lý nguồn nhân lực

Thời gian: 8 giờ (LT: 3 giờ; TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được tiêu chuẩn tuyển dụng và trình tự làm việc của doanh nghiệp;
- + Trình bày được quá trình quản lý nhân sự của doanh nghiệp;
- + Trình bày được quá trình quản trị nghề nghiệp và đánh giá nhân sự.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được tiêu chuẩn tuyển dụng và trình tự làm việc của doanh nghiệp;
- + Phân tích được quá trình quản lý nhân sự của doanh nghiệp;
- + Phân tích được quá trình quản trị nghề nghiệp và đánh giá nhân sự;
- + Quản lý được nhân sự của doanh nghiệp;
- + Quản lý và đánh giá được nhân sự của doanh nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- | | |
|---|-------|
| 2.1. Tiêu chuẩn tuyển dụng và trình tự làm việc | 2 giờ |
| 2.2. Quản lý nhân sự | 3 giờ |
| 2.3. Quản trị nghề nghiệp và đánh giá nhân sự | 3 giờ |

Bài 3: Chiến lược Marketing

Thời gian: 8 giờ (LT: 4 giờ; TH: 3 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- + Trình bày được khái quát về Marketing;
- + Trình bày được quá trình quản lý và phân tích Marketing;
- + Trình bày được quy trình lập kế hoạch, chiến lược Marketing.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được khái quát về Marketing;
- + Phân tích được quá trình quản lý và phân tích Marketing;
- + Phân tích được quy trình lập kế hoạch, chiến lược Marketing;
- + Quản lý và phân tích được chiến lược Marketing;
- + Xây dựng được kế hoạch và chiến lược Marketing.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

- | | |
|-------------------------------------|---------|
| 2.1. Định nghĩa | 0,5 giờ |
| 2.2. Quản lý và phân tích Marketing | 2,5 giờ |

2.3. Kế hoạch, chiến lược Marketing

4 giờ

Kiểm tra

1 giờ

Bài 4: Hoạt động kinh doanh và phân tích quản lý tài chính

Thời gian: 8 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- + Trình bày được quá trình kinh doanh và kiểm soát tài chính của doanh nghiệp;
- + Trình bày được cấu trúc của báo cáo tài chính.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được quá trình kinh doanh và kiểm soát tài chính của doanh nghiệp;
- + Phân tích được cấu trúc của báo cáo tài chính;
- + Phân tích và quản lý được tài chính của doanh nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

2.1. Phân tích kinh doanh và kiểm soát tài chính

4 giờ

2.2. Phân tích cấu trúc của báo cáo tài chính

4 giờ

Bài 5: Quản lý quan hệ khách hàng

Thời gian: 13 giờ (LT: 5 giờ; TH: 7 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- + Trình bày được đặc điểm của quá trình quản lý, quan hệ khách hàng;
- + Trình bày được các nguyên tắc đón tiếp khách hàng của doanh nghiệp thẩm mỹ;
- + Trình bày được các dịch vụ nâng cao khách hàng thẩm mỹ;
- + Trình bày được quá trình tạo hình ảnh của doanh nghiệp thẩm mỹ.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được đặc điểm của quá trình quản lý, quan hệ khách hàng;
- + Phân tích được các nguyên tắc đón tiếp khách hàng của doanh nghiệp thẩm mỹ;
- + Phân tích được các dịch vụ nâng cao khách hàng thẩm mỹ;
- + Phân tích được quá trình tạo hình ảnh của doanh nghiệp thẩm mỹ;
- + Đón tiếp được khách hàng đúng quy trình và đảm bảo chất lượng dịch vụ;
- + Tạo dựng được hình ảnh của doanh nghiệp thẩm mỹ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm

2 giờ

2.2. Đẩy mạnh thành tích và quản lý khách hàng hiệu quả	
2.3. Nguyên tắc đón tiếp khách hàng của doanh nghiệp thẩm mỹ	3 giờ
2.4. Dịch vụ nâng cao khách hàng thẩm mỹ	3 giờ
2.5. Giá trị và đặc điểm chất lượng dịch vụ	2 giờ
2.6. Tạo hình ảnh doanh nghiệp	2 giờ
Kiểm tra	1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết đảm bảo về ánh sáng, thông thoáng.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, tài liệu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Học liệu: Giáo trình, phiếu kiểm tra;
4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện mô-đun yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được quy trình quản lý cơ sở kinh doanh;
- + Trình bày được quy trình quản lý nguồn nhân lực;
- + Trình bày được quy trình hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của doanh nghiệp;
- + Trình bày được quy trình xây dựng chiến lược Marketing và quản lý quan hệ khách hàng.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được quy trình quản lý cơ sở kinh doanh;
- + Phân tích được quy trình quản lý nguồn nhân lực;
- + Phân tích được quy trình hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của doanh nghiệp;
- + Phân tích được quy trình xây dựng chiến lược Marketing và quản lý quan hệ khách hàng.

- + Quản lý được cơ sở kinh doanh hiệu quả đạt mục tiêu;
- + Tiếp đón và chăm sóc khách hàng chu đáo, nhiệt tình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc, tự giác trong học tập;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì và tư duy logic.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Thực hành, vấn đáp
- Kiểm tra định kỳ: Thực hành, tự luận
- Thi thóc mô-đun: Tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình mô-đun Quản lý cơ sở kinh doanh sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng – Nghề Chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho sinh viên.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô-đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

+ Quản lý nguồn nhân lực;

+ Quản lý hoạt động kinh doanh, tài chính;

+ Xây dựng chiến lược Marketing;

+ Quản lý quan hệ khách hàng;

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Setup cơ sở kinh doanh - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội

- PGS.TS Trần Kim Dung – Quản trị nguồn nhân lực – Nhà xuất bản Tài chính

- Kỹ năng Quản lý nhân sự chuyên nghiệp – Đỗ Hoàng Lan (*dịch*)

- Giáo trình Marketing căn bản – Trường ĐH Kinh tế TP.HCM – Nhà xuất bản lao động

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên mô-đun: Thực tập chuyên ngành

Mã mô-đun: MĐ 24

Thời gian thực hiện mô-đun: 120 giờ

(Lý thuyết :5 giờ, Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 115 giờ

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- **Vị trí:** Mô-đun Thực tập chuyên ngành được bố trí học sau khi học các môn học, mô-đun cơ sở và chuyên môn ngành .

- **Tính chất:** Mô-đun Thực tập chuyên ngành là môn học thực tập chuyên môn nghề trong danh mục các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao đẳng chăm sóc sắc đẹp, nhằm nâng cao tay nghề và tìm hiểu các quy trình thực hiện việc chăm sóc sắc đẹp tại các trung tâm chăm sóc sắc đẹp.

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức: Trình bày được quy trình chăm sóc các loại da, móng, massage body.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ trong quy trình thực hiện chăm sóc da và móng, massage body

+ Thực hiện thành thạo quy trình da, móng đạt yêu cầu kỹ thuật

+ Lựa chọn hóa mỹ phẩm phù hợp với từng bước thực hiện quy trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

III. Nội dung mô-đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Thực tập chăm sóc da	40	2	38	
2	Bài 2: Thực tập massage body	40	2	38	
3	Bài 3: Thực tập vẽ móng	40	1	39	
Cộng		120	5	115	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Thực tập chăm sóc da

Thời gian: 40 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được quy trình chăm sóc các loại da tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp;

- Kỹ năng: Phân biệt được các loại mỹ phẩm dung cho chăm sóc da tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp;
- Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ trong quy trình thực hiện chăm sóc da
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da đạt yêu cầu kỹ thuật
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy của trung tâm chăm sóc sắc đẹp và an toàn dịch tễ.

2. Nội dung bài:

2.1. Thiết bị dụng cụ, hóa mỹ phẩm

2.2. Quy trình thực hiện

2.3. Thực hành chăm sóc da

Bài 2: Thực tập massage body

Thời gian: 40 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được quy trình chăm sóc massage body;
- Kỹ năng: Phân biệt được các loại mỹ phẩm dung cho chăm sóc massage body tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp;
- Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ trong quy trình thực hiện massage body
- Thực hiện thành thạo quy trình massage body đạt yêu cầu kỹ thuật
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy của trung tâm chăm sóc sắc đẹp và an toàn dịch tễ.

2. Nội dung bài:

2.1. Thiết bị dụng cụ, hóa mỹ phẩm

2.2. Quy trình thực hiện

2.3. Thực hành massage body

Bài 3. Thực tập chăm sóc móng

Thời gian: 40 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được quy trình chăm sóc móng;
- Kỹ năng: Phân biệt được các loại mỹ phẩm dung cho chăm sóc móng tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp;
- Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ trong quy trình thực hiện móng
- Thực hiện thành thạo quy trình móng đạt yêu cầu kỹ thuật
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy của trung tâm chăm sóc móng và an toàn dịch tễ.

2. Nội dung bài:

2.1. Thiết bị dụng cụ, hóa mỹ phẩm

2.2. Quy trình thực hiện

2.3. Thực hành móng

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Dụng cụ và trang thiết bị:

- Dựa trên hệ thống thiết bị tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp mà sinh viên thực tập;
- Bút, sổ ghi chép;

2. Nguyên vật liệu:

Các loại nguyên liệu tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp nơi sinh viên thực tập;

3. Học liệu:

- Chương trình mô đun thực tập tốt nghiệp
- Đề cương thực tập;
- Tài liệu kỹ thuật;
- Tài liệu tham khảo;
- Nội quy thực tập.

4. Các nguồn lực khác:

- Các phòng cơ sở, phòng chuyên sâu;
- Trang bị bảo hộ lao động ;

5. Kiến thức kỹ năng đã có:

- Có kỹ năng và vận hành sử dụng thiết bị, dụng cụ;
- Hiểu biết về an toàn lao động vệ sinh dịch tễ;
- Hiểu biết về kiến thức chuyên môn ngành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: **Trình bày được cơ cấu tổ chức sản xuất của công ty đến thực tập**

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ trong quy trình thực hiện chăm sóc da và móng, massage body

+ Thực hiện thành thạo quy trình da, móng đạt yêu cầu kỹ thuật

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

2. Phương pháp:

Đánh giá kết quả TTTN theo thang điểm 10:

- Ý thức, sự phối hợp của SV với cán bộ hướng dẫn và các thành viên nơi đơn vị thực tập: 5 điểm

- Kết quả thực hiện: 5 điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Môn học Thực tập chuyên ngành sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

-Đối với giảng viên:

+ Phối hợp với với trung tâm chăm sóc sắc đẹp lập nhóm, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp thực tập;

- Đối với trung tâm:

+ Cử cán bộ, nhân viên phối hợp với giảng viên quản lý, hướng dẫn, bố trí cho SV thực tập theo chương trình TT.

+ Đánh giá cho điểm đối với SV hoàn thành chương trình TT

- Đối với người học:

+ Chấp hành nội quy, quy chế của trung tâm đến thực tập

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị tại nơi thực tập

+ Tham gia thực tập 100%

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 1. Bài 2. Bài 3

4. Tài liệu cần tham khảo:

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên mô-đun: Thực tập tốt nghiệp

Mã mô-đun: MĐ 25

Thời gian thực hiện mô-đun: 225 giờ

(Lý thuyết 5 giờ:Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 220 giờ

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- Vị trí: Mô-đun Thực tập tốt nghiệp được bố trí học sau cùng của khoá học, trước khi thi tốt nghiệp.

- Tính chất: Mô-đun Thực tập tốt nghiệp là môn học thực tập chuyên môn nghề trong danh mục các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao đẳng chăm sóc sắc đẹp, nhằm nâng cao tay nghề và tìm hiểu các quy trình thực hiện việc chăm sóc sắc đẹp tại các trung tâm chăm sóc sắc đẹp.

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình kinh doanh của trung tâm chăm sóc sắc đẹp

- Kỹ năng:

+ Phân tích được mô hình hoạt động của trung tâm chăm sóc sắc đẹp, chiến lược kinh doanh các loại hình dịch vụ;

+ Phân tích được quy trình thực hiện chuyên đề tại TT chăm sóc sắc đẹp

+ Thực hành chuyên đề đạt yêu cầu kỹ thuật

+ Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm phù hợp với từng bước thực hiện quy trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

III. Nội dung mô-đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. Tìm hiểu mô hình kinh doanh của trung tâm	5	5		
2	Bài 2. Thực tập chuyên đề	160		160	
3	Bài 3: Viết báo cáo chuyên đề	60		60	
Cộng		225	5	220	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tìm hiểu mô hình kinh doanh của trung tâm

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình kinh doanh của trung tâm chăm sóc sắc đẹp;
- Kỹ năng: Phân tích được mô hình hoạt động của trung tâm chăm sóc sắc đẹp, chiến lược kinh doanh các loại hình dịch vụ;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy của cửa hàng hoặc học viện

2. Nội dung bài:

2.1. Mô hình hoạt động

2.2. Các dịch vụ

2.3. Chiến lược Marketing

Bài 2. Thực tập chuyên đề

Thời gian: 160 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày quy trình sử dụng thiết bị, dụng cụ, phương pháp thực hiện;
- Kỹ năng: + Thực hành chuyên đề đạt yêu cầu kỹ thuật
+ Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm phù hợp với từng bước thực hiện quy trình
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Thiết bị dụng cụ

2.2. Tìm hiểu hóa mỹ phẩm được sử dụng tại nơi thực tập

2.3. Thực tập chuyên đề

Bài 3. Viết báo cáo chuyên đề

Thời gian: 60 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình hoạt động, các loại dịch vụ tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp.
- Kỹ năng:
+ Phân tích được mô hình hoạt động của trung tâm chăm sóc sắc đẹp;
+ Liệt kê được các thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm cần dùng trong quá trình thực tập theo chuyên đề
+ Phân tích được quy trình thực hiện chuyên đề tại TT chăm sóc sắc đẹp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

2. Nội dung bài

2.1. Tìm hiểu về trung tâm chăm sóc sắc đẹp

- Địa điểm

- Mô hình hoạt động

- Các loại dịch vụ

2.2. Chuyên đề thực tập

- Dụng cụ trang thiết bị

- Hóa mỹ phẩm sử dụng

- Nghiên cứu quy trình thực hiện

2.3. Đề xuất phương án

Kết luận

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Dụng cụ và trang thiết bị:

- Dựa trên hệ thống thiết bị tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp mà sinh viên thực tập;

- Bút, sổ ghi chép;

2. Nguyên vật liệu:

Các loại nguyên liệu tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp nơi sinh viên thực tập;

3. Học liệu:

- Chương trình mô đun thực tập tốt nghiệp

- Đề cương thực tập;

- Tài liệu kỹ thuật;

- Tài liệu tham khảo;

- Nội quy thực tập.

4. Các nguồn lực khác:

- Các phòng cơ sở, phòng chuyên sâu;

- Trang bị bảo hộ lao động ;

5. Kiến thức kỹ năng đã có:

- Có kỹ năng và vận hành sử dụng thiết bị, dụng cụ;

- Hiểu biết về an toàn lao động vệ sinh dịch tễ;

- Hiểu biết về kiến thức chuyên môn ngành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình kinh doanh của trung tâm chăm sóc sắc đẹp mà SV đến thực tập

- Kỹ năng:

+ Thực hành chuyên đề đạt yêu cầu kỹ thuật

+ Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm phù hợp với từng bước thực hiện quy trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

2. Phương pháp:

Đánh giá kết quả TTTN theo thang điểm 10:

- Ý thức, sự phối hợp của SV với cán bộ hướng dẫn và các thành viên nơi đơn vị thực tập: 5 điểm

- Báo cáo chuyên đề: 5

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình thực tập tốt nghiệp sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Đối với giảng viên:

+ Phối hợp với trung tâm chăm sóc sắc đẹp lập nhóm, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp thực tập;

- Đối với trung tâm:

+ Cử cán bộ, nhân viên phối hợp với giảng viên quản lý, hướng dẫn, bố trí cho SV thực tập theo chương trình TTTN.

+ Đánh giá cho điểm đối với SV hoàn thành chương trình TTTN

- Đối với người học:

+ Chấp hành nội quy, quy chế của trung tâm đến thực tập

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị tại nơi thực tập

+ Tham gia thực tập 100%

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 2. Thực tập chuyên đề

Bài 3. Viết báo cáo chuyên đề

4. Tài liệu cần tham khảo: